

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

**VĂN HÓA NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH
VÀ SỰ VẬN DỤNG TRONG BỐI CẢNH
HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	6
1.1. Những công trình liên quan đến đề tài luận án	6
1.2. Khái quát những kết quả của các công trình khoa học đã đạt được và một số vấn đề luận án cần tiếp tục triển khai nghiên cứu	27
Chương 2: VĂN HÓA NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH - KHÁI NIỆM VÀ CƠ SỞ HÌNH THÀNH	31
2.1. Một số khái niệm	31
2.2. Cơ sở hình thành văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh	48
Chương 3: ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN VÀ GIÁ TRỊ VĂN HÓA NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH	73
3.1. Đặc trưng cơ bản của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh	73
3.2. Giá trị văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh	105
Chương 4: VẬN DỤNG VĂN HÓA NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	114
4.1. Thực trạng văn hóa ngoại giao Việt Nam từ năm 2001 đến nay	114
4.2. Yêu cầu vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay	124
4.3. Giải pháp chủ yếu vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay	137
KẾT LUẬN	148
CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	151
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	152

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Trước yêu cầu của thực tiễn cách mạng nước ta, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Đảng ta nhấn mạnh: “Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra” [18, tr.66]. Theo đó, Đảng ta đã ban hành nhiều Chỉ thị, Nghị quyết chỉ đạo thực hiện điều này, trong đó có Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị (khóa XII) về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Việc nghiên cứu văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay ở Việt Nam chính là hoạt động cụ thể nhằm góp phần hiện thực hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng, tham gia giải quyết những vấn đề cấp bách của thực tiễn ngoại giao Việt Nam.

Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa. Người là lãnh tụ chính trị thiên tài của cách mạng và là nhà ngoại giao, người kiến trúc sư tài năng sáng lập nên nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Trong nhiều năm trên cương vị Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước, Bộ trưởng ngoại giao đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh đã đóng góp to lớn cho nền ngoại giao, hình thành, phát triển một “trường phái ngoại giao Việt Nam”. Một trong những di sản vô giá Hồ Chí Minh để lại cho Đảng và dân tộc Việt Nam là văn hóa ngoại giao, nhân tố góp phần tạo nên sự thành công cho nền ngoại giao Việt Nam, góp phần xác lập thế và lực của Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời tạo lập lòng tin, sự kính trọng của nhân dân các nước đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh được hình thành từ truyền thống văn hóa dân tộc, kết tinh các giá trị văn hóa của nhân loại một cách hài hòa, nhuần nhị và trên hết được thể hiện bởi một trí tuệ - Một nhân cách văn

hóa. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không chỉ chứa đựng những giá trị thể hiện nét riêng độc đáo mà cả giá trị phổ quát. Vì vậy, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh ngày càng phải được nhận thức sâu sắc cả nội dung, giá trị lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên đến nay, việc nhận thức đó chưa đầy đủ. Nghiên cứu về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh vẫn chưa tương xứng với vai trò, vị trí và chưa làm sáng rõ giá trị, tầm vóc, ý nghĩa của nó.

Trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục phát triển sâu rộng, tác động tới mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế làm những khác biệt về nhiều mặt giữa các quốc gia, dân tộc ngày càng bộc lộ rõ hơn. Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và phát triển trở thành xu thế chính yếu, chi phối sâu rộng các mối quan hệ cũng như đường lối đối ngoại của mỗi quốc gia, nhưng vẫn còn hiện hữu vô số nhân tố bất ổn, khó lường. Đặc điểm này, một mặt đem đến cho nhân loại những lý do mới để tiếp tục nuôi dưỡng niềm hy vọng về một tương lai tươi sáng, nhưng mặt khác cũng đem đến những thách thức, những hiểm họa khôn lường.

Đứng trước bối cảnh phức tạp đó, ngoại giao với tư cách là phương thức kiến tạo hòa bình, đóng vai trò ngày càng quan trọng cho thúc đẩy quá trình hợp tác và giải quyết bất đồng, mâu thuẫn trong quan hệ quốc tế. Ngày nay, văn hóa được xác định là “sức mạnh mềm” dần chiếm ưu thế trong chiến lược gia tăng sức mạnh tổng lực của mọi quốc gia. Trong một thế giới phẳng, các quan hệ quốc tế mở rộng hơn bao giờ hết. Làm thế nào để thiết lập quan hệ với các quốc gia, khẳng định được lòng tin quốc tế trở thành mối quan tâm lớn đối với các dân tộc. Trên con đường phát triển, Việt Nam cần phải xây dựng một đường lối ngoại giao phù hợp để ứng xử với thế giới, mà trong đó văn hóa ngoại giao là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt làm gia tăng sức mạnh của ngoại giao Việt Nam. Nghiên cứu văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh để tìm trong đó giá trị, ý nghĩa, và từ đó vận dụng, góp phần xây dựng nền ngoại giao Việt Nam vững mạnh đủ sức giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quan hệ quốc tế là việc làm hết sức cần thiết.

Trên ý nghĩa đó, nghiên cứu sinh lựa chọn chủ đề: ***“Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay”*** làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Hồ Chí Minh học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, từ đó đề xuất giải pháp tiếp tục vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong điều kiện hội nhập quốc tế.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, khái quát những nội dung đã được đề cập và những vấn đề luận án cần tiếp tục triển khai.
- Xây dựng khung lý thuyết với khái niệm văn hóa ngoại giao, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Phân tích, luận giải cơ sở hình thành và những đặc trưng cơ bản, giá trị của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.
- Đánh giá thực trạng văn hóa ngoại giao Việt Nam và việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.
- Phân tích làm rõ sự tác động của hội nhập quốc tế đến việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh và sự vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Luận án nghiên cứu những đặc trưng cơ bản của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện qua tư tưởng, phương pháp, phong cách, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh.

- Nghiên cứu những sự kiện ngoại giao tiêu biểu liên quan đến hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh.

- Nghiên cứu tình hình hội nhập quốc tế và sự tác động tới lĩnh vực ngoại giao Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2018.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam và những chính sách ngoại giao của Nhà nước.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận chung của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, luận án sử dụng các phương pháp như: Phân tích và tổng hợp; logic và lịch sử; quy nạp và diễn dịch; so sánh và đối chiếu, phương pháp tổng kết thực tiễn, xin ý kiến chuyên gia. Chú trọng phương pháp nghiên cứu văn bản với nghiên cứu thực tiễn hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh; kế thừa thành tựu nghiên cứu về ngoại giao và văn hóa Hồ Chí Minh của các tác giả đi trước.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

5.1. Ý nghĩa khoa học

- Góp phần bổ sung, phát triển lý luận khoa học chuyên ngành Hồ Chí Minh học, trực tiếp là về văn hóa Hồ Chí Minh, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục khẳng định giá trị tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đối với dân tộc và nhân loại.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Góp phần tuyên truyền, phổ biến các giá trị văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh để nghiên cứu vận dụng trong giai đoạn hiện nay.

- Cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn để nâng cao hiệu quả vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

6. Những đóng góp mới của luận án

- Bước đầu xây dựng khái niệm văn hóa ngoại giao, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Nghiên cứu làm sâu sắc thêm những đặc trưng cơ bản và giá trị văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

- Trên cơ sở lý luận, thực tiễn, luận án đề xuất những giải pháp chủ yếu góp phần nâng cao nhận thức và vận dụng hiệu quả văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình nghiên cứu đã công bố liên quan đến đề tài và danh mục tài liệu tham khảo, luận án cấu trúc gồm 4 chương, 9 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Những công trình nghiên cứu về văn hóa ngoại giao

Văn hóa ngoại giao là một lĩnh vực nghiên cứu còn khá mới mẻ, cho nên các công trình nghiên cứu trực tiếp, chuyên sâu về văn hóa ngoại giao không nhiều, hoặc chỉ có những bài viết ngắn, hay một mục nằm trong các công trình nghiên cứu. Công trình đáng chú ý nhất phải kể đến là đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ “*Văn hóa ngoại giao Việt Nam*” [66] của nhóm tác giả do Trần Thị Hoàng Mai làm chủ nhiệm. Với công trình này, văn hóa ngoại giao Việt Nam đã được đề cập tới từ khái niệm, cơ sở hình thành, thực tiễn văn hóa ngoại giao Việt Nam đến đặc tính văn hóa ngoại giao Việt Nam. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra một số kiến nghị với Bộ Ngoại giao về mặt cơ chế, chính sách và các định hướng đào tạo, tuyển dụng, sử dụng cán bộ đối ngoại trong thời gian tới. Các tác giả sử dụng cách tiếp cận nghiên cứu tổng hợp, phạm vi rộng, có hệ thống để phân tích vấn đề nhưng chỉ tập trung vào nhóm đối tượng cán bộ của Bộ Ngoại giao do giới hạn về thời gian và nhân lực thực hiện.

Trong cuốn “*Ngoại giao văn hóa vì một bản sắc Việt Nam trên trường quốc tế*” [14] tập trung nhiều bài viết xoay quanh chủ đề ngoại giao văn hóa nhưng cụm từ “văn hóa ngoại giao” lại được nhiều tác giả đề cập đến. Tác giả Nguyễn Mạnh Cầm lấy văn hóa ngoại giao làm nội dung để phân biệt với ngoại giao văn hóa và văn hóa đối ngoại. Tác giả Nguyễn Khánh so sánh, chỉ ra văn hóa ngoại giao và ngoại giao văn hóa là hai phạm trù khác nhau song có quan hệ với nhau. Văn hóa ngoại giao không phải loại hình văn hóa riêng biệt của ngành ngoại giao, đối ngoại mà là sự biểu lộ các giá trị văn hóa Việt Nam đã thấm sâu vào tư tưởng, trí tuệ, phong cách của các tổ chức, cá nhân làm công tác ngoại giao, cả ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân [14, tr.46]. Ở góc nhìn khác, tác giả Vũ Khiêu cho rằng ngoại giao văn hóa chỉ thành công khi những người có trách

nhiệm về ngoại giao văn hóa đạt trình độ cao về văn hóa. Tác giả lấy một số nhân vật điển hình trong lịch sử Việt Nam để minh chứng luận điểm của mình. Nhìn chung, đây là một trong rất ít cuốn sách đề cập đến cụm từ “văn hóa ngoại giao” nhưng vì không chủ đích bàn về văn hóa ngoại giao nên các quan điểm còn rất sơ lược, mới chỉ phản ánh một số khía cạnh của văn hóa ngoại giao.

Nghiên cứu văn hóa ngoại giao rất khó vì bản thân phạm trù văn hóa rộng và trừu tượng. Khái niệm văn hóa ngoại giao lâu nay chưa từng được đề cập tới. Đây là quan điểm của tác giả Vũ Khoan thể hiện trong bài viết “*Quan điểm về ngoại giao văn hóa*” [14, tr.33] và bài nói chuyện “*Đôi điều tản mạn về văn hóa ngoại giao*” [52]. Với cách đặt vấn đề như vậy, tác giả bước đầu chỉ luận bàn đôi điều về cách tiếp cận. Theo tác giả, tìm hiểu văn hóa ngoại giao Việt Nam qua cách ứng xử hàng ngày có văn hóa của mỗi cán bộ ngành ngoại giao. Muốn trở thành người có văn hóa, kiến thức sách vở, trường lớp chưa đủ, phải hấp thụ hồn văn hóa từ khi lọt lòng mẹ cho đến suốt cuộc đời. Cán bộ ngoại giao không thể thực hiện tốt hoạt động ngoại giao nếu thiếu văn hóa ngoại giao. Cùng với việc chỉ ra tầm quan trọng của văn hóa ngoại giao, tác giả cũng đề xuất ý kiến mang tính định hướng cho xây dựng văn hóa ngoại giao Việt Nam. Đó là: Cần đi sâu nghiên cứu chủ đề văn hóa ngoại giao làm nền tảng tạo sự chuyên biến cơ bản về văn hóa ngoại giao; chú trọng khía cạnh văn hóa trong đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, sắp xếp đội ngũ cơ quan đại diện ngoại giao [52]. Mặc dù chưa đưa ra khái niệm và đi sâu phân tích, luận giải văn hóa ngoại giao, nhưng với cách tiếp cận của tác giả - một nhà ngoại giao, vị lãnh đạo cấp cao trong Chính phủ Việt Nam có thể nhận thấy, văn hóa ngoại giao là kết quả của hoạt động ngoại giao nhưng đồng thời lại là nền tảng quan trọng bảo đảm cho hoạt động ngoại giao đạt kết quả. Kiến nghị, đề xuất của tác giả rất đáng chú ý, gợi mở nhiều vấn đề quan trọng cần giải quyết trong những nghiên cứu tiếp sau.

Tác giả Hồ Sĩ Vịnh trong bài viết “*Ngày xuân nói chuyện minh triết văn hóa ngoại giao Việt Nam*” [112] xem xét văn hóa ngoại giao dưới góc độ phương thức ứng xử, giao thiệp, tài năng, bản lĩnh của người đi sứ đã giải được mối nguy từ hoạt động ngoại giao. Theo tác giả, minh triết thể hiện

trong sáng suốt nhận định lực lượng giữa ta và đối phương, vượt qua thách thức để đưa giang sơn đại định, mở mặt xã tắc, khôn ngoan trong ứng xử bang giao. Tác giả đã lấy một số kiện lịch sử minh chứng, Việt Nam làm nên đại thắng không chỉ nhờ vào chiến lược quân sự mưu trí, đường lối chính trị sáng suốt mà còn là minh triết văn hóa ngoại giao của các bậc anh hùng văn hóa dân tộc và đội ngũ trí thức tinh hoa. Tác giả không đặt vấn đề nghiên cứu về văn hóa ngoại giao Việt Nam nhưng qua bài viết, tác giả khẳng định văn hóa ngoại giao Việt Nam có từ thời Đại Việt, nó là bài học cho văn hóa ngoại giao hiện đại. Và như thế, qua nghiên cứu của tác giả cho thấy điều rõ ràng Việt Nam có văn hóa ngoại giao.

Bài *“Phật tính trong văn hóa ngoại giao Việt Nam”* [32] của tác giả Nguyễn Thị Mỹ Hạnh cũng đề cập đến văn hóa ngoại giao. Tác giả luận bàn, Phật giáo đã thực sự du nhập vào tâm thức, hành xử của mỗi người dân và trở thành một bộ phận cấu thành bản sắc văn hóa Việt Nam. Có thể tìm thấy màu sắc Phật giáo trên mọi phương diện của đời sống dân tộc, trong đó có lĩnh vực ngoại giao. Văn hóa Phật giáo là một trong những thành tố làm nên văn hóa ngoại giao Việt Nam. Không nên hiểu văn hóa ngoại giao là một loại hình văn hóa riêng của ngành ngoại giao, mà thực chất là sự biểu lộ các giá trị văn hóa Việt Nam đã thấm sâu vào tư tưởng, trí tuệ, phong cách của tổ chức, cá nhân làm công tác ngoại giao. Hàm lượng văn hóa trong hoạt động ngoại giao cũng chính là thước đo trình độ và chất lượng ngoại giao của mỗi quốc gia, dân tộc, thời đại. Dưới góc độ nghiên cứu về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, những nội dung bàn về “tính khoan hòa”, “Phật tính” trong văn hóa ngoại giao Việt Nam của tác giả rất đáng quan tâm. Đây chính là những nhân tố tạo nên sắc màu riêng của nền ngoại giao Việt Nam và là nhân tố tạo nên thành công cho cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

Ở bài viết *“Tinh thần khoan hòa văn hóa trong nền ngoại giao Việt Nam”* [31], tác giả Nguyễn Thị Mỹ Hạnh tiếp tục phân tích, bàn thảo về tinh thần khoan hòa văn hóa. Tác giả cho rằng, hàm lượng tinh thần khoan hòa văn hóa là thước đo chất lượng ngoại giao văn hóa. Tác giả gọi tinh thần khoan hòa văn hóa

là chất kết tinh, đặc trưng nổi bật nhất trong các hoạt động ngoại giao vì văn hóa và bằng văn hóa. Tác giả viết: "... tinh thần khoan hòa ấy chính là giá trị kết tinh của cả nền văn hóa Việt từ xưa đến nay. Không phải chỉ Việt Nam mới có tinh thần khoan hòa văn hóa song có thể nói, không phải nơi đâu tinh thần ấy cũng thấm đẫm dạt dào trong văn hóa nói chung và văn hóa ngoại giao nói riêng như ở Việt Nam chúng ta" [31, tr.164]. Tác giả lấy ví dụ, trong lịch sử, sứ thần Việt Nam luôn mang theo bản sắc, cốt cách văn hóa dân tộc trên hành trình đi sứ. Họ đại diện cho đất nước ứng xử bang giao một cách văn hóa sứ thần nước bạn. Mỗi người trong số họ đều có hành trang, tuy không ai giống ai, song đều gặp nhau ở tầm nhìn ngoại giao chiến lược. Cùng việc phân tích ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, tác giả chỉ ra ở Hồ Chí Minh, chúng ta lại tìm thấy tinh thần hòa hiếu, bao dung của văn hóa Việt Nam từ ngàn xưa. Văn hóa ngoại giao dưới góc nhìn của tác giả được hiểu là ứng xử ngoại giao, tri thức ngoại giao mang dấu ấn văn hóa dân tộc.

Tác giả Thái Kim Lan bày tỏ quan điểm trong bài viết "*Đạo đức văn hóa - Khởi thủy của ngoại giao văn hóa*" [57, tr.18-21]: Những hành vi đẹp, hành vi được xem là có văn hóa như một gia tài văn hóa của dân tộc, trở thành biểu tượng phẩm chất "văn hóa ngoại giao". Thành công của một số nhà ngoại giao chính là ở chỗ hành động ngoại giao của họ đạt đến sức thuyết phục mạnh mẽ. Sức thuyết phục ấy có được khi ngoại giao trở nên thực chất văn hóa, tỏa ra từ bên trong dân tộc qua hành trang của người mang thông điệp quốc gia. Tác giả khẳng định văn hóa ngoại giao là hành vi đẹp. Dù chỉ dừng ở cách đặt vấn đề và nội hàm văn hóa ngoại giao còn rộng hơn thế, nhưng đây cũng là nhận định đúng đắn khi xem xét văn hóa ngoại giao trong một mối quan hệ và góc tiếp cận cụ thể.

So với các công trình nghiên cứu trực tiếp, công trình nghiên cứu gián tiếp về văn hóa ngoại giao phong phú hơn. Cụm từ "văn hóa ngoại giao" không nhắc đến nhưng những khía cạnh biểu hiện của văn hóa ngoại giao được phân tích, luận giải sâu sắc như đặc trưng, cốt cách, bản sắc, hoặc giá trị

cốt lõi của ngoại giao. Thực tế, toàn bộ yếu tố tạo nên cái riêng, sự khác biệt, giá trị đặc sắc của ngoại giao đều là yếu tố gia nhập văn hóa ngoại giao.

Tác giả Lưu Văn Lợi trong bài “*Bản sắc ngoại giao Việt Nam*” [11] quan niệm: Bản sắc ngoại giao của một quốc gia là những nét đặc trưng và cơ bản riêng biệt về ngoại giao đã hình thành trong quá trình lịch sử của quốc gia đó. Bản sắc ngoại giao Việt Nam giai đoạn phong kiến, giai đoạn từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trở đi có đặc điểm riêng biệt. Đó là: Kiên quyết đánh quân xâm lược, bảo vệ độc lập chủ quyền nhưng trước sau vẫn trung thành với chính sách ngoại giao hòa bình, hữu nghị với các nước; đánh vào lòng người;... Tất cả những đặc điểm đó tác giả gọi là bản sắc ngoại giao Việt Nam [11, tr.335-344].

“*Ngoại giao và công tác ngoại giao*” [42] là công trình nghiên cứu của tác giả Vũ Dương Huân đã giới thiệu tương đối hệ thống các nội dung của ngoại giao qua 15 chương của cuốn sách. Tại chương V “Tiếp xúc ngoại giao”; chương XI “Đàm phán quốc tế”; chương XIV “Lễ tân ngoại giao” văn hóa ngoại giao được thể hiện ở một số khía cạnh như: Nghệ thuật tiếp xúc, đàm thoại, kỹ thuật đàm phán ngoại giao, phong cách dân tộc trong đàm phán ngoại giao, lễ tân ngoại giao trong quan hệ quốc tế, phép lịch sự xã giao... Kết quả nghiên cứu này cho thấy văn hóa ngoại giao biểu hiện rất phong phú và đa dạng. Nó không đơn thuần chỉ là ứng xử ngoại giao.

Hai cuốn “*Ngoại giao Việt Nam từ thuở dựng nước đến trước Cách mạng Tháng Tám 1945*” [40] của Học viện Quan hệ quốc tế và “*Lược sử ngoại giao Việt Nam các thời trước*” [5] của tác giả Nguyễn Lương Bích có nhiều nội dung thống nhất với nhau. Hai cuốn sách đều phân tích cơ sở bền vững của truyền thống ngoại giao Việt Nam là tình yêu quê hương, đất nước, ý chí độc lập, tinh thần tự chủ, nguyện vọng hòa bình và hữu nghị, những giá trị tinh thần vĩnh hằng mà dân tộc ta luôn luôn gắn bó và phát huy. Trọng nhân nghĩa và sử dụng ngoại giao tâm công là đặc trưng xuyên suốt chiều dài lịch sử ngoại giao của dân tộc Việt Nam.

Trong bài “*Kinh nghiệm đưa đối thoại văn hóa vào hoạt động ngoại giao của ông cha ta trong lịch sử*” [81], văn hóa ngoại giao được tác giả Phạm Xuân

Nam nhận diện dưới góc độ các phân tích về hoạt động đối thoại văn hóa. Tác giả đặt vấn đề, cùng với những chiến công hiển hách phá cường địch trên mặt trận quân sự, cha ông ta, tiêu biểu là những minh quân, hiền tướng, anh hùng hào kiệt và trí thức uyên bác trong lịch sử nước nhà thời trung đại luôn biết chủ động sử dụng nhiều hình thức đối thoại văn hóa để hóa giải không ít mâu thuẫn nảy sinh trong quan hệ với Trung Hoa. Tác giả tập trung phân tích kinh nghiệm đưa đối thoại văn hóa vào trong hoạt động ngoại giao của cha ông. Theo tác giả, cách ứng xử linh hoạt có cương, có nhu; lối ứng đối tao nhã, mềm mỏng về ngôn từ lại hàm ý sâu xa; những lý lẽ chặt chẽ, đầy sức mạnh trong các cuộc tranh biện trực tiếp trên bàn hội nghị bắt nguồn từ ý thức bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia Đại Việt khiến đối phương không thể bác bỏ; sức mạnh ngôn từ cùng kế sách tâm công làm cho kẻ đi xâm lược nể trọng các giá trị văn hóa Việt. Từ đó phải thừa nhận giá trị cốt lõi nhất, cơ bản nhất của văn hóa Đại Việt là độc lập và chủ quyền quốc gia, chấp nhận chấm dứt chiến tranh bằng giải pháp hòa bình. Cách ứng xử, lối ứng xử thực chất là văn hóa ngoại giao. Tuy nhiên, văn hóa ngoại giao không chỉ bao gồm như vậy, nó biểu hiện qua nhiều khía cạnh hơn thế nữa.

Cũng dẫn giải theo tiến trình lịch sử, tác giả Vũ Dương Ninh trong cuốn *“Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940 - 2010”* [88] đã trình bày hệ thống, sinh động bức tranh toàn cảnh về lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam trong suốt thời gian từ năm 1940 đến 2010. Nhìn từ góc độ quan hệ quốc tế, quan hệ đối ngoại Việt Nam nói riêng thể hiện là cuộc đấu tranh vì độc lập và thống nhất, là sự nghiệp chính nghĩa. Tính nhân văn của cuộc đấu tranh mà nhân dân Việt Nam thực hiện đã giành được tình cảm của nhiều tầng lớp xã hội bất kể họ đứng trên lập trường chính trị nào. Ý chí kiên cường theo đuổi mục tiêu cùng đường lối vững vàng, nhất quán và sách lược mềm dẻo, linh hoạt đã tạo nên thế mạnh của ngoại giao Việt Nam, nhằm trúng điểm yếu của đối phương để từng bước thuyết phục dư luận, chiếm được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân thế giới. Đặc điểm này bắt nguồn từ truyền thống đạo lý đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo của dân tộc ta. Cuốn sách phần nào thể

hiện một thế giới hòa bình nhưng không yên ổn đang tác động mạnh mẽ tới ngoại giao Việt Nam thời kỳ mới.

Ngoài ra, còn có công trình nghiên cứu, bài viết: “*Giao thoa văn hóa và chính sách ngoại giao Việt Nam*” [7], “*Văn hóa Việt Nam - Những nét đại cương*” [1], “*Những vấn đề lớn của thế giới và quá trình hội nhập, phát triển của nước ta*” [3],... trong đó phần nào thể hiện hình hài văn hóa ngoại giao cùng các biểu hiện cụ thể của nó.

Như vậy, khái niệm văn hóa ngoại giao đã xuất hiện trong một số bài viết, công trình nghiên cứu. Diện mạo văn hóa ngoại giao đang rõ dần. Tuy nhiên, hầu hết chưa có bài viết nào luận bàn riêng về văn hóa ngoại giao với đầy đủ những nội dung của nó. Văn hóa ngoại giao chỉ được các tác giả khắc họa đôi nét qua mối quan hệ với ngoại giao văn hóa, văn hóa Việt Nam.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh

Công trình bàn trực tiếp về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đáng chú ý nhất là cuốn “*Hồ Chí Minh - Nhà văn hóa kiệt xuất*” [98] của tác giả Song Thành. Trong cuốn sách, tác giả dành toàn bộ chương X viết về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Với cách tiếp cận theo hệ giá trị, tác giả đưa ra quan niệm tương đối thuyết phục về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện qua bốn nội dung: Kết hợp thuyết phục lý lẽ với cảm hóa bằng trái tim; mềm dẻo nhưng kiên nghị trong xử lý các tình huống nguy hiểm, khó khăn; phong cách ngoại giao nhã nhặn, lịch thiệp nhưng rất mực chân thành, tự nhiên; hiểu biết rộng rãi về lịch sử, đất nước, văn hóa, con người cho đến cả tâm lý, sở thích cá nhân của người đối thoại. Tác giả khẳng định văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh còn nguyên giá trị trong thời đại mới. Đây là nghiên cứu đề cập sâu sắc hơn cả về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh so với những công trình nghiên cứu khác. Tuy nhiên, tác giả mới dừng lại ở những phác thảo ban đầu, gợi ra một hướng nghiên cứu mới về Hồ Chí Minh.

Nhà sử học Dương Trung Quốc trong bài viết “*Hàm lượng văn hóa trong hoạt động ngoại giao*” [14, tr.75-84] sau khi luận giải khái niệm ngoại giao cho rằng: Bản chất ngoại giao chính là văn hóa hiểu theo nghĩa là những giá trị hình

thành trong quá trình con người ứng xử với thiên nhiên và chính con người. Văn hóa trong ngoại giao là hệ quả của những hành vi bắt nguồn từ những tri thức và kinh nghiệm tích lũy, được kế thừa tạo nên phong cách ngoại giao của mỗi nhà ngoại giao và của nền ngoại giao gắn với mỗi quốc gia. Nói đến văn hóa trong ngoại giao hiện đại phải kể đến Hồ Chí Minh, nhà ngoại giao có phong cách ngoại giao tiêu biểu chứa đựng tính nhân văn và hàm lượng văn hóa sâu sắc. Mọi ứng xử trước kẻ thù của Hồ Chí Minh sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đều là mẫu mực của văn hóa ngoại giao và ngoại giao văn hóa.

Cuốn sách *“Suy ngẫm về trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh”* [96] của tác giả Võ Văn Sung đã được công bố năm 2010 và tái bản vào năm 2013 cho thấy một cách nhìn thận trọng, rằng có một trường phái ngoại giao Việt Nam, trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh. Nội dung tư tưởng của trường phái này xuất phát từ cơ sở truyền thống văn hóa Việt Nam, truyền thống ngoại giao dân tộc, tinh hoa văn hóa Đông - Tây - Kim - Cổ và thực tiễn hoạt động ngoại giao Việt Nam. Bản sắc ngoại giao Việt Nam thể hiện qua 7 nội dung: Tư tưởng ngoại giao độc lập, tự chủ, tự cường đi đôi với đoàn kết và hợp tác quốc tế; tư tưởng ngoại giao hòa hiếu; tư tưởng ngoại giao kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại...vv. Tác giả phân tích làm rõ nét độc đáo của ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Trong bài viết *“Ngoại giao văn hóa, trụ cột thứ ba trong chiến lược ngoại giao toàn diện của Việt Nam”* [97], tác giả Dương Quốc Thanh đúc kết nhiều sứ thần Việt Nam đồng thời là các nhà trí thức, nhà văn hóa lớn. Khi làm ngoại giao, họ đã phát huy xuất sắc văn hóa Việt, trí thông minh, bản lĩnh và tài ứng xử khéo léo của mình để “thuyết phục” và “chinh phục lòng người”, bảo vệ lợi ích dân tộc. Tác giả nhận xét: Tư duy và ứng xử ngoại giao của Hồ Chí Minh thấm đượm chất văn hóa dân tộc. Trong cách đặt vấn đề của tác giả dễ nhận ra biểu hiện của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chứa đựng trong đó giá trị văn hóa dân tộc, có nguồn gốc từ văn hóa dân tộc. Đặc trưng và giá trị của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh cần được tiếp tục nghiên cứu.

Các công trình nghiên cứu gián tiếp về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh tương đối đa dạng và phong phú. Tiếp cận văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh vì thế phải mang tính “bắc cầu”, thông qua hệ thống tư tưởng, hoạt động ngoại giao của Người để xác định diện mạo văn hóa ngoại giao. Trước tiên phải kể đến cuốn sách “*Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*” [56] của tác giả Đặng Xuân Kỳ và bài viết “*Tư tưởng và phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh*” [11] của tác giả Vũ Dương Huân. Mặc dù, hai tác giả không đặt vấn đề nghiên cứu văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, chỉ bàn đến phong cách ứng xử hoặc phong cách ngoại giao, nhưng đây chính là một trong những biểu hiện của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Các tác giả thống nhất khẳng định Hồ Chí Minh có phong cách ứng xử tự nhiên, cởi mở, chân tình, vừa chủ động, vừa linh hoạt và một thái độ hết sức khiêm nhường. Phong cách Hồ Chí Minh tuyệt nhiên đối lập với sự giả tạo, gượng ép. Phong cách ấy, tác giả Đặng Xuân Kỳ gọi là phong cách ứng xử văn hóa. Phong cách chứa đựng những giá trị nhân bản nhất của con người, thể hiện cái đẹp với tính cách là lý tưởng thẩm mỹ mà con người mong muốn. Phong cách Hồ Chí Minh có sức cuốn hút và cảm hóa con người, tạo nên sự cảm phục, ngưỡng mộ và thôi thúc con người hướng tới cái Chân, Thiện, Mỹ. Theo tác giả Vũ Dương Huân, đó là phong cách ứng xử chứa đựng những giá trị nhân văn. Sau này, trong Tập I, cuốn “*Một số vấn đề quan hệ quốc tế, chính sách đối ngoại và ngoại giao Việt Nam*” [43], tác giả Vũ Dương Huân tiếp tục viết về phương pháp, phong cách và nghệ thuật ngoại giao, ngoại giao văn hóa và nhân tố văn hóa trong ngoại giao Hồ Chí Minh. Tác giả chỉ ra: “Thái độ khiêm nhường cũng là một nét ứng xử văn hóa Hồ Chí Minh trong cả hoạt động ngoại giao” [43, tr.50]. Ở Hồ Chí Minh “phong cách ứng xử đã chứa đựng các giá trị nhân văn. Chính vì vậy mà nó có sự hấp dẫn, cuốn hút, cảm hóa con người, tạo nên sự cảm phục ngay cả đối với kẻ thù” [43, tr.51]. Phương pháp, phong cách và nghệ thuật ngoại giao gắn liền với tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh góp phần tạo nên bản sắc ngoại giao Việt Nam [43, tr.109].

Tác giả Trần Minh Trường trong bài viết “*Hồ Chí Minh với tư tưởng ngoại giao vì hòa bình hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc*” [38] đã đề cập nguồn

gốc và nội dung tư tưởng ngoại giao hòa bình, hữu nghị của Hồ Chí Minh. Cách tiếp cận của tác giả cho thấy, tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh là sự tiếp tục dòng chảy, tiếp nối mạch nguồn ngoại giao dân tộc nhưng bắt nhịp với ngoại giao thời đại. Sau này ở công trình nghiên cứu “*Vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trong tình hình mới*” mà tác giả làm chủ nhiệm tiếp tục chỉ ra những nét nổi bật của tư tưởng, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh. Đó là: Vững vàng về đường lối; kiên định về nguyên tắc; mềm dẻo, linh hoạt trong sách lược; quán triệt tinh thần tấn công nhưng biết nhân nhượng, giành thắng lợi từng bước, phù hợp với tương quan lực lượng cách mạng và điều kiện thực tiễn (Dĩ bất biến ứng vạn biến). Những nội dung đó góp phần định hình diện mạo văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Năm 2002, tác giả Nguyễn Dy Niên cho ra đời công trình nghiên cứu “*Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*” [86] được tái bản lần 3 vào năm 2009. Đây là công trình nghiên cứu công phu về tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh trên các phương diện từ nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao đến hệ thống các nguyên lý, luận điểm và quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề thế giới, thời đại và quan hệ quốc tế.... Trong cuốn sách, tác giả đã dành toàn bộ chương ba để phân tích, luận giải phương pháp, phong cách và nghệ thuật đặc sắc trong hoạt động quốc tế và ngoại giao của Hồ Chí Minh. Từ cách tiếp cận theo góc độ nhân cách văn hóa, tác giả chỉ ra cội nguồn của phương pháp, phong cách và nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh là sự kế thừa, phát triển, nâng phong cách ngoại giao truyền thống Việt Nam lên một tầm cao mới, bắt kịp thời đại. Phương pháp, phong cách và nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện qua các nội dung: Ngoại giao tâm công; dĩ bất biến ứng vạn biến; phong cách ứng xử linh hoạt; phong cách nói giản dị, dễ cảm hóa và thuyết phục;... Những biểu hiện của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong cuốn sách cần được các nhà nghiên cứu sau khai thác, kế thừa và phát triển.

Trong bài viết “*Chủ tịch Hồ Chí Minh: sự kết hợp hài hòa giữa danh nhân văn hóa và nhà ngoại giao*” [77], tác giả Phạm Bình Minh đưa ra nhận định có

phần thống nhất với quan điểm của nhà sử học Dương Trung Quốc rằng “bản thân ngoại giao là văn hóa” [77, tr.22]. Tác giả luận giải, ngoại giao đại diện cho văn hóa của một dân tộc trong sự giao lưu với văn hóa của các dân tộc khác và nhìn nhận ngoại giao trong mối tương quan với văn hóa. Theo tác giả, sự kết hợp hài hòa giữa danh nhân văn hóa kiệt xuất và nhà ngoại giao lỗi lạc ở Hồ Chí Minh được thể hiện rõ nét ở tính văn hóa trong mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng con người và đấu tranh vì những giá trị tốt đẹp của nhân loại; ở tính chính nghĩa và truyền thống ngoại giao hòa hiếu, nhân đạo, tôn trọng hòa bình; ở sự tiếp thu và tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hóa và ở phong cách ứng xử ngoại giao dung dị và nhân ái, uyên bác và tinh tế đi vào lòng người. Tác giả chọn lọc một số sự kiện tiêu biểu minh chứng quan điểm trên của mình.

Tác giả Bùi Đình Phong trong bài viết “*Quyền lực mềm của Hồ Chí Minh*” [91] đi vào phân tích quyền lực mềm của Hồ Chí Minh trên một số khía cạnh cơ bản. Quyền lực mềm của Hồ Chí Minh nhìn ở góc độ đối ngoại là chính sách đối ngoại dựa trên cơ sở công lý, lẽ phải và có giá trị đạo đức. Cùng với đó tác giả cũng khẳng định văn hóa Hồ Chí Minh hấp dẫn mọi người, đó là sức hấp dẫn bằng giá trị phổ quát toàn nhân loại. Văn hóa Hồ Chí Minh có giá trị về mặt chính trị. Giá trị đó thể hiện qua tư tưởng, phẩm chất, đạo đức của Hồ Chí Minh. Theo phân tích của tác giả, cũng bắt gặp những biểu hiện văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Hội thảo quốc tế “*Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn*” [109] và “*Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*” [38] tập trung nhiều bài viết của các học giả Việt Nam và thế giới. Những bài tham luận, phát biểu tại hội thảo một mặt làm rõ sự nghiệp, di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, một mặt khẳng định Hồ Chí Minh là danh nhân văn hóa kiệt xuất đã để lại trong lòng dân tộc, bạn bè quốc tế nhiều tình cảm sâu sắc. Cuộc đời hoạt động và sự nghiệp vĩ đại của Hồ Chí Minh là “tấm gương cao đẹp trong sáng về một quan niệm nhân sinh và thế giới, tỏa sáng chủ nghĩa nhân văn mới, kết tinh những tư tưởng, tình cảm, những ước mơ lớn của nhân loại. Bởi thế những tư tưởng văn hóa của Người đến với các dân tộc như một lẽ tự nhiên,

có sức cổ vũ sâu sắc mỗi con người, mỗi dân tộc” [109, tr.173]. Hồ Chí Minh, con người của nhân loại, hiện thân cho những phẩm chất tốt đẹp nhất của người cách mạng sẽ sống mãi trong trái tim nhân loại.

Một số bài viết về văn hóa như: “*Sự đa dạng văn hóa và đối thoại giữa các nền văn hóa - Một góc nhìn từ Việt Nam*” [80] của tác giả Phạm Xuân Nam; “*Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa*” [83] của nhiều tác giả; “*Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà tư tưởng, danh nhân văn hóa thế giới*” [25] của tác giả Thành Duy; v.v... mặc dù cách tiếp cận khác nhau nhưng đều thể hiện một số nét đặc trưng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, giá trị, ý nghĩa của những đặc trưng văn hóa ấy trên phương diện lý luận và thực tiễn. Các tác giả khẳng định Hồ Chí Minh, người khởi xướng, kiến tạo nền văn hóa mới, hiện thân của tinh hoa văn hóa Việt Nam, nhà chiến lược văn hóa, nhà chỉ đạo thực tiễn văn hóa. Hồ Chí Minh là người đại diện xuất sắc nhất cho cuộc đối thoại giữa tinh hoa văn hóa dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại trong hành trình tìm đường cứu nước. Hồ Chí Minh, một nhà văn hóa kiệt xuất rất đời thường, giản dị nhưng vô cùng vĩ đại, thanh cao. Người là hình mẫu lí tưởng trong thực hành đạo đức và văn hóa với nét văn hóa riêng, phong cách riêng. Tác giả Đặng Xuân Kỳ gọi đó là phong cách của người đại diện cho một dân tộc văn hiến, yêu chuộng hòa bình, nhưng đó là hòa bình trong độc lập tự do. Dân tộc quý trọng hòa hiếu, nhưng là hòa hiếu trong bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Dân tộc sẵn sàng đón nhận tinh hoa văn hóa, văn minh nhân loại, nhưng không sùng ngoại, lệ thuộc, khiêm nhường nhưng luôn tự tôn chính đáng. Đó là phong cách lịch lãm và tự chủ, bình tĩnh và đĩnh đạc, chủ động và tinh táo.

Các cuốn sách “*Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác ngoại giao*” [53] của tác giả Vũ Khoan; “*Chủ tịch Hồ Chí Minh - Dấu ấn trí tuệ trên mặt trận đối ngoại*” [62], “*Ngoại giao Hồ Chí Minh lấy chí nhân thay cường bạo*” [63] của tác giả Nguyễn Phúc Luân;... đã luận giải, phân tích vấn đề theo các cách khác nhau nhưng cơ bản đều đề cập tới nguồn gốc, quá trình hình thành phát triển tư tưởng, nghệ thuật, phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh, đồng thời khẳng định ý nghĩa và những cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh đối với nền ngoại giao Việt

Nam hiện đại. Trong các cuốn sách, nội dung cơ bản của tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh được nêu khái quát qua luận điểm: Dĩ bất biến ứng vạn biến; lấy chí nhân thay cường bạo; độc lập tự chủ; mềm dẻo, linh hoạt. Vũ Dương Ninh nhận xét rằng: Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh thấm đậm chất văn hóa ứng xử đi vào lòng người bằng lương tri và chân lý, bằng trái tim và khối óc [88, tr.350];...

Tiếp cận vấn đề theo lát cắt lịch sử cũng cung cấp nhiều minh chứng phong phú góp phần làm sáng rõ văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, như: Luận án tiến sĩ Lịch sử “*Hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1954 - 1969*” [107] của tác giả Trần Minh Trường đã tập trung phân tích bối cảnh quan hệ quốc tế, tình hình thế giới trong những năm giữa thập niên năm mươi của thế kỷ XX; mối quan hệ Việt Nam với Liên Xô, Trung Quốc... Tác giả bước đầu xác định nội dung tư tưởng, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh. Những nghiên cứu sau này của tác giả tiếp tục đóng góp, bổ sung nhiều nhận định mới về ngoại giao Hồ Chí Minh, đặc biệt nghệ thuật ngoại giao qua công trình nghiên cứu “*Những quan điểm nguyên tắc ứng xử trong quan hệ quốc tế của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng trong tình hình mới*” [106]. Cũng theo cách tiếp cận này còn có luận án tiến sĩ Lịch sử: “*Đảng lãnh đạo đấu tranh ngoại giao thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1965-1973)*” [15] của tác giả Phạm Hồng Chương; luận án tiến sĩ Lịch sử: “*Đảng lãnh đạo hoạt động đối ngoại thời kỳ 1945 - 1946*” [24] của tác giả Nguyễn Thị Kim Dung; cuốn “*Hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống thực dân Pháp*” [101] của tác giả Đặng Văn Thái....

Trên bình diện tiếp cận khác, tác phẩm “*Chủ tịch Hồ Chí Minh với nước Pháp*” [22] tìm hiểu những hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh trên nước Pháp. Thông qua các đánh giá, nhận xét thể hiện thái độ và tình cảm của những chính khách, những người cộng sản, trí thức, nhân dân Pháp dành cho Hồ Chí Minh đã góp phần gia tăng vốn hiểu biết về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong một giai đoạn vô cùng khó khăn mà ở đó thể hiện rõ khí chất của nhà ngoại giao ưu tú nhất Việt Nam. Cũng theo hướng này, tác phẩm “*Hồ Chí Minh trong ký ức bạn bè quốc tế*” [60]; “*Bác Hồ với ngoại giao - Mẩu chuyện nhỏ bài*

học lớn” [9]; “*Hồ Chí Minh - Những hoạt động quốc tế*” [59]; “*Bác Hồ - Người thầy vĩ đại của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam*” [13]; “*Chúng tôi học làm ngoại giao với Bác Hồ*” [8];... cũng là nguồn tài liệu cần khảo sát. Ở đó bao gồm những câu chuyện xúc động, những suy nghĩ, tình cảm của các nhà lãnh đạo, bạn bè trên thế giới về Hồ Chí Minh, hoặc những mẩu chuyện về hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh, hoặc những sự kiện ngoại giao do Hồ Chí Minh đảm trách trên cương vị người đứng đầu Nhà nước ta được kể lại thông qua hồi ký của nhiều nhân chứng. Việc nghiên cứu, chất lọc các mẩu chuyện, hồi ký ngắn gọn, bình dị ấy chắc chắn sẽ tìm thấy nội dung chứa đựng giá trị văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Công trình nghiên cứu “*Văn hóa đối ngoại Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế*” [58] của tác giả Vũ Trọng Lâm và Lê Thanh Bình có ý nghĩa đối với việc xác định phương pháp tiếp cận và triển khai nghiên cứu văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh của luận án.

Nhiều năm qua, Hồ Chí Minh đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả nước ngoài. Trong khuôn khổ nghiên cứu về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh cũng xuất hiện công trình gián tiếp đề cập đến lĩnh vực này. Cụ thể:

John Lê Văn Hóa trong “*Tìm hiểu nền tảng văn hóa dân tộc trong tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh*” [119] đã luận giải truyền thống văn hóa, bản sắc dân tộc cùng đặc trưng cách mạng, nền tảng lịch sử Việt Nam thông qua tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo tác giả, Hồ Chí Minh là hình ảnh tiêu biểu của sự kết tinh những giá trị văn hóa dân tộc đồng thời tiếp nhận thêm những giá trị văn hóa nhân loại.

Nguyễn Đài Trang trong cuốn “*Hồ Chí Minh - Tâm và tài của một nhà yêu nước*” [124] đánh giá cao tư tưởng và con người Hồ Chí Minh ở góc độ nhân văn, văn hóa. Tác giả quan niệm cần thiết phải có sự đối thoại giữa các nền văn hóa giống như một thành tố quan trọng để giải quyết xung đột trong quan hệ quốc tế. Hồ Chí Minh có nhiều cống hiến cho nhân nhân loại, việc tìm hiểu kĩ lưỡng hơn, sâu rộng hơn về Hồ Chí Minh sẽ “góp phần cải thiện trong vấn đề đối thoại giữa các nền văn hóa, sẽ dẫn đến một con đường tốt đẹp hướng tới chữ tâm trong lòng mỗi chúng ta” [124, tr.194].

W.J.Duiker không thiện cảm với chủ nghĩa cộng sản nhưng ông bị hấp dẫn bởi phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh từ lúc đang làm việc tại tòa đại sứ Mỹ. Trong cuốn *“Ho Chi Minh: A life”* [128] ông thể hiện cách nhìn khá khách quan về hành trình ra đi tìm đường cứu nước và những đóng góp lớn lao của Hồ Chí Minh. Ông có quan điểm thống nhất với nhiều nhà nghiên cứu khác khi nhận định Hồ Chí Minh đã xây dựng tư tưởng của Người dựa trên đa dạng nền văn hóa. Hồ Chí Minh không chỉ là một nhà yêu nước, nhà cộng sản mà còn là một nhà văn hóa lớn. Thậm chí ông còn nhấn mạnh, trên bình diện thế giới, hình ảnh Hồ Chí Minh như một nhân vật tinh túy của thế kỉ XX. Hồ Chí Minh tượng trưng cho tiếng nói của tương lai [128, tr.167]. Nhận xét của ông thống nhất với hầu hết các nhà nghiên cứu Việt Nam về Hồ Chí Minh. Công trình nghiên cứu tuy không đề cập đến văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh nhưng đã cung cấp nhiều minh chứng củng cố những nhận định về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Hellmut Kapfenberger - Nhà báo, nhà văn, phóng viên nổi tiếng người Đức, ngay từ khi còn là một phóng viên đã rất quan tâm tới Hồ Chí Minh. Tác phẩm *“Hồ Chí Minh - Một biên niên sử”* [115] là kết quả của hai năm làm việc miệt mài cùng sự say mê tìm hiểu một nhân cách lớn của Việt Nam và thế giới. Qua nguồn tư liệu tham khảo phong phú gồm 25 chương, một biên sử tóm tắt về Hồ Chí Minh với lối viết đậm chất trí tuệ, sự hiểu biết sâu sắc về lịch sử Việt Nam, thế giới, tác giả đã tái tạo lại tiểu sử của nhân vật phi thường nhưng quá đỗi giản dị, một chiến sĩ cộng sản, nhà yêu nước đồng thời cũng là một người mẫu mực, “tận thiện tận mỹ” về phẩm chất đạo đức cách mạng. Tác giả nhận xét, Hồ Chí Minh đã trải qua cuộc sống trên thế giới, rộng mở lòng mình với thế giới, thụ hưởng nền giáo dục tuyệt vời. Tư tưởng nhân văn, tình người ấm áp, sự khiêm tốn tự nhiên và tính liêm khiết không giả tạo đã làm nên nhân cách Hồ Chí Minh xuất chúng. Nhận xét của tác giả làm nức lòng người, góp phần khẳng định giá trị cốt lõi Hồ Chí Minh đang truyền tải đã vươn khỏi không gian dân tộc đến với trái tim và lý trí của nhân loại.

Như nhiều người từng gặp và nghiên cứu về Hồ Chí Minh, Pierre Brocheux, nhà sử học người Pháp quan tâm đặc biệt tới vị lãnh tụ của Việt Nam. Ông có ấn tượng sâu sắc về Hồ Chí Minh. Với ông, Hồ Chí Minh là một con người nhân văn nhưng cũng rất quyết đoán. Một con người rất chân thực và tình nghĩa, giản dị. Một con người rất sáng suốt, tinh anh. Một con người không bao giờ đánh mất niềm tin và mục tiêu của mình. Năm 2007, bằng trách nhiệm của một nhà khoa học, Pierre Brocheux công bố cuốn “*Hồ Chí Minh: A Biography*” [125]. Trong cuốn sách, ông khắc họa chân thực, sinh động hình ảnh Hồ Chí Minh rất đời thường nhưng vô cùng huyền thoại, nổi bật lên là sự hòa quyện giữa hình ảnh con người lịch sử và con người văn hóa với một phong cách, cách ứng xử văn hóa tuyệt vời. Lời phát biểu hay kết quả nghiên cứu của Pierre Brocheux cho dù không một lần đề cập đến khái niệm văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, nhưng rõ ràng trong những đánh giá ấy bóng dáng của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh hiện ra khá rõ - Một con người chân thực, tình nghĩa và đặc biệt có phong cách ứng xử rất văn hóa.

Cuốn “*Ho Chi Minh*” [117] của J.Lacouture là một trong các công trình nghiên cứu làm rõ chân dung nhà văn hóa, nhà ngoại giao kiệt xuất Hồ Chí Minh. Người luôn tạo ấn tượng tốt đẹp với người đối diện ngay khi tiếp xúc.

Dưới góc độ nghiên cứu lịch sử, Archimedes L.A.Patti trong cuốn “*Tại sao Việt Nam*” [114] thể hiện cách nhìn khác về Hồ Chí Minh, cách nhìn khách của một sĩ quan tình báo Mỹ. Cho dù tác giả không tập trung đi sâu nghiên cứu Hồ Chí Minh, nhưng trong cuốn sách, hình ảnh Hồ Chí Minh vẫn được khắc họa qua cách ứng xử tinh tế, khôn khéo với các nước lớn.

Nhìn chung, mặc dù có nhiều khác biệt về văn hóa, môi trường sống, quan điểm chính trị, lập trường giai cấp... nhưng các công trình, bài viết trên của các học giả nước ngoài đều là kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học nghiêm túc. Lược bỏ đi những điểm chưa phù hợp do sự khác biệt về góc nhìn chính trị sẽ chất lọc được những luận điểm quý giá giúp nghiên cứu về Hồ Chí Minh toàn diện và đầy đủ hơn. Các công trình trên không đặt ra nhiệm vụ nghiên cứu văn

hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, nhưng có nội dung thể hiện phần nào văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh qua lăng kính đánh giá của người nước ngoài. Đây là nguồn tư liệu luận án cần quan tâm khai thác để phân tích, luận giải thuyết phục hơn văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh từ nhiều góc độ khác nhau.

Tóm lại, nghiên cứu về ngoại giao, văn hóa Hồ Chí Minh đã được luận bàn nhiều bởi các học giả uy tín. Tuy nhiên, nghiên cứu văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh còn rất hạn chế, nhất là những công trình nghiên cứu trực tiếp, đầy đủ, có hệ thống từ khái niệm, cơ sở hình thành, nội dung, kết cấu cho đến vai trò và giá trị. Về đại thể, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chưa được khu biệt trong các công trình nghiên cứu riêng, phần lớn đặt trong tổng thể quan hệ với văn hóa, ngoại giao và tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thường xuất hiện tản mạn, rải rác, gián tiếp hoặc xuất hiện qua những khía cạnh biểu hiện cụ thể của nó. Vì lẽ đó, diện mạo và nội hàm của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chưa rõ, luận chứng về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chưa thật sự thuyết phục.

1.1.3. Những công trình nghiên cứu về vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay

Công trình nghiên cứu về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong bối cảnh hội nhập quốc tế tính đến thời điểm khảo sát chưa nhiều dù đã và đang dành được sự quan tâm nhất định của các nhà khoa học.

Trong cuốn “*Ngoại giao văn hóa Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế*” [65], tác giả Trịnh Thanh Mai chỉ ra, ở nhà ngoại giao Hồ Chí Minh có sự kết hợp tự nhiên và nhuần nhuyễn các yếu tố văn hóa và ngoại giao. Sau khi bàn tới nội dung cơ bản, tác giả tập trung nghiên cứu thực trạng vận dụng văn hóa Hồ Chí Minh và những vấn đề đặt ra để trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng vận dụng ngoại giao văn hóa Hồ Chí Minh vào phát triển ngoại giao văn hóa Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế. Mặc dù tác giả đã bàn đến ngoại giao văn hóa Hồ Chí Minh nhưng một số nội dung phân tích và luận giải về ngoại giao

văn hóa Hồ Chí Minh cần kế thừa và khai thác phục vụ việc nghiên cứu văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Cuốn “*Vận dụng tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh thời kỳ hội nhập quốc tế*” [10] tập hợp bài viết của nhiều nhà nghiên cứu xoay quanh chủ đề tư tưởng đối ngoại của Hồ Chí Minh như độc lập, tự chủ gắn liền với đoàn kết, hợp tác quốc tế, đảm bảo lợi ích dân tộc trong xử lý quan hệ với các nước lớn; tư tưởng Hồ Chí Minh về lợi ích dân tộc và xử lý quan hệ với các nước lớn... Nội dung cuốn sách bao gồm: Những vấn đề đặt ra cho ngoại giao Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế; vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại; vận dụng phương pháp, phong cách và nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh. Các nội dung này đã góp phần làm rõ hơn giá trị tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh, bước đầu đề cập tới việc vận dụng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Tác giả Vũ Khoan nhận xét tại cuốn “*Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*” [12] rằng nhiều tư tưởng của Hồ Chí Minh đã và đang được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo trong hoạt động thực tiễn đem lại những thành công to lớn. Tác giả khẳng định, sự vận dụng ấy tạo nên “trường phái ngoại giao Việt Nam”. Đó cũng là “trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh” [12, tr.296]. Quan điểm của tác giả thể hiện rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh và khẳng định nền ngoại giao Việt Nam sở hữu sắc thái riêng. Tác giả Vũ Khoan cùng nhiều học giả khác tập trung làm rõ tình hình ngoại giao Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và thống nhất đánh giá: Ngày nay, thực hiện chính sách đối ngoại mở rộng, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ quốc tế, ngoại giao Việt Nam vẫn kiên trì nguyên tắc giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền, an ninh quốc gia; giữ gìn và phát triển bản sắc Việt Nam trong quá trình tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính vì biết kết hợp hài hòa xu thế hội nhập quốc tế với giữ vững bản sắc dân tộc, chúng ta đã và đang đạt được những thành công to lớn trên các mặt xây dựng kinh tế - xã hội, bảo đảm ổn định chính trị và tăng cường quan hệ đối ngoại.

Cuốn *“Phát triển văn hóa - Sức mạnh nội sinh của dân tộc trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế”* [94] của tác giả Phùng Hữu Phú được xây dựng trên cơ sở kết quả Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước: “Định hướng phát triển văn hóa - Sức mạnh nội sinh dân tộc trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế” với sự tham gia của nhiều nhà khoa học, văn hóa học đầu ngành. Cuốn sách thể hiện việc đánh giá khách quan, toàn diện cơ sở lịch sử, cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm khẳng định văn hóa là sức mạnh nội sinh quan trọng của dân tộc trong quá trình đổi mới, phát triển đất nước; đánh giá và nhận thức lại thành tựu, hạn chế trong quá trình xây dựng, phát triển văn hóa từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến năm 2015; đề xuất hoàn thiện quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, những giải pháp có tầm chiến lược và tính đột phá trong việc xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam thời kỳ mới.

Nhóm tác giả Nguyễn Thị Luận và Nguyễn Thị Thanh Nga trong cuốn *“Nguyên tắc, phương pháp ngoại giao Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng ta”* [64] cũng đề xuất việc vận dụng các nguyên tắc và phương pháp ngoại giao Hồ Chí Minh vào thời kỳ đổi mới. Tại công trình này, vị trí và tầm vóc của nhà văn hóa kiệt xuất, nhà ngoại giao Hồ Chí Minh được khắc họa rõ nét, khẳng định trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay cần lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng soi rọi con đường đi lên của dân tộc ta.

Tác giả Phạm Gia Khiêm trong cuốn *“Nền ngoại giao toàn diện Việt Nam trong thời kỳ hội nhập”* [50] dẫn giải vấn đề theo chiều dài lịch sử, kết nối quá khứ với hiện tại và tương lai, khơi dậy lòng trắc ẩn của mỗi người về một Việt Nam đã từng gây nhiều thiện cảm và chiếm được tình yêu mến của bạn bè quốc tế. Ngày nay, Việt Nam cần phải làm sao cho bạn bè thấy một Việt Nam có bề dày văn hóa - lịch sử đặc sắc, những trang sử hào hùng, đất nước có sức sống mãnh liệt, giàu tiềm năng và thành tựu trong đổi mới, người dân thân thiện, yêu chuộng hòa bình, tình nghĩa, thủy chung. Việt Nam cần làm gì để tiếp tục giữ gìn lòng yêu mến đó [50, tr.511-517].

Trong cuốn *“Ngoại giao Việt Nam quá trình triển khai đường lối đối ngoại Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng”* [78], tác giả Phạm Bình Minh coi trọng việc đánh giá những bài học thành công và rút kinh nghiệm triển khai công tác đối ngoại của đất nước kể từ sau Đại hội Đảng lần thứ XI, góp phần tích cực chuẩn bị tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII và thông qua chính sách đối ngoại của đất nước cho giai đoạn mới. Tác giả bàn tới nội dung xác lập vị thế quốc tế của Việt Nam trên con đường phát triển, đồng thời nhấn mạnh vị thế quốc tế là cơ sở quan trọng để thực hiện lợi ích quốc gia - dân tộc trong đối ngoại. Nâng cao vị thế, phát huy ảnh hưởng trên trường quốc tế là mục tiêu đối ngoại được tất cả các nước theo đuổi. Muốn thiết lập và nâng cao vị thế của mình, mỗi nước phải dựa vào sức mạnh tổng hợp quốc gia. Tác giả nhận định hơn lúc nào hết, mặt trận ngoại giao cần phải giữ vững vai trò chủ công của mình đối với sự nghiệp bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Trong khi đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, cần tiếp tục giương cao ngọn cờ hòa bình, ổn định và hợp tác, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích quốc gia - dân tộc với lợi ích chung của cả cộng đồng khu vực [78, tr.286-287].

Cuốn *“Đường lối chính sách đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới”* [79] là công trình tập hợp nhiều bài viết về đối ngoại, luận giải nội hàm các chủ trương, định hướng quan trọng của đường lối, chính sách đối ngoại thời kỳ đổi mới nhất là những phát triển trong tư duy về đối ngoại của Đảng. Các nhà nghiên cứu đưa ra cách tiếp cận, phương pháp triển khai mới để đạt được những mục tiêu quốc gia,... Từ đó đề xuất phương hướng, nhiệm vụ nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại. Cuốn sách chứa đựng nhiều nhận định, đánh giá riêng của các nhà nghiên cứu có tác dụng gợi mở một số vấn đề cần tiếp tục triển khai.

Tập thể tác giả Đinh Thế Huynh và các cộng sự trong cuốn *“30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam”* [49] đã đánh giá khái quát, toàn diện bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến quá trình hình thành, phát triển trên một số lĩnh vực chủ yếu trong đó có đường lối, chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế. Các tác giả nhận định, trên thế giới hiện nay, không chỉ Việt Nam mà hầu như

các nước, trong chính sách đối ngoại, đều nhấn mạnh mục tiêu vì lợi ích quốc gia. Đối với Việt Nam, việc đặt lợi ích quốc gia - dân tộc là mục tiêu tối thượng phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, tạo ra sự đồng thuận cao trong xã hội [49, tr.224]. Các tác giả cũng dự báo một số nhân tố tác động, ảnh hưởng đến công cuộc đổi mới, định hướng mục tiêu, quan điểm, giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới ở những năm tiếp theo, trong đó có đề cập đến việc phát huy đồng bộ các giải pháp để văn hóa thấm sâu, lan rộng trong mọi lĩnh vực hoạt động, mọi mặt của đời sống và quan hệ xã hội, mọi lực lượng tổ chức, cộng đồng, cá nhân, thật sự trở thành nền tảng tinh thần xã hội vững chắc, nguồn lực nội sinh quan trọng của phát triển bền vững, tiếp tục phát triển, đưa quan hệ đối ngoại vào chiều sâu [49, tr.447; tr.451]. Với cách đặt vấn đề và lý giải vấn đề sâu sắc, các tác giả đã đem tới cách nhìn toàn cảnh về nền ngoại giao mới Việt Nam từ những năm 40 của thế kỷ XIX cho đến năm 2020.

Hai cuốn sách *“Mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”* [29] của nhóm tác giả Nguyễn Tất Giáp, Nguyễn Thị Quế và Mai Hoài Anh; *“Việt Nam và thế giới đương đại”* [33] của tác giả Vũ Văn Hiền đều bàn đến Việt Nam và vấn đề hội nhập quốc tế. Cuốn *“Mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”* tập trung luận giải mối quan hệ biện chứng của hai mặt độc lập dân tộc và hội nhập quốc tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cuốn *“Việt Nam và thế giới đương đại”* tập trung phân tích cục diện thế giới, nội dung thời đại, nhân tố tác động và xu hướng phát triển; phân tích khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và dự báo mối quan hệ giữa các nước lớn. Đây là những công trình có giá trị tham khảo cao hỗ trợ việc đánh giá bối cảnh hội nhập quốc tế và tác động của nó đến Việt Nam làm nảy sinh nhu cầu vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Một số công trình nghiên cứu, bài viết khác làm sáng tỏ các vấn đề lý luận, thực tiễn của quá trình xây dựng, thực hiện đường lối, chính sách ngoại giao độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng và Nhà nước ta; những đặc điểm, tính chất của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại, những thành tựu đã đạt được và các bài học

về ngoại giao từ đó đề xuất định hướng phát triển ngoại giao Việt Nam trong tình hình mới. Đó là: “*Ngoại giao chủ động, tích cực vận động, xây dựng và tranh thủ những cơ hội mới để xây dựng và bảo vệ đất nước*” [105] của tác giả Nguyễn Phú Trọng; “*Một số vấn đề quan hệ quốc tế, chính sách đối ngoại và ngoại giao Việt Nam*” [43], [44] của tác giả Vũ Dương Huân; “*Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*” [6] của tác giả Nguyễn Đình Bin; “*Văn hóa Hồ Chí Minh trong chiến lược ngoại giao văn hóa Việt Nam ở đầu thế kỷ XXI*” [89] của tác giả Trịnh Thị Phương Oanh;... Đây là nguồn tài liệu phong phú cung cấp tư liệu, luận cứ để đánh giá chính xác, đầy đủ hơn bối cảnh quốc tế mới và những vấn đề đặt ra trong nền ngoại giao hiện đại.

Nhìn chung, mặc dù chưa có công trình nghiên cứu nào đánh giá thực trạng việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh ở Việt Nam trong thời gian qua. Việc phân tích tình hình hội nhập quốc tế tác động đến việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh còn mờ nhạt. Song các công trình nghiên cứu vận dụng trên đều bám sát quan điểm chỉ đạo của Đảng: “Kiên trì thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị” [19, tr.102]; “Mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại” [17, tr.218-219]; “Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế” [16, tr.53]; “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học” [16, tr.46-47]. Các công trình này có giá trị tham khảo tích cực, cung cấp các luận điểm, luận cứ cho việc đánh giá thực trạng và việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay.

1.2. KHÁI QUÁT NHỮNG KẾT QUẢ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU

1.2.1. Những kết quả đã đạt được

Qua khảo sát tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, tính đến thời điểm tiến hành khảo sát, các công trình nghiên cứu về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đã đạt một số kết quả đáng chú ý sau:

Thứ nhất, lĩnh vực văn hóa, ngoại giao, hội nhập quốc tế nói chung đã được nghiên cứu cả ở bề rộng và chiều sâu trên nhiều góc độ với các phương pháp tiếp cận đa dạng. Đây là nguồn tư liệu quý, cơ sở lý luận vững chắc hỗ trợ nghiên cứu sinh triển khai nghiên cứu đề tài luận án của mình.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu đều khẳng định Hồ Chí Minh là danh nhân văn hóa kiệt xuất, nhà ngoại giao lỗi lạc, người có bề dày tri thức văn hóa và nghệ thuật ngoại giao. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng có “trường phái ngoại giao Việt Nam”, “trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh”. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh gắn liền với văn hóa ngoại giao Việt Nam, ảnh hưởng to lớn đến thắng lợi của ngoại giao Việt Nam cũng như cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thứ ba, một số công trình nghiên cứu thể hiện phần nào đặc trưng của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, việc nhận thức về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh còn nhiều vấn đề chưa thống nhất, chưa đầy đủ, nguyên nhân có thể do hầu hết các tác giả không chủ đích nghiên cứu văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Vì lý do đó mà các công trình nghiên cứu chưa có cái nhìn tổng thể, hệ thống và nhất quán về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Thứ tư, xuất hiện số ít công trình bước đầu đề xuất nhiệm vụ, giải pháp vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh vào công tác ngoại giao Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Tuy nhiên, đó chỉ gồm những gợi ý mang tính đặt vấn đề của cá nhân trong bài nghiên cứu nào đó.

Thứ năm, bối cảnh lịch sử trong nước và quốc tế cùng các nhân tố chi phối hoạt động ngoại giao Việt Nam và thế giới những thập niên đầu thế kỷ XXI đến nay có nhiều công trình chuyên sâu nghiên cứu. Những tác động tích cực và tiêu cực của hội nhập quốc tế cũng như những cơ hội và thách thức được đánh giá trên nhiều phương diện. Bức tranh thời hội nhập quốc tế đã được khắc họa. Một số công trình khởi động đề xuất ý tưởng xây dựng văn hóa ngoại giao trong thời kỳ hội nhập.

1.2.2. Một số vấn đề cần tiếp tục triển khai nghiên cứu

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là lĩnh vực lớn và còn khá mới. Trong phạm vi của một luận án chưa có tham vọng nghiên cứu toàn diện văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Trên cơ sở kế thừa thành tựu của các nhà nghiên cứu đi trước luận án đặt ra ba vấn đề cần giải quyết sau:

Thứ nhất, xây dựng khái niệm văn hóa ngoại giao, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh; phân tích, luận giải nguồn gốc, đặc trưng và giá trị của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Thứ hai, làm rõ bối cảnh hội nhập quốc tế và sự tác động của hội nhập quốc tế đến việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Thứ ba, đánh giá thực trạng văn hóa ngoại giao Việt Nam, trên cơ sở đó xác định yêu cầu và những giải pháp vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay.

Tiểu kết chương 1

Quá trình khảo sát, phân tích, đánh giá, so sánh và tổng hợp hệ thống các tài liệu có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến đề tài luận án cho thấy nghiên cứu về văn hóa ngoại giao còn thiếu vắng; nghiên cứu về Hồ Chí Minh tuy đạt nhiều thành tựu to lớn cả chiều sâu và bề rộng nhưng nhìn chung các học giả do mục đích nghiên cứu, cách tiếp cận khác nhau nên chưa dành sự quan tâm nghiên cứu thích đáng tới văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Một số công trình, bài viết đề cập đến văn hóa ngoại giao, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh cũng như việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế đem tới những kết quả nhất định. Tuy nhiên, do hạn chế về tư liệu, thời gian nghiên cứu, thực tiễn xã hội, chủ đề nghiên cứu nên chưa có cái nhìn tổng thể, hệ thống và nhất quán về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện và phát triển.

Do những khoảng trống lớn về mặt lý luận dẫn tới nhận thức không đầy đủ về vai trò, vị trí của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không đầy đủ, chưa chú

trọng vấn đề vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay. Việc phân tích tình hình hội nhập quốc tế quốc tế tác động đến việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chưa rõ; tổng kết thực trạng văn hóa ngoại giao Việt Nam trong thời gian qua còn bị xem nhẹ.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là di sản quý giá Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc Việt Nam. Đến nay, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên giá trị. Vì thế, việc nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Luận án đặt ra nhiệm vụ tập trung nghiên cứu làm rõ văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh từ khái niệm, cơ sở hình thành, đặc trưng cơ bản đến giá trị, đánh giá thực trạng văn hóa ngoại giao Việt Nam và đưa ra giải pháp vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế quốc tế ở Việt Nam hiện nay. Những vấn đề này được tác giả xác định là nhiệm vụ cần triển khai tại các chương tiếp theo của luận án.

Chương 2

VĂN HÓA NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH

KHÁI NIỆM VÀ CƠ SỞ HÌNH THÀNH

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

2.1.1. Văn hóa, ngoại giao, hội nhập quốc tế

2.1.1.1. Văn hóa

Văn hóa là một hiện tượng xã hội có biên độ rộng, chẳng những bao quát quá khứ, bao trùm hiện tại mà còn trải rộng tới tương lai. Văn hóa không ngừng mở rộng nội hàm của mình theo trình độ phát triển của tư duy con người. A.L.Kroeber và A.C Kluckholn từng phát biểu:

... Ở trên đời này không có gì phiêu diêu, mông lung hơn là danh từ văn hóa. Người ta không thể phân tích văn hóa vì thành phần của nó vô cùng, vô tận... Người ta không thể mô tả văn hóa vì nó muôn mặt. Muốn cô đọng văn hóa thành lời lẽ thì cũng giống như tay không bắt không khí: Ta sẽ thấy không khí ở khắp nơi mà riêng trong tay ta chẳng nắm được gì [1, tr.9].

Nhận thức của A.L.Kroeber và A.C Kluckholn có vẻ siêu hình nhưng rõ ràng phản ánh phần nào tính phức tạp của văn hóa.

Bất kỳ nền văn hóa nào cũng đều là tài sản của một cộng đồng người nhất định, được tạo thành từ nhiều thành tố như: Phong tục tập quán, lối sống, tín ngưỡng tôn giáo, lễ hội, ngôn ngữ, kiến trúc, văn chương, điện ảnh, nhiếp ảnh, nghệ thuật... [113, tr.75]. Với tư cách là một chỉnh thể, văn hoá chứa đựng những đặc trưng cố hữu sau: Là cái phân biệt con người với động vật; là đặc trưng riêng có của con người và xã hội loài người; không được kế thừa về mặt sinh học (di truyền) mà thông qua học tập, giao tiếp; là cách ứng xử đã được mẫu thức hoá. Văn hóa mang trong mình thể mạnh đặc thù, nhân tố duy nhất có mặt ở khắp mọi nơi, thâm nhập vào tất cả mọi lĩnh vực. Văn hóa hiện hình trong sức mạnh tổng hợp của các quốc gia, dân tộc. Quốc gia nào muốn

trở thành cường quốc thì nền văn hóa của quốc gia đó phải có sức hút trên phạm vi thế giới hay khu vực.

Trong ngôn ngữ của tất cả các quốc gia, dân tộc đều xuất hiện thuật ngữ văn hóa, nhưng văn hóa là gì lại không dễ cắt nghĩa vì sự tinh tế, phức tạp và đa dạng của nó. Không có bất cứ cái gì, kể cả môi trường thiên nhiên hiện nay lại không chứa đựng mặt văn hóa của nó. Văn hóa vô hình nhưng thể hiện qua chất văn hóa có trong ngôn ngữ, hành vi, thái độ, phong cách, hình ảnh, hình tượng, v.v... của mỗi con người và quốc gia cụ thể. Văn hóa bao gồm tất cả những gì liên quan đến sáng tạo của con người được hun đúc qua nhiều thế hệ biến thành truyền thống bền vững, bản sắc, động lực phát triển của con người, dân tộc và nhân loại.

Văn hóa là lĩnh vực có sức hấp dẫn lớn, thu hút đông đảo các học giả, chuyên gia quan tâm nghiên cứu. Do đặc điểm của bản thân văn hóa, sự đa dạng trong cách tiếp cận, trong nhận thức và lĩnh vực nghiên cứu dẫn đến xuất hiện nhiều quan điểm, định nghĩa văn hóa khác nhau: Văn hóa là tri thức, kinh nghiệm, sự khôn ngoan đã tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn làm nền tảng và định hướng cho thế ứng xử của mỗi cá nhân và của cả cộng đồng vươn tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong quan hệ với tự nhiên, với xã hội, với người khác và với chính bản thân mình. Văn hóa đem lại cho con người khả năng suy xét về bản thân, làm cho con người trở thành những sinh vật đặc biệt nhân bản, có lí, có tình. Nhờ văn hóa, con người tự thể hiện, tự ý thức được bản thân. Văn hóa là sự kết tinh những giá trị cao quý và đẹp đẽ nhất của con người và đời sống của một dân tộc.

Văn hóa cũng được xác định là cái trái ngược với cái phản văn hóa và phi văn hóa, là sự phát triển nội tại của bản thân mỗi con người, là cách ứng xử, lối sống có trình độ cao biểu hiện văn minh của bản thân trong quan hệ với người khác, là tổng hợp các đặc điểm tinh thần, thể chất, tri thức và tình cảm do con người sáng tạo ra, đặc trưng cho một xã hội hoặc một nhóm xã hội, những đặc trưng giúp phân biệt xã hội này với xã hội khác... Hiểu ngắn gọn nhất, văn hóa

là tất cả giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người trong quá trình hình thành và phát triển.

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng cho rằng: “Văn hóa là hiểu biết... Trong mọi điều hiểu biết, thì hiểu biết làm người, hiểu biết xử sự và xử thế, đối với bản thân, gia đình, xã hội và thiên nhiên, là biểu hiện đẹp đẽ nhất của văn hóa” [23, tr.43]. Hiểu biết là nhân tố cơ bản của văn hóa được đo bằng trình độ tiếp thu, vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm, sự khôn ngoan mà con người tích lũy. Hiểu biết ấy phải trở thành nền tảng định hướng cho ứng xử của mỗi cá nhân, dân tộc, cộng đồng người.

Theo thống kê, đến nay tồn tại hàng nghìn định nghĩa khác nhau về văn hóa. Người ta tạm chia thành 4 loại định nghĩa cơ bản: Văn hóa hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần; văn hóa hiểu theo nội dung bao gồm cả khoa học, kỹ thuật, giáo dục, văn học nghệ thuật; văn hóa đặt trong phạm vi nếp sống, lối sống, đạo đức xã hội, văn hóa nghệ thuật; và văn hóa xét từ vai trò của nó là nguyên nhân của sự phát triển, động lực, mục tiêu của sự nghiệp xây dựng đất nước. Ở cách phân chia khác, người ta khái quát thành 6 cách định nghĩa chính: Cách định nghĩa miêu tả; cách định nghĩa lịch sử; cách định nghĩa dựa trên các chuẩn mực; cách định nghĩa tâm lý; cách định nghĩa cấu trúc và cách định nghĩa nguồn gốc [94, tr.9-10]. Mỗi định nghĩa cố gắng làm rõ khía cạnh nào đó của bản chất văn hóa, góp phần hoàn thiện nhận thức của nhân loại về một lĩnh vực đặc biệt. Vì lý do ấy, các định nghĩa mặc dù khác nhau nhưng đều chứa đựng những hạt nhân hợp lý cần được thừa nhận.

Năm 1943, Hồ Chí Minh cũng đưa ra định nghĩa văn hóa: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá”, “Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó

mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” [67, tr.458].

Năm 1982, tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) với mong muốn có một định nghĩa đảm bảo sự thống nhất nhận thức trong các hoạt động của mình đã đưa ra định nghĩa văn hóa:

Văn hóa là tổng thể những nét riêng biệt tinh thần và vật chất, trí tuệ và xúc cảm quyết định tính cách của một xã hội hay của một nhóm người trong xã hội. Văn hóa bao gồm nghệ thuật và văn chương, những lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống các giá trị, những tập tục và những tín ngưỡng: Văn hóa đem lại cho con người khả năng suy xét về bản thân.

Chính văn hóa làm cho chúng ta trở thành những sinh vật đặc biệt nhân bản, có lí tính, có óc phê phán và dần thân một cách đạo lí. Chính nhờ văn hóa mà con người tự thể hiện, tự ý thức được bản thân, tự biết mình là một phương án chưa hoàn thành đặt ra để xem xét những thành tựu của bản thân, tìm tòi không biết mệt những ý nghĩa mới mẻ và sáng tạo nên những công trình vượt trội lên bản thân [127].

So với quan điểm hiện đại của UNESCO về văn hóa thì quan điểm của Hồ Chí Minh có nhiều điểm tương đồng cả về hình thức và nội hàm. Khái niệm Hồ Chí Minh đưa ra đã thể hiện đầy đủ bản chất văn hóa trong lịch sử phát triển loài người.

Văn hóa là nhân tố đi đầu trong việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau, giữa người với người, giữa các dân tộc trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi. Văn hóa xuất hiện trong các hoạt động ngoại giao, trong các quan hệ quốc tế. Để thống nhất một cách hiểu về văn hóa, luận án lấy định nghĩa văn hóa của UNESCO làm cơ sở để triển khai các nhiệm vụ tiếp theo. Luận án dựa vào cái bản chất nhất, cốt lõi nhất trong định nghĩa văn hóa của UNESCO kết hợp với kế thừa tư tưởng văn hóa của Hồ Chí Minh. Xuất phát từ nhận thức như vậy nên “văn hóa” bàn tới trong khái niệm “văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh”, là *văn hóa*

trong lĩnh vực ngoại giao, những giá trị kết tinh, được thừa nhận trong lĩnh vực ngoại giao bao gồm cả vật chất và tinh thần.

2.1.1.2. Ngoại giao

Định nghĩa về ngoại giao rất đa dạng, phong phú. Trong *Từ điển Tiếng Anh Oxford*: “Ngoại giao là việc tiến hành quan hệ quốc tế bằng cách đàm phán, là phương pháp mà các đại sứ, công sứ... sử dụng để điều chỉnh và tiến hành các quan hệ đó, là công tác hoặc nghệ thuật của nhà ngoại giao” [116, tr.15]. Từ điển của Pháp Le Nouveau Petit Robert định nghĩa: “Ngoại giao là hoạt động chính trị liên quan đến các mối quan hệ giữa các quốc gia: Đại diện quyền lợi của một chính phủ ở nước ngoài, quản lý công việc quốc tế, hướng dẫn và tiến hành đàm phán giữa các quốc gia” [123, tr.649]. *Đại từ điển Bách khoa toàn thư Liên Xô* tái bản năm 1998 viết: “Ngoại giao là hoạt động chính thức của người đứng đầu Nhà nước, chính phủ và của các cơ quan chuyên trách về quan hệ đối ngoại, nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của chính sách đối ngoại của quốc gia, cũng như nhằm bảo vệ quyền lợi quốc gia ở nước ngoài” [42, tr.14-15]. *Từ điển Bách Khoa Việt Nam* định nghĩa ngoại giao là ngành khoa học mang tính tổng hợp, một nghệ thuật của các khả năng; là hoạt động chính thức của các cơ quan làm công tác đối ngoại và các đại diện có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ chính sách đối ngoại của Nhà nước nhằm bảo vệ các quyền lợi và lợi ích của nước mình, của các cơ quan, tổ chức và công dân mình ở nước ngoài; góp phần giải quyết các vấn đề quốc tế bằng con đường đàm phán và các hình thức hòa bình khác... [41, tr.119].

Với các nhà ngoại giao, nhà nghiên cứu, tùy từng góc độ tiếp cận mà họ cũng đưa ra những định nghĩa ngoại giao khác nhau. Họ cố gắng làm rõ những khía cạnh, những mặt chủ yếu và quan trọng nhất của ngoại giao. Các định nghĩa cơ bản đều thống nhất xem ngoại giao là công việc thực hiện nhiệm vụ chính trị đối ngoại của các quốc gia, là công cụ của chính sách đối ngoại, là nghệ thuật, kỹ năng tiến hành đàm phán, dàn xếp thương lượng giữa những người đại diện cho một nhóm hay một quốc gia nhằm mở rộng và củng cố hợp tác quốc tế, là công

cụ tạo ra cách diễn đạt các tuyên bố hay truyền đạt thông điệp một cách lịch thiệp. Ngoại giao trước hết là hành vi ứng xử nhằm điều hòa những lợi ích trong cộng đồng xã hội. Rộng thêm ra, ngoại giao chính là hành vi của mọi người trong đời sống cộng đồng nhằm hài hòa lợi ích giữa các cá nhân, giữa cá nhân với cộng đồng, giữa nhóm lợi ích với nhau và với cộng đồng.

Ngoại giao là hoạt động chính thức của một nước độc lập trong quan hệ quốc tế, là một biện pháp quan trọng để một đất nước bảo vệ lợi ích của mình và thực hiện các chính sách đối ngoại. Không có độc lập trong chủ quyền quốc gia sẽ không có ngoại giao tự chủ độc lập. Đây là một cuộc đấu tranh của nghệ thuật trị quốc ảnh hưởng đến vận mệnh quốc gia, dân tộc. Trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc Việt Nam, không một thắng lợi nào không có phần đóng góp của đấu tranh ngoại giao. Ngoại giao Việt Nam được các thế hệ cha ông đúc kết thành tri thức ngoại giao, văn hóa ngoại giao.

Ngoại giao có chức năng riêng của mình. Theo *Công ước Viên* năm 1961, chức năng của ngoại giao bao gồm: đại diện; đàm phán; bảo vệ quyền lợi của nước cử đi và của công dân nước cử đi tại nước tiếp nhận; tìm hiểu bằng mọi cách hợp pháp về nước sở tại; thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị và phát triển quan hệ kinh tế, văn hóa, khoa học giữa nước cử đi và nước tiếp nhận.

Bản chất của ngoại giao là văn hóa hiểu theo nghĩa là những giá trị hình thành trong quá trình con người ứng xử với thiên nhiên và với chính con người. Hoạt động ngoại giao cũng là sự giao lưu về các giá trị văn hóa nhằm đạt mục đích quốc gia, vì vậy hoạt động này cũng mang giá trị văn hóa sâu sắc. Hàm lượng văn hóa là nhân tố quan trọng định đoạt bản chất và hiệu quả của ngoại giao. Hoạt động ngoại giao được thực hiện bởi con người, do vậy hoạt động của những nhà ngoại giao phải chứa đựng hàm lượng văn hóa nhất định. Nhà ngoại giao phải trở thành những hình mẫu đầu tiên của hoạt động ngoại giao.

Ngoại giao theo nghĩa hẹp là đàm phán. Theo nghĩa rộng: *“Ngoại giao là công cụ thực hiện chính sách đối ngoại của quốc gia, là tổng thể những biện pháp phi quân sự, những phương pháp, thủ thuật được sử dụng có tính đến điều*

kiện cụ thể và đặc điểm của yêu cầu nhiệm vụ”; “hoạt động chính thức của người đứng đầu Nhà nước, Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài, các đoàn đại biểu tại các hội nghị quốc tế nhằm thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ chính sách đối ngoại của quốc gia, bảo vệ quyền và lợi ích quốc gia, pháp nhân và công dân mình ở nước ngoài”. “Đồng thời ngoại giao là nghệ thuật đàm phán nhằm ngăn chặn, hoặc dàn xếp những xung đột quốc tế, tìm cách thỏa hiệp và đưa ra những giải pháp có thể được các bên chấp nhận, cũng như việc mở rộng và củng cố hợp tác quốc tế” [42, tr.20-21]. Đây là định nghĩa ngoại giao trong Từ điển ngoại giao của Liên Xô do A.Gromyko chủ biên. Luận án sử dụng định nghĩa này để triển khai các nhiệm vụ đã đặt ra cần giải quyết.

Ngoại giao khác với đối ngoại và quan hệ quốc tế: “Đối ngoại là đối với nước ngoài, bên ngoài, nói về đường lối, chính sách, sự giao thiệp của Nhà nước, của một tổ chức, phân biệt với đối nội” [90, tr.327]. Đối ngoại luôn là hoạt động của một tổ chức, đảng phái với tổ chức bên ngoài. Quan hệ quốc tế là mối quan hệ giữa các nước với nhau. Xét về nội hàm của khái niệm thì quan hệ quốc tế đề cập đến vấn đề đối ngoại và ngoại giao của một tổ chức, một quốc gia với các quốc gia khác; là mối quan hệ giữa các quốc gia trên thế giới [106, tr.9].

2.1.1.3. Hội nhập quốc tế

Hội nhập quốc tế hiểu là “quá trình các nước tiến hành các hoạt động tăng cường sự gắn kết họ với nhau dựa trên sự chia sẻ về lợi ích, mục tiêu, giá trị, nguồn lực, quyền lực và tuân thủ các luật chơi chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế” [79, tr.147]. “Hội nhập quốc tế có thể hiểu là quá trình một quốc gia tham gia, gắn kết vào đời sống kinh tế, văn hóa, chính trị của khu vực hoặc thế giới” [10, tr.30-31].

Hội nhập quốc tế không giới hạn trong lĩnh vực kinh tế, chính trị mà rộng hơn, bao gồm các lĩnh vực quân sự, luật pháp, văn hóa, xã hội, lối sống của các cá nhân cộng đồng và quốc gia ở các khu vực khác và cùng với đó là sự thay đổi trong quan hệ quốc tế. Hội nhập quốc tế không dừng ở việc hợp

tác cái gì, với ai cho có lợi, mà quan trọng thông qua hội nhập khắc phục hạn chế, góp phần bảo đảm mục tiêu tối hậu là lợi ích quốc gia. Hội nhập để phát triển, muốn phát triển phải hội nhập.

Nói đến hội nhập quốc tế phải kể đến toàn cầu hóa vì toàn cầu hóa là bối cảnh và căn cứ để các quốc gia đề ra chủ trương hội nhập. Hội nhập quốc tế đi liền với toàn cầu hóa mà trọng tâm là mở cửa, tham dự phân công hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế và những lĩnh vực khác, tạo điều kiện kết hợp hiệu quả nguồn lực và điều kiện trong nước với bên ngoài, mở rộng không gian và môi trường để phát triển và chiếm lĩnh vị trí thích hợp có thể được trong quan hệ quốc tế [33, tr.318]. Cùng với cách mạng khoa học công nghệ, toàn cầu hóa tiếp thêm sức mạnh, khơi dậy tiềm năng của các dân tộc trên toàn thế giới, làm phong phú, đa dạng đời sống quốc tế, hình thành rất nhiều tầng nấc quan hệ.

Hội nhập quốc tế dựa trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, do đó lợi thế hợp tác của các nước ngày càng trở nên quan trọng hơn. Trong hội nhập, ai có khả năng cải thiện hợp tác với nước khác, nhiều bạn bè, đồng minh người đó sẽ chiếm ưu thế hơn so với đối thủ của mình. Toàn cầu hóa là quá trình mang tính tất yếu khách quan của thế giới còn hội nhập quốc tế là ý muốn chủ quan của mỗi nước. Mỗi nước sẽ tự quyết định tham gia hội nhập hay không và tham gia ở mức độ nào còn do điều kiện, hoàn cảnh của từng nước.

2.1.2. Ngoại giao văn hóa, văn hóa ngoại giao

2.1.2.1. Ngoại giao văn hóa

Ngoại giao văn hóa là một hình thức ngoại giao. Nhà nghiên cứu Milton C. Cummings Jr quan niệm ngoại giao văn hóa là sự giao lưu tư tưởng, trao đổi thông tin, nghệ thuật, lối sống, hệ giá trị, truyền thống, tín ngưỡng và các phương tiện khác của văn hóa nhằm thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau. Joseph S. Nye - nguyên Trợ lý Thứ trưởng ngoại giao Mỹ phát biểu, ngoại giao văn hóa là một ví dụ hàng đầu về “sức mạnh mềm” hoặc khả năng thuyết phục thông qua văn hóa, giá trị và những tư tưởng trái với sức mạnh cứng, tức là chinh phục hoặc cưỡng ép thông qua sức mạnh quân sự. Simeon Adebolu - thành viên Hiệp

hội các nhà ngoại giao thương mại Anh cho rằng ngoại giao văn hóa là một hình thức ngoại giao nhấn mạnh tới sự thừa nhận văn hóa và hiểu biết lẫn nhau như là một cơ sở của đối thoại. Lý Trí, một học giả người Trung Quốc cũng gây chú ý với quan điểm: Ngoại giao văn hóa là một hình thức ngoại giao kiểu mới lấy riêng văn hóa làm nội dung. Hoạt động của ngoại giao văn hóa là hoạt động ngoại giao của quốc gia có chủ quyền lấy việc bảo vệ lợi ích văn hóa nước mình cùng việc thực hiện mục tiêu chiến lược quốc gia làm mục đích, tiến hành dưới sự chỉ đạo của chính sách văn hóa nhất định và dựa vào thủ đoạn văn hóa [27].

Bên cạnh chủ kiến của mỗi nhà nghiên cứu, từng quốc gia cũng đưa ra quan điểm riêng của mình về ngoại giao văn hóa: Mỹ và Trung Quốc xem ngoại giao văn hóa là công cụ để tạo ảnh hưởng. Hàn Quốc và Mexico xem ngoại giao văn hóa là sự thúc đẩy kinh tế. Thái Lan và Xingapore cho rằng ngoại giao văn hóa vừa phục vụ phát triển vừa khẳng định bản sắc....

Tại Việt Nam, sự đa dạng trong quan niệm về ngoại giao văn hóa thể hiện tương đối rõ. Các nhà nghiên cứu, nhà ngoại giao tùy từng góc độ tiếp cận đưa ra định nghĩa ngoại giao văn hóa riêng của mình. Nguyên phó Thủ tướng Nguyễn Khánh quan niệm: “Ngoại giao văn hóa là một bộ phận trụ cột của ngoại giao Việt Nam, chứ không phải là bộ phận của văn hóa đối ngoại”. “Ngoại giao văn hóa là hoạt động ngoại giao vì văn hóa và bằng văn hóa” [14, tr.45]. Trong đó, các giá trị văn hóa sẽ là chỗ dựa tinh thần bền vững cho các hoạt động ngoại giao, làm áp lực đối với các đối tác để thực hiện có kết quả các chính sách chính trị, kinh tế và văn hóa quốc gia. Thống nhất một phần với quan điểm của ông Nguyễn Khánh, nguyên Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm cũng xem “ngoại giao văn hóa là một trong ba trụ cột của ngoại giao. Nói một cách khác là ngoại giao làm văn hóa. Điều đó thể hiện cả trong đường lối, chủ trương, chính sách lẫn trong hoạt động cụ thể” [14, tr.30].

Một số quan điểm khác lại cho rằng, ngoại giao văn hóa là hoạt động đối ngoại được Nhà nước tổ chức, ủng hộ và bảo trợ. Hoạt động này được triển khai trong thời gian nhất định nhằm đạt mục tiêu chính trị và đối ngoại, được xác

định bằng những hình thức văn hóa. Đối tượng hướng tới của ngoại giao văn hóa là Chính phủ và nhân dân các quốc gia khác. Mục tiêu của ngoại giao văn hóa góp phần đảm bảo an ninh quốc gia, quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế của đất nước và dân tộc [14, tr.15-26]. Ngoại giao văn hóa cũng xem là một lĩnh vực hay hình thức ngoại giao dùng công cụ văn hóa để thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ đối ngoại nhằm đạt các mục tiêu lợi ích cơ bản của quốc gia là phát triển, an ninh và mở rộng quan hệ quốc tế. Hoặc ngoại giao văn hóa là ngoại giao giữa các nước chung quanh các vấn đề mang nội dung văn hóa nhằm đạt thỏa thuận có lợi cho cả hai phía...

Như vậy ngoại giao văn hóa sử dụng các giá trị, hình thức, lợi thế văn hóa để thúc đẩy quan hệ với các quốc gia khác, đồng thời sử dụng nội dung, quan hệ ngoại giao để đề cao các giá trị tinh hoa văn hóa các dân tộc, giao lưu, trao đổi để các quốc gia, dân tộc ngày càng hiểu biết và tôn trọng các giá trị văn hóa và bản sắc của nhau. Ngoại giao văn hóa là chất keo kết dính quan hệ chính trị giữa các nước. Ngoại giao văn hóa suy đến cùng là nhân tố cốt lõi của sức mạnh mềm đang được các quốc gia khai thác triệt để nhằm khẳng định vị thế và ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế. Ngoại giao văn hóa cùng với ngoại giao kinh tế và ngoại giao chính trị tạo nên sức mạnh tổng hợp cho nền ngoại giao Việt Nam. Trong ba nhân tố đó, ngoại giao văn hóa đóng vai trò hết sức quan trọng, vì nó là nền tảng tinh thần, biện pháp và là mục tiêu của chính sách đối ngoại Việt Nam [14, tr.6], chỗ dựa vững chắc cho các quan hệ chính trị và kinh tế. Ngoại giao văn hóa cũng là biện pháp, yếu tố liên quan đến mục tiêu nhân văn, hòa bình, hợp tác, phát triển đất nước của chính sách đối ngoại Việt Nam.

Hiện nay, bên cạnh chủ thể chính và quan trọng nhất của ngoại giao văn hóa là Nhà nước, còn xuất hiện và tham gia ngày càng rõ nét một số chủ thể khác của quan hệ quốc tế, đặc biệt là các tổ chức phi chính phủ, công ty xuyên quốc gia, trung tâm nghiên cứu và phổ biến văn hóa, cơ sở văn hóa, nghệ thuật tư nhân hoặc không thuộc cơ quan Nhà nước, tập đoàn, doanh nghiệp hoạt động trong và ngoài lĩnh vực văn hóa. Sự xuất hiện các chủ thể đa

dạng, đồng thời đi kèm với các phương thức hoạt động khác nhau, tạo nên sự phong phú của hoạt động ngoại giao văn hóa.

Trong chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2020, Việt Nam xác định ngoại giao văn hóa là việc triển khai các hoạt động văn hóa do Nhà nước làm chủ đạo nhằm đạt các mục tiêu chính trị, kinh tế, văn hóa phù hợp với yêu cầu chung của công tác đối ngoại. Nội hàm của ngoại giao văn hóa gồm năm hoạt động chính, là mở đường, khai thông quan hệ với các nước và khu vực chưa có nhiều quan hệ với ta; xúc tiến và tăng cường, làm sâu sắc hiểu biết với các quốc gia; quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam trên trường quốc tế; vận động để nhiều di sản của Việt Nam được UNESCO công nhận; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu bản sắc văn hóa dân tộc.

Từ những quan điểm, định nghĩa khác nhau có thể hiểu, *ngoại giao văn hóa là sử dụng văn hóa làm phương tiện cho việc thiết lập (thậm chí thâm nhập) quan hệ với các quốc gia, dân tộc hoặc (đồng thời) thúc đẩy quan hệ ngoại giao giữa các quốc gia dân tộc.*

Ngoại giao công chúng là khái niệm mới của quan hệ quốc tế hiện đại có nhiều điểm gần khái niệm ngoại giao văn hóa. Ngoại giao công chúng chỉ hoạt động ngoại giao hướng vào công chúng các nước khác, là cách thức một quốc gia giao tiếp, tương tác với nhân dân, công chúng hay các chủ thể phi nhà nước ở các xã hội khác, là những hoạt động của chính phủ tiến hành bảo trợ chương trình cụ thể nào đó nhằm mục tiêu tuyên truyền, vận động công chúng ở các nước thông qua các phương thức, công cụ như cung cấp thông tin, trưng bày các ấn phẩm, tiến hành các hoạt động trao đổi, phổ biến văn hóa, các sản phẩm trên phát thanh, truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Ngoại giao công chúng không chỉ là việc xác định và gửi đi các thông điệp của một quốc gia ra các nước khác mà còn đánh giá, phân tích thái độ tiếp nhận thông điệp đó ở các xã hội khác nhau cũng như xây dựng các phương tiện, công cụ để chuyển tải thông điệp, lắng nghe thông điệp một cách thuyết phục và hiệu quả nhất. Ngoại giao công chúng là cách tiếp cận đa văn hóa, học hỏi lẫn nhau dựa trên đối thoại.

2.1.2.2. Văn hóa ngoại giao

Văn hóa ngoại giao là sự thể hiện văn hóa trong lĩnh vực ngoại giao. Ngoài điểm chung của văn hóa, văn hóa ngoại giao cũng có nguồn gốc, quá trình phát triển và đặc điểm riêng của mình. Xây dựng khái niệm văn hóa ngoại giao và giải nghĩa được một cách đầy đủ là không đơn giản. Mỗi nhà nghiên cứu có quan điểm riêng tùy thuộc vào cách tiếp cận của mình. Trên thế giới có một số học giả tiêu biểu như: Geoffrey Wiseman, Hedley Bull, Paul Sharp, Dietrich Kappeler. Cụ thể, Geoffrey Wiseman cho rằng: Văn hóa ngoại giao là các nguyên tắc, luật lệ và thể chế về giao tiếp và thể hiện được sáng tạo để cải thiện quan hệ, tránh chiến tranh trong quá trình tương tác và công nhận lẫn nhau của các thực thể chính trị. Hedley Bull đồng tình với quan điểm này, xác định: Văn hóa ngoại giao là tập hợp các giá trị và lý tưởng của đại diện quốc gia có chủ quyền. Paul Sharp đưa ra cách nhìn nhận khác: Văn hóa ngoại giao là cách thức ứng xử của cán bộ ngoại giao, cộng đồng ngoại giao hay tổ chức quốc tế với đối tác khác. Chung quan điểm với Paul Sharp, Dietrich Kappeler nhấn mạnh văn hóa ngoại giao ở khía cạnh các giá trị hay cách ứng xử chung của cán bộ như quá trình đào tạo về ngoại giao, chia sẻ các nguyên tắc xã hội như sự kiềm chế, lịch sự, vị tha, đồng cảm và tin tưởng lẫn nhau. Và với Wilfried Bolewski: Văn hóa ngoại giao thể hiện ở cách suy nghĩ, phát ngôn, ứng xử trong hoạt động ngoại giao [66, tr.11-12]. Những quan điểm này cho thấy, các học giả khi quan niệm, định nghĩa văn hóa ngoại giao đã đặt trọng tâm vào con người, nhấn mạnh tới các giá trị hay cách ứng xử. Ngoài ra, có học giả chú ý hơn tới yếu tố tác động đến văn hóa ngoại giao bao gồm lợi ích, lý tưởng quốc gia, quy định tổ chức cùng bản sắc văn hóa quốc gia và khu vực.

Ở Việt Nam cũng xuất hiện một số quan điểm bàn về văn hóa ngoại giao. Nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Khoan cho rằng: Văn hóa ngoại giao đó là phong cách ứng xử, thể hiện của cán bộ ngoại giao trong quá trình công tác [52]. Nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Khánh quan niệm: Văn hóa ngoại giao “không phải là một loại hình văn hóa riêng biệt của ngành ngoại giao,

đối ngoại mà là sự biểu lộ các giá trị văn hóa Việt Nam đã thấm sâu vào tư tưởng, trí tuệ, phong cách của các tổ chức và các cá nhân làm công tác ngoại giao, cả ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân” [14, tr.46]. Nguyên Bộ trưởng Bộ ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm thống nhất phần nào với quan điểm trên. Theo ông: “Văn hóa ngoại giao nặng về cách ứng xử có trình độ cao, biểu hiện văn minh, đồng thời thể hiện thuần phong mỹ tục. Có thể gọi là phong thái ngoại giao” [14, tr.30]. Một số nhà nghiên cứu khác cũng bày tỏ quan điểm: “Văn hóa ngoại giao được hiểu là tổng thể các thành tố cơ bản, gồm: Văn hóa chính trị, văn hóa tổ chức với đầy đủ các tiêu chí của hệ giá trị văn hóa, văn hóa ứng xử, giao tiếp của chủ thể tiến hành các hoạt động đối ngoại, ngoại giao” [58, tr.39]. Gần đây nhóm tác giả do Trần Thị Hoàng Mai chủ nhiệm trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ đã đưa ra khái niệm mới về văn hóa ngoại giao:

Văn hóa ngoại giao là tổng thể các giá trị của ngành ngoại giao (những nguyên tắc chính xuyên suốt), cách tư duy, làm việc, các nghệ thuật trong xử lý các mối quan hệ đối ngoại cho đến phong cách ứng xử, cách lập luận trình bày vấn đề của chủ thể (cá nhân hay tập thể) đang thực hiện hoạt động ngoại giao quốc gia để tăng ấn tượng, tăng sức thuyết phục với đối tượng tiếp xúc góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ đối ngoại được xác định từ trước [66, tr.12].

Như vậy, văn hóa ngoại giao về cơ bản được nhìn nhận là cách ứng xử hàng ngày có văn hóa của cán bộ làm công tác ngoại giao. Văn hóa ngoại giao thiên về cách ứng xử ở trình độ cao, là cách ứng xử giữa con người với con người, giữa con người với cộng đồng, giữa các cộng đồng dân tộc với nhau ở mức độ tinh tuyền, ứng xử văn hóa - văn hóa trong ngoại giao. Văn hóa ngoại giao biểu lộ các giá trị văn hóa đã thấm sâu vào tư tưởng, trí tuệ, phong cách của các chủ thể làm công tác ngoại giao. Muốn có văn hóa ngoại giao ngoài học ở sách vở, trường lớp mỗi chủ thể còn phải tiếp thu được hồn văn hóa dân tộc. Các nhà ngoại giao muốn thành công trong công tác ngoại giao, không chỉ tuân thủ tốt nguyên tắc, nghi lễ, quy định, quy ước, chuẩn mực, thực hiện tốt bổn phận,

trách nhiệm, nghĩa vụ phải làm, mà cao hơn yêu cầu là phải có những ứng xử thể hiện tài năng, nhân cách trước mỗi tình huống ngoại giao mà mình đối diện...

Văn hóa ngoại giao hiện diện ở mọi khâu, mọi quá trình, mọi lĩnh vực ngoại giao. Văn hóa ngoại giao không tách rời hoạt động của chủ thể ngoại giao. Không có và không thể có văn hóa ngoại giao chung chung nằm ngoài cá nhân, dân tộc và thời đại. Văn hóa ngoại giao không phải lĩnh vực bất biến, khép kín. Nó là lĩnh vực mở, luôn tiếp biến những yếu tố bên ngoài trong quá trình giao lưu, tiếp xúc với các quốc gia khác. Điều đó lý giải việc bên cạnh cái riêng, văn hóa ngoại giao dân tộc còn chứa đựng cả tính nhân loại phổ quát, mang đậm dấu ấn nhân tính với các giá trị nhân văn cao cả. Khi tính nhân loại này làm nhân tố trung gian (sự môi giới) thì con người, dân tộc ở bất kỳ đâu trên thế giới đều khác biệt về điều kiện sống, về nền văn hóa vẫn có thể gắn kết với nhau, tiếp thu thành quả của nhau.

Nói đến văn hóa ngoại giao là nói đến diện mạo, đặc trưng, giá trị của một nền ngoại giao cụ thể. Trên một phương diện nhất định, văn hóa ngoại giao là kết quả của những hành vi bắt nguồn từ tri thức, kinh nghiệm tích lũy lại được kế thừa tạo nên phong cách ngoại giao của mỗi nhà ngoại giao và nền ngoại giao gắn với mỗi quốc gia. Với một quốc gia cụ thể, văn hóa ngoại giao còn xuất phát từ vị thế và mối tương quan giữa các quốc gia liên quan về lợi ích, trong đó có những giá trị mang tính truyền thống.

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, *văn hóa ngoại giao là tổng hòa các giá trị văn hóa được thể hiện qua tư tưởng, phương pháp, phong cách, nghệ thuật ngoại giao của chủ thể làm công tác ngoại giao và các nền ngoại giao gắn với mỗi quốc gia, dân tộc trong những điều kiện lịch sử cụ thể.*

Như vậy, văn hóa ngoại giao về bản chất hiểu là những giá trị tốt đẹp và riêng biệt của chủ thể ngoại giao được hình thành trên nền văn hóa dân tộc với phong tục tập quán, văn hóa truyền thống, những lý tưởng, điều kiện địa lý, kinh tế, chính sách chính trị đặc thù. Khi các lý tưởng, điều kiện, chính sách thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi ít nhiều của văn hóa ngoại giao. Ở Việt Nam, các giá trị

văn hóa và môi trường văn hóa tốt đẹp là nguồn gốc hình thành và phát triển nền văn hóa ngoại giao giàu bản sắc cùng nhiều nhà ngoại giao tài năng, bản lĩnh, hiểu biết sâu rộng, nhuần nhuyễn nghệ thuật ứng biến, xử trí khôn khéo các mối quan hệ ngoại giao. Nền ngoại giao Việt Nam rất giàu bản sắc có đặc trưng ổn định, nguồn gốc xuất phát từ văn hóa dân tộc, đồng thời là kết quả hoạt động giao lưu quốc tế của Việt Nam cùng quá trình đấu tranh xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Văn hóa ngoại giao Việt Nam thể hiện rõ qua tư tưởng, phong cách, phương pháp và nghệ thuật ngoại giao với một số đặc trưng cơ bản như: hòa hiếu; độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường; đoàn kết quốc tế; chân thành, thủy chung với bạn bè; bao dung với kẻ thù; ứng xử cởi mở, tinh tế, khéo léo, tế nhị, chân thành; ngoại giao tâm công, dĩ bất biến ứng vạn biến. Văn hóa ngoại giao dân tộc thể hiện rõ nét ở văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Nói khác đi, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đã truyền tải đầy đủ tinh thần và làm giàu thêm văn hóa ngoại giao dân tộc.

Văn hóa ngoại giao khác với ngoại giao có văn hóa. Từ ngoại giao có văn hóa đến văn hóa ngoại giao là một quá trình dài, chuyển những cái biểu hiện thành cái bản chất đặc trưng chứa đựng những giá trị bền vững có tính hệ thống và tương đối ổn định, những hành động, ứng xử lặp đi lặp lại thành nếp, kết cấu với nhau trong hệ thống lớn hơn được trao truyền qua các thế hệ có sự gạn lọc, bổ sung, phát triển. Ngoại giao có văn hóa và văn hóa ngoại giao chỉ thực sự ý nghĩa, thực sự phản ánh và trao truyền khi được cụ thể hóa qua khuôn mẫu, phong cách, ứng xử, chuẩn mực, biểu tượng các chủ thể thực hiện nhằm ứng biến với đối tượng khác. Sự kế thừa liên tục và phát triển của chủ thể khiến văn hóa ngoại giao mang tính liên tục không đứt đoạn.

Văn hóa ngoại giao khác văn hóa đối ngoại. “Văn hóa đối ngoại là sự giao lưu, trao đổi quốc tế của tất cả các lĩnh vực văn hóa từ văn học, nghệ thuật đến ngôn ngữ... với phạm vi rất rộng. Nó có thể bao cả hoạt động kinh doanh, buôn bán các sản phẩm văn hóa” [14, tr.30]. Trên thực tế, văn hóa đối ngoại là bộ phận quan trọng trong chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia. Thời kỳ toàn cầu

hóa, văn hóa đối ngoại không chỉ là sự giao lưu, trao đổi, hợp tác mà còn có mặt cạnh tranh quyết liệt. Hoạt động văn hóa đối ngoại thực chất cũng nhằm hướng tới mục đích góp phần gia tăng khả năng cạnh tranh cho quốc gia.

2.1.3. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh

Trong nghiên cứu của các tác giả Song Thành, Dương Trung Quốc, Dương Quốc Thanh, Võ Văn Sung, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đã được nhận diện là phong cách ngoại giao đạt đến trình độ văn hóa, lối tư duy, ứng xử ngoại giao đậm chất văn hóa [97, tr.12], hoặc là tư tưởng ngoại giao đầy tính nhân văn [14, tr.75-84].

Để đưa ra khái niệm văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh cần xác định rõ, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không giới hạn chỉ là cách ứng xử, phương pháp, phong cách, nghệ thuật ngoại giao mà bao gồm cả tư tưởng, tri thức ngoại giao mà Hồ Chí Minh tích lũy trong thực tiễn đấu tranh cách mạng hình thành thế giới quan, nhân sinh quan của Người. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện trước hết ở sự thống nhất trong một chỉnh thể, tại đó tâm (suy nghĩ) - hành (hành động) - ngôn (lời nói) đều vận hành trên cùng một trục giá trị là cái đúng, cái tốt, cái đẹp.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện trên hai bình diện: Hoạt động ngoại giao bao gồm các hành động cụ thể, ứng xử, phong cách ngoại giao và tư tưởng ngoại giao thể hiện qua thư tín, lời đáp từ, quan điểm, định hướng chỉ đạo ngoại giao của Hồ Chí Minh. Do vậy, nghiên cứu văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh phải đảm bảo tính toàn diện, nghiên cứu đầy đủ từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến các hoạt động, ứng xử ngoại giao của Hồ Chí Minh.

Nếu cắt nghĩa đạo đức là đường đi, là lẽ phải, là điều tốt lành thì văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chính là chuẩn mực đạo đức trong ngoại giao. Chuẩn mực đạo đức ấy lấy hòa bình làm nền tảng, hướng đến việc tạo dựng điều kiện để cùng chung sống hòa bình và hạnh phúc. Hồ Chí Minh đã chinh phục thế giới bằng văn hóa ngoại giao. Đây là lời giải đáp thuyết phục nhất vì sao, một Việt Nam nhỏ bé, nghèo khó lại nhận được sự ủng hộ của nhiều dân tộc trên

thế giới, chiếm được thiện cảm và sự giúp đỡ nhiệt tình về vật chất và tinh thần của bạn bè khắp nơi, thậm chí cả nhân dân những nước đi xâm lược mình. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đóng vai trò quan trọng đối với việc thực hiện các mục tiêu ngoại giao mà Hồ Chí Minh đề ra trên cương vị người tìm đường, dẫn đường và tổ chức thực hiện.

Tiếp cận văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh có nhiều cách, song trước hết cần thống nhất, văn hóa ngoại giao là yếu tố quan trọng định hình diện mạo nhà ngoại giao lỗi lạc Hồ Chí Minh. Văn hóa ngoại giao hình thành cùng quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh và phát triển nhất từ sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Kể từ đó, Hồ Chí Minh làm ngoại giao trên cương vị nhà lãnh đạo của một quốc gia độc lập. Văn hóa ngoại giao góp phần minh chứng cụ thể cho tầm vóc danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh là hiện thân tiêu biểu của văn hóa ngoại giao Việt Nam. Người không chỉ đứng vững trên nền tảng văn hóa ngoại giao dân tộc mà bằng tài năng, trí tuệ và bản lĩnh của mình, kế thừa giá trị tốt đẹp trong truyền thống văn hóa ngoại giao dân tộc, tinh hoa văn hóa ngoại giao nhân loại, bổ sung nhân tố mới, sáng tạo nên trường phái ngoại giao Việt Nam hiện đại mang sắc thái riêng, hiếm thấy trong lịch sử nhân loại.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh hiểu theo nghĩa hẹp là cách ứng xử trong ngoại giao đạt trình độ cao, thể hiện thuần phong, mỹ tục. Theo nghĩa rộng, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là toàn bộ sự hiểu biết (bao gồm tri thức, kinh nghiệm, sự khôn ngoan định hướng cho thế ứng xử trong ngoại giao), phương pháp, phong cách, nghệ thuật ngoại giao của Hồ Chí Minh mà ở đó không chỉ chứa đựng những giá trị tốt đẹp, cái có giá trị mà còn bao hàm cả cái riêng độc đáo nhằm phân biệt với các đối tượng khác.

Từ những điều trên, bước đầu đưa ra khái niệm:

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là sự kết tinh các giá trị văn hóa tốt đẹp, truyền thống ngoại giao dân tộc, tinh hoa văn hóa và kinh nghiệm ngoại giao thế giới được thể hiện qua tư tưởng, phương pháp, phong cách, nghệ

thuật ngoại giao Hồ Chí Minh, có giá trị bền vững, mãi mãi soi đường, định hướng cho sự phát triển của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại.

Định nghĩa này cho thấy, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là văn hóa trong lĩnh vực ngoại giao. Đó là những giá trị ổn định và bền vững, là nhân tố cốt lõi thể hiện “chất” ngoại giao Hồ Chí Minh. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh có cơ sở hình thành riêng của nó, bao gồm cơ sở thực tiễn, cơ sở lý luận và nhân tố thuộc về chủ quan Hồ Chí Minh.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện qua tư tưởng, phương pháp, nghệ thuật ngoại giao, phong cách ứng xử ngoại giao. Những yếu tố này đều được đặt trên nền tảng thế giới quan, phương pháp luận biện chứng mác xít, tri thức sâu rộng, kinh nghiệm từng trải, bản lĩnh vững vàng và nhân cách văn hóa Hồ Chí Minh. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là tài sản quý giá có ý nghĩa to lớn về mặt lý luận và thực tiễn đối với nền ngoại giao và sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

2.2. CƠ SỞ HÌNH THÀNH VĂN HÓA NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH

2.2.1. Cơ sở thực tiễn

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh hình thành trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của dân tộc, thời đại và bản thân cuộc đời Hồ Chí Minh. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, một mặt phản ánh yếu tố dân tộc, truyền thống và một mặt phản ánh yếu tố nhân loại, hiện đại; một mặt phản ánh giá trị chung và một mặt phản ánh giá trị riêng. Thiên tài Hồ Chí Minh thể hiện rõ ở việc hấp thụ, tiếp thu, dung hòa, chuyển biến và vận dụng những giá trị văn hóa ngoại giao đa dạng, khác biệt thành chỉnh thể thống nhất, mới mẻ, góp phần giải quyết một cách tinh tế các vấn đề thực tiễn ngoại giao Việt Nam.

Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trên quê hương, đất nước có đặc điểm riêng từ vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên đến nền kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đây là điểm xuất phát, cơ sở thực tiễn đầu tiên hình thành sắc màu văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Những tác nhân quan trọng này quy định khát

vọng, lý tưởng, cách ứng xử, thể ứng xử ngoại giao của Hồ Chí Minh trước các vấn đề thời cuộc.

Từ thuở nhỏ, Hồ Chí Minh đã được nuôi dưỡng trong không gian văn hóa của gia đình gia giáo. Nhờ định hướng của các thành viên gia đình, Hồ Chí Minh sớm tiếp xúc trực tiếp, thường xuyên các chuẩn mực đạo đức, khuôn phép ứng xử, lối giao tiếp văn hóa. Đây là môi trường đầu tiên tạo điều kiện thuận lợi để Hồ Chí Minh cảm thụ, lĩnh hội, tiếp nhận văn hóa ngoại giao cộng đồng, khơi nguồn cho việc xuất hiện dòng văn hóa ngoại giao đặc sắc sau này. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không nằm ngoài lẽ tiến trình lịch sử dân tộc. Nó được phôi thai, hun đúc và mang dấu ấn của chính tiến trình lịch sử ấy. Bối cảnh lịch sử là cơ sở thực tiễn trực tiếp nhất quy định sự xuất hiện và diện mạo văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng chứng kiến nhiều biến động lớn, đặc biệt sự xuất hiện của chủ nghĩa đế quốc với những cuộc chiến tranh xâm lược. Việt Nam và nhiều dân tộc biến thành thuộc địa, chìm đắm trong đêm trường nô lệ. Mặc dù đấu tranh quyết liệt, nhưng Việt Nam chưa thể giải phóng mình. Trong bối cảnh ấy, lịch sử lựa chọn Hồ Chí Minh đứng ra gánh vác nhiệm vụ vinh quang và khó nhọc: Tìm con đường giải phóng dân tộc. Vai trò, sứ mệnh lịch sử của Hồ Chí Minh góp phần định dạng văn hóa ngoại giao của Người - Văn hóa ngoại giao của một vị lãnh tụ, người kiến trúc sư, người thầy, linh hồn của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại.

Bằng trí tuệ và tài năng xuất chúng, Hồ Chí Minh xác định, muốn giải phóng dân tộc cần huy động sức mạnh nội lực, tranh thủ ngoại lực. Người quyết định xuất dương, chủ động đi tìm con đường phù hợp cho dân tộc trong điều kiện quốc tế mới. Trên con đường vạn dặm, Hồ Chí Minh không ngừng nỗ lực tìm kiếm sự hợp tác, giúp đỡ quốc tế, trân trọng sự ủng hộ của các lực lượng yêu chuộng hòa bình dành cho Việt Nam. Ở phương diện nhất định, đây là hành trình

Hồ Chí Minh thiết lập tình đoàn kết quốc tế, khai phá, kiến tạo quan hệ ngoại giao của Việt Nam với các nước trên thế giới.

Hồ Chí Minh đặt chân sang phương Tây thời điểm thế giới diễn ra xu hướng mở rộng quan hệ giao lưu quốc tế với sự ràng buộc, lệ thuộc lẫn nhau. Quá trình quốc tế hóa thị trường của tất cả các quốc gia trên thế giới buộc các nước phải thiết lập quan hệ với nhau dù muốn hay không. Ra nước ngoài, trong môi trường quốc tế đầy biến động, Hồ Chí Minh tích cực tham gia sâu rộng các hoạt động quốc tế. Nhờ vậy, Người nhận thức đầy đủ, toàn diện tầm quan trọng của việc thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước vì mục tiêu đấu tranh giải phóng dân tộc, tích lũy kinh nghiệm đấu tranh ngoại giao, phát triển tri thức về xử lý các mối quan hệ quốc tế, phương pháp và nghệ thuật ngoại giao.

Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, Nhà nước Xô Viết ra đời đem tới vận hội mới cho nhân dân các nước thuộc địa. Liên Xô bước lên vũ đài chính trị thế giới trở thành một chủ thể mới trong quan hệ quốc tế, mở đầu việc hình thành hai hệ thống xã hội đối lập là chủ nghĩa xã hội và tư bản chủ nghĩa. Quan hệ quốc tế toàn cầu biến đổi có tính bước ngoặt. Thế giới không còn độc tôn tư bản chủ nghĩa mà hình thành thêm loại hình quan hệ quốc tế xã hội chủ nghĩa cùng nhiều quan điểm, luận điểm mới như: Cùng tồn tại hòa bình, ngoại giao hòa bình, chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa... Liên Xô tạo ảnh hưởng sâu sắc tới nền chính trị thế giới, là một trong hai siêu cường đóng vai trò quan trọng trong hình thành trật tự thế giới và cả nguyên tắc pháp luật tiến bộ của quan hệ quốc tế.

Vì điều kiện lịch sử, Hồ Chí Minh tiếp cận Cách mạng Tháng Mười có phần chậm hơn so với diễn biến của nó. Tuy nhiên, không lâu sau đó, Hồ Chí Minh vượt qua những rào cản, nhận thức sâu sắc và đúng đắn hơn về cuộc cách mạng này. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới giai đoạn 1929 - 1933, chiến tranh thế giới lần thứ II... cũng làm đảo lộn xu thế và cục diện quan hệ quốc tế, đẩy các quốc gia, dân tộc trong đó có Việt Nam đứng trước thách thức tồn vong. Thực tiễn sinh động lại tiếp thêm cho Hồ Chí Minh cơ sở cho việc hình thành văn hóa ngoại giao của Người.

Hồ Chí Minh tham dự nhiều diễn đàn lớn, nơi hội tụ trí tuệ của các trào lưu cách mạng thời đại, hoạt động sôi nổi trong phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa, phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và tham gia tích cực nhiều tổ chức yêu nước nhất là Quốc tế Cộng sản cho Người cơ hội làm quen, cộng tác và mở rộng quan hệ với đông đảo nhân vật xuất chúng đến từ nhiều dân tộc khác nhau. Thông qua các mối quan hệ, Hồ Chí Minh không chỉ học hỏi văn hóa ngoại giao, mở rộng thêm tri thức ngoại giao mà còn đặt nền móng cho những mối quan hệ ngoại giao rất quan trọng của Việt Nam sau này.

Khoảng thời gian quan trọng này, Hồ Chí Minh để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng nhiều chính khách quốc tế và nhân dân tiến bộ khắp nơi về một cá nhân kiệt xuất đến từ một dân tộc thuộc địa - Người luôn kiên định mục tiêu sáng ngời chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo: Độc lập cho dân tộc tôi và hạnh phúc cho nhân dân tôi, đó là tất cả những gì tôi cần, đó là tất cả những gì tôi hiểu.

Sau thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam độc lập ra đời đúng với nguyên tắc dân chủ, tiến bộ trong quan hệ quốc tế, phù hợp với nguyên tắc tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản, dân tộc tự quyết mà các nước đồng minh cam kết tôn trọng. Một trong những ưu tiên hàng đầu lúc này của Việt Nam là đảm bảo tính nguyên tắc và rộng mở trong quan hệ ngoại giao. Hồ Chí Minh đã tập trung đầu tư trí tuệ, sức lực cho mặt trận ngoại giao, biến nó thành vũ khí có sức mạnh to lớn góp phần xoay chuyển cục diện quan hệ quốc tế lúc đó của Việt Nam. Thực tiễn khó khăn với vô số tình huống đặt ra buộc người đứng đầu Nhà nước phải nghiên cứu, ứng biến cho phù hợp. Đây chính là môi trường tôi luyện, hoàn thiện dần văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Như vậy, kể từ khi trên cương vị mới, giữ vai trò mới trong Nhà nước độc lập, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh càng có điều kiện thể hiện và tỏa sáng.

Tóm lại, thực tiễn dân tộc và thế giới là điều kiện cho sự ra đời văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Không có thực tiễn này hoặc trong bối cảnh lịch sử khác, đảm nhận vai trò, nhiệm vụ khác, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không thể xuất hiện. Chính trong thực tiễn đầy biến động với những bước ngoặt lịch sử, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh được phát triển đầy đủ, đồng

thời phát huy cao độ sức mạnh nội sinh của mình. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh xuất hiện đúng lúc, đúng thời điểm, tham gia giải quyết thành công các vấn đề thực tiễn ngoại giao tự nó đã khẳng định giá trị trong hệ thống di sản Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc Việt Nam.

2.2.2. Cơ sở lý luận

2.2.2.1. Tinh hoa văn hóa, truyền thống, kinh nghiệm ngoại giao của dân tộc Việt Nam

Việt Nam có nền ngoại giao giàu bản sắc, nơi hội tụ tinh hoa Đông, Tây, kim, cổ từ rất sớm nên tạo ra tri thức ngoại giao riêng của mình. Tri thức ấy thể hiện rõ trong bản chất, mục tiêu, phương cách hành động ngoại giao độc đáo. Dựa trên cơ sở văn hóa ngoại giao truyền thống, Hồ Chí Minh xây dựng nên ý thức chính trị mới, phương cách ngoại giao mới trong quan hệ quốc tế hiện đại, hình thành nên một dạng văn hóa ngoại giao khác về chất so với văn hóa ngoại giao truyền thống. Thế giới tôn vinh Hồ Chí Minh là danh nhân văn hóa, đồng thời thừa nhận Hồ Chí Minh là nhà ngoại giao lỗi lạc.

Kiên định về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược

Dân tộc Việt Nam thường xuyên đối diện với thiên tai, địch họa. Trong tiến trình phát triển của mình, người Việt Nam sớm tiếp xúc với nhiều nước. Mỗi nước mang ý đồ riêng khi thiết lập quan hệ với Việt Nam là hòa bình, thân thiện hoặc thù địch. Ngoài Trung Hoa, Việt Nam quan hệ ngoại giao với các nước Lào, Campuchia, Mianma, Thái Lan, Indonesia, Chiêm Thành thậm chí cả Ấn Độ, Sri Lanka, và từ thế kỷ XVI - XVII là các nước Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Nhật Bản.

Là một nước nhỏ lại có vị trí chiến lược trọng yếu, Việt Nam thường xuyên bị nước lớn xâm lược, can thiệp. Để bảo vệ mình, người Việt Nam buộc phải tìm cách xử lý đúng đắn các mối quan hệ, giữ vững độc lập chủ quyền. Điều kiện tự nhiên và bối cảnh thực tiễn giúp người Việt Nam đúc kết nên tri thức ngoại giao kiên định về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược. Tri thức này thể hiện rõ nét việc áp dụng nhuần nhuyễn triết lý nhu đạo “nước chảy đá mòn”, bộc lộ tài trí của người Việt Nam trong quan hệ bang giao.

Trong lịch sử dân tộc, phương pháp kiên định về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược được hầu hết các vương triều phong kiến sử dụng. Kiên định và mềm dẻo biểu hiện ở việc chấp nhận thỏa hiệp khi cần thiết, tìm cách dàn hòa, cử sứ đi lại, trao đổi thư từ, cống phẩm dù chiến tranh đã sắp xảy ra, hay kể cả khi đã giành thắng lợi bằng quân sự vẫn giữ thái độ mềm dẻo, nhún nhường, không tự cao, tự mãn, làm nhục đối phương. Tiêu chuẩn cao nhất của hoạt động ngoại giao Việt Nam là độc lập dân tộc, vì thế tuy chủ trương mềm dẻo, nhưng luôn tỏ rõ sự cứng rắn khi nền độc lập bị đe dọa, yêu cầu hòa đồng mà không hòa tan, hài hòa, uyển chuyển mà không ba phải, mềm dẻo uốn mình mà không nhu nhược.

Mềm dẻo nhưng kiên định lập trường là đặc trưng của văn hóa ứng xử Việt Nam, đồng thời thể hiện bản lĩnh, trí tuệ Việt Nam. Mềm dẻo trên tinh thần hòa bình, hữu nghị và đặt trên một trục giá trị nhất quán của người Việt Nam đó là lòng yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập dân tộc. Kiên quyết nhưng mềm dẻo luôn được người Việt Nam áp dụng tinh tế, linh hoạt trong bang giao với các nước.

Trong ngoại giao, xử lý quan hệ với Trung Quốc là khó khăn, lâu dài hơn cả bởi nhiều lí do. Các triều đại phong kiến Trung Quốc từ xưa thường dùng văn hóa của nước lớn, thi hành chính sách ngoại giao dựa trên vũ lực kết hợp với lôi kéo và mua chuộc, bắt Việt Nam phục tùng và chịu sự thống trị của mình. Trường hợp không đạt mục tiêu, Trung Quốc cũng hy vọng làm Việt Nam e sợ, giảm sút ý chí chiến đấu. Trong hoàn cảnh khó khăn ấy, đòi hỏi Việt Nam phải tìm ra cách ứng xử ngoại giao phù hợp để tồn tại và phát triển. Chủ tâm ngoại giao khôn khéo, linh hoạt, lấy nhu thắng cương đã phát huy công dụng. Kế sách “trong xung để ngoài xung vương”, một mặt đề cao tinh thần hòa hảo, một mặt thể hiện quyết tâm giữ vững nguyên tắc của mình được đánh giá là sự lựa chọn thông minh, duy nhất đúng trong hoàn cảnh lịch sử lúc đó và dường như chỉ có ở Việt Nam.

Nguyên tắc bất biến của người Việt Nam là độc lập thật sự, thần thuộc danh nghĩa; thần phục nhưng không bao giờ khuất phục; để thiên triều phong vương, Việt Nam phải thực hiện việc triều cống. Dưới góc độ chính trị, được

phong vương có ý nghĩa đặc biệt. Nó khẳng định tính chính danh, tính hợp pháp của một triều đại, được thiên triều đảm bảo an ninh và toàn vẹn lãnh thổ. Trên thực tế, đề nghị phong vương không dễ và thực hiện nghĩa vụ triều cống không đơn giản. Đó là cuộc đấu tranh căng thẳng, phức tạp căn bản lãnh, trí tuệ, lòng kiên trì của cả dân tộc.

Thời Lê, Lê Hoàn chủ trương mềm dẻo giữ vững mối quan hệ hòa hảo với nhà Tống, nhưng tỏ rõ sự cứng rắn, hạn chế thái độ hống hách của nước lớn. Thời nhà Trần, các kế sách phản ánh tầm vóc ngoại giao Việt Nam. Nhà Trần chấp nhận nhần nhin cống nạp, giữ lễ của nước nhỏ đối với nước lớn, luôn tỏ lòng tôn kính thiên triều, nhưng về nguyên tắc kiên quyết bác bỏ những yêu sách nguy hiểm, vô lý. Khi giặc Nguyên xâm phạm bờ cõi, thực hiện chiến tranh xâm lược thì nhà Trần quyết tâm đánh đuổi; nhân nhượng, mềm mỏng nhưng không xóa nhòa nguyên tắc.

Cuộc đấu tranh ngoại giao của nghĩa quân Lam Sơn vận dụng sách lược linh hoạt, biến đổi tùy theo tình hình so sánh tương quan lực lượng, tùy từng đối tượng cụ thể. Tuy nhiên, sách lược linh hoạt đến đâu cũng xoay quanh trục chính là độc lập và chủ quyền dân tộc. Vì vậy, toàn bộ cuộc kháng chiến chống quân Minh về cơ bản là mềm dẻo bên ngoài nhưng giữ vững thực lực và chủ quyền bên trong để đi đến thắng lợi cuối cùng. Nguyễn Trãi tiết lộ rằng: “Trong rèn chiến cụ, ngoài giả thác hòa thân” [110, tr.86].

Nguyễn Huệ ứng xử mềm dẻo với nhà Thanh trên cơ sở bản lĩnh vững vàng, cứng rắn. Ông đã giải quyết thỏa đáng mâu thuẫn giữa hận thù và hợp tác thời hậu chiến, tái xây dựng quan hệ hòa hiếu, xóa bỏ mầm mống của chiến tranh. Nguyễn Huệ một mặt bày tỏ quyết tâm đánh tan quân Thanh, nhưng khi thắng lợi lại nhún nhường, tỏ lòng kính thuận thiên triều. Ông quan niệm: “Người khéo thắng là thắng chỗ mềm dẻo, chứ không phải lấy mạnh đè yếu, lấy nhiều hiếp ít” [54, tr.131].

Tóm lại, kiên định về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược là tri thức quý giá đúc kết từ chính thực tiễn Việt Nam. Xét trên phương diện lý luận, thực tiễn nó

phù hợp với đặc điểm dân tộc, góp phần giúp Việt Nam vươn lên một cách kiên cường. Kế thừa và phát triển truyền thống quý giá của dân tộc trong thế kỷ XX và trên tầm cao mới về mặt tư duy, Hồ Chí Minh xây dựng và thực hành thành công phương pháp ngoại giao “Dĩ bất biến ứng vạn biến”.

Ngoại giao “tâm công”

Ngoại giao “tâm công” được đúc kết từ thực tiễn lịch sử sinh động, góp phần làm giàu văn hóa ngoại giao truyền thống Việt Nam. Ngoại giao “tâm công” thực chất là cách ngoại giao thu phục lòng người bằng chính nghĩa, thuyết phục bằng lẽ phải và đạo lý, chinh phục bằng nhân tình. Đây còn gọi là cách ngoại giao lấy lẽ phải, công lý, chính nghĩa làm cơ sở cho quan hệ với các quốc gia. Điển hình cho kiểu ngoại giao này là Nguyễn Trãi với quan điểm: “Ta mưu đánh vào lòng người, không chiến mà cũng thắng” [110, tr.80], Hưng Đạo Vương - Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Huệ, Quang Trung chủ trương lấy lẽ phải, chính nghĩa và công lý để thuyết phục lòng người, xem “hòa mục là một đạo rất hay cho việc trị nước, hành binh, không bao giờ đòi được” [86, tr.61],...

Việt Nam vốn là quốc gia nhỏ bé, tiềm lực quân sự, kinh tế còn nhiều hạn chế nên gặp vô vàn khó khăn trong quá trình giữ gìn chủ quyền và độc lập dân tộc lại phải đứng cạnh một quốc gia lớn, đất rộng, người đông, nhiều toan tính. Những toan tính ấy thể hiện theo nhiều cách yêu cầu Việt Nam tinh táo nắm bắt để ứng xử cho khéo. Trong điều kiện ấy, ngoại giao “tâm công” phát huy vai trò là kế sách tích cực và đúng đắn, góp phần không nhỏ vào thắng lợi của công cuộc đấu tranh và bảo vệ chủ quyền dân tộc.

Chính nghĩa tự nó là sức mạnh, có tính thuyết phục. Ai nắm trong tay chính nghĩa người đó sở hữu nhiều lợi thế. Bởi tầm quan trọng của chính nghĩa nên tất cả các nước khi tham gia cuộc chiến đều mong muốn giành lẽ phải về phía mình và nhân danh chính nghĩa để phát động chiến tranh.

Cơ sở để Việt Nam thực hiện thành công ngoại giao “tâm công” là do Việt Nam có “một nền ngoại giao chính nghĩa, một nền ngoại giao nhân đạo, một nền ngoại giao hòa bình” [53, tr.280]. Cuộc đấu tranh của Việt Nam là cuộc đấu tranh chống lại các thế lực ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền và độc lập dân tộc. Về

bản chất đó là cuộc đấu tranh chính nghĩa nên nó trở thành lợi thế của Việt Nam. Đặc điểm này tạo nên sự khác biệt về mặt bản chất của ngoại giao Việt Nam so với một số nền ngoại giao khẳng định nhân văn nhưng thực tế chỉ là lời lừa bịp về đạo nghĩa. Mặt khác, cơ sở để thực hiện thành công ngoại giao “tâm công” còn do thể và lực của dân tộc Việt Nam trong những thời điểm cụ thể đã đủ sức thuyết phục buộc phía bên kia phải thay đổi dã tâm xâm lược của mình.

Lực lượng chiến đấu của Việt Nam thời kỳ đầu các cuộc chiến chống quân xâm lược thường mỏng và yếu. Để lực lượng lớn dần lên, mạnh dần lên dân tộc ta buộc phải trải qua một giai đoạn nhất định. Biện pháp phát triển thể và lực phù hợp nhất ở một dân tộc có đặc thù như Việt Nam là áp dụng đường lối nhân nghĩa, biến nhân nghĩa từ một nguyên lý đạo đức giữa người với người thành sức mạnh dân tộc. Chính nghĩa trở thành ngọn cờ tập hợp lực lượng, đoàn kết lòng dân, sức dân và nhân lên gấp bội sức mạnh dân tộc, niềm tin cũng như khát vọng chiến thắng của quy luật, đạo lý.

Từ ngàn xưa, cha ông ta đã coi trọng nhân nghĩa, ưu tiên sử dụng nhân nghĩa. Nó trở thành tri thức ngoại giao của dân tộc. Thế kỷ XIII, sứ giả của vua Trần tên là Đào Tử Kỳ từng bày tỏ: Lý thắng thì thắng, lý công thì thua, không phải lấy lẽ yếu, mạnh mà bàn được [44, tr.18]. Ở thế kỷ XV, trong thư trả lời Phương Chính, viên tướng của quân Minh, Nguyễn Trãi có câu: “Kể đạo làm tướng, lấy nhân nghĩa làm gốc, trí dũng làm của” [110, tr.105], “Phàm mưu việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc, nên công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu” [110, tr.106].

Đi con đường nhân nghĩa tức là tiến hành cùng lúc hai nhiệm vụ: Dùng đường lối nhân nghĩa thuyết phục kẻ thù và dùng nhân nghĩa dụ hàng quân địch, những kẻ theo địch, khi kẻ thù xin hàng, sẵn lòng mở đường hiếu sinh, cốt “dập tắt muôn đời chiến tranh, mở nền thái bình muôn thuở”. Nguyễn Trãi viết:

... lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn

Lấy chí nhân mà thay cường bạo [110, tr.79]

Một trong những điều then chốt của nhân nghĩa là giữ chữ tín. Bất tín đi liền với bất nghĩa. Tín là cầu nối, cơ sở, nền tảng xây dựng quan hệ chân thành

giữa các quốc gia, làm cho bất cứ người nào, dân tộc nào dù chống lại Việt Nam cũng dành cho Việt Nam sự tin cậy nhất định. Họ tin Việt Nam, một dân tộc đã hứa là làm, xem trọng tín nghĩa. Một dân tộc giàu lòng nhân ái, yêu chuộng hòa bình - cội nguồn của lý tưởng nhân nghĩa dân tộc, đứng trên nghĩa lớn giải quyết mọi vấn đề. Người Việt Nam có thể chịu thua kém về vật chất nhưng quyết không chịu thua kém về giá trị con người. Luật sư F.H.Loseby từng nhận xét: dân tộc Việt Nam là “một dân tộc luôn sống có nghĩa, có tình” [84, tr.27].

Cách ứng xử của người Việt Nam nhìn chung tinh tế và khéo léo. Đặc điểm đó thể hiện qua nhiều khía cạnh, từ lời nói đến hành động, cử chỉ, cách chọn quà, tặng quà giao hảo với các quốc gia. Cách ứng xử ngoại giao làm đẹp lòng người được thực hiện bởi những người đi sứ tài năng. Họ là những nhà trí thức, nhà văn hóa lớn biết phát huy văn hóa Việt Nam, sử dụng trí thông minh cũng như tài ứng xử khéo léo của mình để chinh phục lòng người, cảm hóa nhân tâm từ đó góp phần bảo vệ lợi ích dân tộc, thể diện dân tộc và xây đắp các mối quan hệ bang giao.

Từ xa xưa, người Việt Nam đã hiểu rõ những biểu tượng thể hiện tình cảm tôn trọng và sự yêu quý. Ngay từ cách chọn quà, tặng quà phần nào cho thấy nét tinh tế của người Việt. Giá trị truyền tải và khả năng tác động của chúng tới người khác trên nhiều chiều cạnh mà từ ngữ không thể diễn tả hết.

Sách Cương mục Tiền biên của Kim Lý Tường chép rằng: “Năm Mậu Thân thứ năm đời Đường Nghiêu, Việt Thường thị sang châu, dâng con rùa thần” [95, tr.77]. Đường xa cách trở, cố công tìm rùa quý nghìn năm tuổi, trên mai khắc chữ, ghi sự việc từ khi trời đất mới mở làm quà tặng đã thể hiện văn hóa ngoại giao tinh tế của người Việt. Ở Phương Đông từ thời tối cổ luôn xem rùa là biểu tượng của sự trường thọ, vững bền. Món quà này không ngoài chủ ý ngầm chuyển tải mong muốn quan hệ hai nước bền vững đến vạn đời sau. Sử ký (Trung Quốc) chép: “Năm Tân Mão thứ sáu (1110 TCN) đời Thành Vương nhà Chu, phía Nam bộ Giao Chỉ có Việt Thường thị qua ba lần sứ dịch, sang dâng chim trĩ trắng” [95, tr.77], một loài chim quý nhất phương

Nam. Món quà cũng thể hiện ẩn ý của người Việt là mong muốn xây đắp tình hòa hảo với các nước.

Ngoại giao “tâm công” là văn hóa, tri thức, kinh nghiệm ngoại giao dân tộc. Đây là một trong những cơ sở xây dựng nền ngoại giao chính nghĩa thời hiện đại, hình thành văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Khoan dung, hòa bình, hữu nghị

Trong tầm nhìn của nhân loại tiến bộ, khoan dung, hòa bình, hữu nghị được xem là nét đẹp truyền thống của người Việt Nam. Đây không chỉ là sách lược, mà còn là bản chất văn hóa ăn sâu, bám chắc vào tâm hồn, tính cách người Việt Nam một cách tự nhiên. Truyền thống ấy thể hiện sống động, rõ nét trong suốt quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Ở đâu, lúc nào người Việt cũng lấy khoan dung, hòa bình, hữu nghị làm phép đối nhân xử thế của mình. Trong mối quan hệ với các nước lớn, cách ứng xử này càng bộc lộ rõ nét.

Văn hóa ứng xử hòa bình, hữu nghị của người Việt Nam thể hiện trong quan hệ ngoại giao là coi trọng, giữ gìn mối quan hệ thân thiện với các nước. Người Việt Nam luôn tỏ lòng thiện chí. Phương châm ngoại giao được đúc kết: “Láng giềng thân thiện”, “Trong việc trị nước, hòa hiếu với láng giềng là việc lớn” [86, tr.59],... Người Việt Nam luôn gương cao ngọn cờ hòa bình trong cuộc đấu tranh giành độc lập, xây dựng và bảo vệ đất nước. Tác giả Nguyễn Duy Niên nhận xét: “Bản chất nền ngoại giao của nước Việt Nam là hòa bình” [86, tr.131].

Người Việt Nam trọng tình, trọng nghĩa. Họ xem đó là triết lý sống ở đời và làm người, là nguyên tắc ứng xử với nhau: “Một bồ cái lý không bằng một tí cái tình”. Vì trọng tình, người Việt Nam cố gắng tránh lối ứng xử khiếm nhã, làm mất lòng người khác: “Lời nói chẳng mất tiền mua. Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”, “Kim vàng ai nỡ uốn câu. Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời”. Quan hệ duy tình vì thế trở thành phương châm, tính chất giao tiếp ứng xử. Tính chất đó không chỉ bộc lộ trong không gian văn hóa mà còn được bộc lộ qua trục thời gian: “Có trên có dưới”, “Có trước có sau”... ở tất cả mọi mối quan hệ.

Người Việt Nam đặc biệt chú ý tính hài hòa, lấy hài hòa làm nguyên lý cho sự ổn định, phát triển. Triết lý âm dương ảnh hưởng sâu sắc đến thái độ ứng xử, cách thức giao tiếp của người Việt Nam. Người Việt Nam cũng ưa sự tế nhị, ý tứ, nhường nhịn. Họ quan niệm: “Một điều nhịn, chín điều lành” nhằm giữ gìn đoàn kết nhất trí, làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn. Lối ứng xử tế nhị, ý tứ giúp người Việt Nam giữ được sự hòa thuận, được lòng người. Họ chú ý việc giữ gìn hòa thuận trong các mối quan hệ, giữ gìn tình thân với người xung quanh, coi trọng mối quan hệ thân ái và gần gũi với hàng xóm, láng giềng: “Bán anh em xa mua láng giềng gần”. Quan niệm này cũng chi phối tư tưởng người trị quốc. Họ đặc biệt quan tâm xây dựng quan hệ hòa hiếu, thân thiện với các nước láng giềng và xác định đây là yếu tố tác động tích cực đến sự ổn định, phát triển đất nước.

Nền ngoại giao Việt Nam truyền thống là nền ngoại giao thiện chí, sẵn sàng nhân nhượng đôi lấy hòa bình. Đây cũng là điểm nổi bật tạo nên bản sắc ngoại giao Việt Nam. Phương châm ngoại giao thể hiện rõ trong kế sách của các triều đại phong kiến. Thời Lê, Lý, Trần... dù đánh bại kẻ xâm lăng nhưng vẫn giữ gìn khẩu khí ôn hòa, chủ động đặt vấn đề điều đình sớm kết thúc chiến tranh, mở đường rút trong danh dự cho kẻ thù, đồng thời lên kế hoạch bình thường hóa quan hệ, xây dựng tình cảm bang giao. Nguyễn Trãi trong bài “Phú núi Chí Linh” bày tỏ tư tưởng thiện chí của dân tộc ta:

Nghĩ vì kẻ lâu dài của nhà nước,
Tha kẻ hàng mười vạn sĩ binh,
Sửa hòa hiếu cho hai nước,
Tắt muôn đời chiến tranh [110, tr.87].

Đây là phép xử thế của người thắng cuộc, không phải là biểu hiện của kẻ nhút nhát, khiếp sợ nước lớn. Hành động đó mang mục đích duy nhất là vì quyền lợi dân tộc, không phải để thể hiện uy lực của triều đình phong kiến lúc đó. Khoan dung, hòa bình, hữu nghị tạo điều kiện cho sự xuất hiện những nghĩa cử cao đẹp. Đó là kế sách tạo nên sự khác biệt của ngoại giao Việt Nam so với các nước trên thế giới.

Chủ trương khoan dung, hòa bình, hữu nghị của dân tộc ta không chỉ có ý nghĩa hướng ngoại mà còn hướng nội, không chỉ với dân, với nước, phần đầu cho dân chúng đời đời hưởng hạnh phúc, thái bình, mà còn là phương hướng, chiến lược nhìn xa, trông rộng, không chủ quan, tự mãn để chung sống bên cạnh nước lớn, giữ sự yên ổn cho mình cho dù có thời điểm sự yên ổn chỉ trong một chừng mực nhất định. Cách ứng xử thông minh của người Việt Nam với nước ngoài đã được thực tiễn chấp nhận. Bản tính người Việt khoan dung, nhân văn, nhân ái: “Đánh kẻ chạy đi, không đánh người chạy lại”, coi trọng tín nghĩa, thủy chung, luôn mong muốn sống yên lành và ổn định. Việt Nam đứng cạnh nước lớn thường trực tư tưởng bành trướng nên không có lựa chọn nào khác ngoài việc tìm cách cùng chung sống. Việc cùng chung sống một cách hòa bình không đơn giản, nên ứng xử với láng giềng bao giờ cũng được xác định là công việc hệ trọng trong chính sách ngoại giao của mọi triều đại phong kiến Việt Nam.

Khoan dung đi liền với hòa bình, hữu nghị đã trở thành nếp nghĩ, cách sống, giá trị đạo đức truyền thống của người Việt Nam. Nó gắn chặt vận mệnh mỗi người Việt Nam vào vận mệnh của dân tộc. Sau này, giá trị nhân văn của kế sách khoan dung, hòa bình, hữu nghị truyền thống được củng cố thêm khi Hồ Chí Minh tiếp tục bồi đắp tinh hoa văn hóa và tri thức ngoại giao tiến bộ nhân loại.

2.2.2.2. Tinh hoa văn hóa và tri thức ngoại giao nhân loại

Tinh hoa văn hóa và tri thức ngoại giao phương Đông

Một trong những đặc điểm nổi bật ở nhà ngoại giao Hồ Chí Minh là am tường văn hóa phương Đông, thường vận dụng triết lý phương Đông. Điều này phần nào cho thấy tinh hoa văn hóa phương Đông ảnh hưởng mạnh mẽ đến văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Tác giả Vũ Dương Huân chỉ ra: “Lễ, trí, dũng, nhân của cổ nhân thấm vào từng hành động, từng ứng xử ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh” [45, tr.92].

Nói đến tinh hoa văn hóa tri thức ngoại giao phương Đông, trước hết phải kể đến những giá trị văn hóa kết tinh trong giáo lý Nho giáo, Phật giáo,

Đạo giáo. Những giá trị này tham gia với các cấp độ khác nhau vào việc hình thành văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Nhìn chung, hệ thống giáo lý của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo đều chủ trương giáo hóa con người bằng đạo đức, hướng họ đến những giá trị toàn thiện, hài hòa trong mối quan hệ người với người, người với giới tự nhiên. Hồ Chí Minh làm giàu văn hóa ngoại giao từ việc tiếp thu các giá trị khoan dung, vị tha, đề cao thiện tâm của Phật giáo; tư tưởng đại đồng, đường lối đức trị, giáo hóa tính khiêm nhu, ôn hòa của Nho giáo; tư tưởng về Đạo để tìm ra cái bất biến trong cái vạn biến, thuyết vô vi để tìm ra mối quan hệ chặt chẽ giữa cương và nhu trong Đạo giáo; kế sách dùng binh của Tôn Tử để tìm ra phương pháp, nghệ thuật ngoại giao đặc sắc...

Giáo lý Phật giáo đề cao hai thế ứng xử phổ quát là khoan dung và vị tha, đề cao chữ Tâm, chủ trương giữ tâm trong sạch, đề cao tính thiện, tính nhân, lòng nhân ái, bình đẳng, khuyên con người làm điều thiện, tránh điều ác, xử thế hướng tới cái thiện, lấy hòa giải làm tư tưởng chủ đạo, không dùng vũ lực, giải quyết mâu thuẫn bằng đàm phán, hòa bình... Những đặc tính này được Hồ Chí Minh tiếp thu và vận dụng khéo léo trong ứng xử ngoại giao, đường lối đấu tranh ngoại giao và vận động quốc tế. Xét ở góc độ tâm lý, tình cảm, giáo lý của đạo Phật có tác dụng làm đầy thêm bản tính thiện, hành vi đạo đức, lối ứng xử nhân nghĩa, khoan dung, độ lượng, khoan hòa của nhà ngoại giao Hồ Chí Minh. Những đặc tính này góp phần làm nên đặc trưng văn hóa ngoại giao, đồng thời cũng trở thành lợi thế đáng kể của đường lối ngoại giao Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh kế thừa nhiều luận điểm giá trị của Nho giáo như: Tư tưởng “Thiên hạ đại đồng”; “Tứ hải giai huynh đệ”; “Thiên hạ vi nhất gia”; tư tưởng giáo huấn con người hướng tới cái thiện và sự hòa nhập vào cộng đồng nhân loại rộng lớn; chủ trương dùng đức trị vì nền hòa bình thế giới chỉ nảy nở từ một nền đại đồng trong thiên hạ: “Đạo đức lớn được thực hành thì thiên hạ là của chung” [103, tr.76]... Theo tư tưởng Nho giáo, một trong những phương châm, biện pháp thực hiện đường lối đức trị là thận trọng trong mọi công việc và giữ chữ tín. Con người sống phải theo luân lý và trật tự xã hội, phải biết trọng lễ, nghĩa,

trên kính dưới nhường. Đặc điểm này của Nho giáo đóng vai trò bổ sung thêm cho đặc trưng đạo đức vốn đã có trong văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Triết thuyết của Nho giáo đưa ra phạm trù “nhân”, “nhu”. Nhân là đức chính của đạo trời và của loài người, cái bao trùm hết thảy mọi thứ trong vũ trụ. Về phương diện luân lý, nhân là cái đức chung của mọi người đối với nhau cũng gần nghĩa bác ái, nhân đạo. Suy rộng ra, đức nhân tức là đối với ai cũng hết lòng, cái gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác. Nhân đối lập hoàn toàn với vị kỷ, nóng giận, thù ghét, ác độc. Nhân cũng là hòa, là hiếu, dĩ hòa vi quý. Triết lý hòa, tinh thần hòa hợp ở Nho giáo tác động không nhỏ tới việc hình thành đặc trưng khoan hòa, khoan dung trong văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Nho giáo chủ trương giáo hóa con người chữ nhu, đề cao sự khiêm tốn, nhún nhường, hạ mình. Không khó nhận ra trong văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đặc tính khiêm nhu, thắng không kiêu căng, thắng xong lại quan tâm đến việc giữ thể diện cho nước lớn. Đây là nghệ thuật ôn nhu, khôn khéo của Hồ Chí Minh trong xử lý các mối quan hệ ngoại giao, thực hiện chiến thuật “tâm công” trong thời đại mới.

Tư tưởng Nho giáo thể hiện ước mơ, khát vọng mang tính nhân văn của đại đa số nhân dân mong muốn một cuộc sống hòa bình, hữu nghị, hướng tới xây dựng thế giới đại đồng, người với người đều là anh em. Những tư tưởng tiến bộ này là yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa ngoại giao hòa bình, hữu nghị và hợp tác của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh bổ sung vào tư tưởng đại đồng của Nho giáo quan điểm tiến bộ về xây dựng tình cảm anh em, đồng chí, quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc với thái độ ứng xử chân thành, nghĩa tình. Qua lăng kính của Người, tư tưởng Nho giáo càng đầy thêm tính nhân văn, nhân đạo.

Bỏ qua hạn chế của Nho giáo là vẫn cổ súy cho trật tự đẳng cấp và chính danh phận nhưng phải thừa nhận tự bản thân nó đã hàm chứa những tư tưởng tích cực là đề cao tinh thần ái quốc, đề cao nhân nghĩa. Quan điểm tiến bộ này thuận chiều, bổ sung cho giá trị cốt lõi yêu nước, nhân nghĩa thấm đẫm trong văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Khổng Tử trong sách *Luận ngữ* đề cập tới phẩm chất của người làm ngoại giao: Khi đi sứ đến các nước trong bốn phương, đừng làm nhục cái mạng lệnh mà vua giao phó cho mình, hoặc được phái đi sứ đến các nước bốn phương, nhưng tự mình chẳng có tài ứng đối, người ấy dầu học nhiều, nhưng có biết dùng tài học của mình chẳng [86, tr.65]. Những đóng góp quan trọng của Hồ Chí Minh trong vai trò nhà ngoại giao góp phần làm “rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta” [76, tr.627].

Triết lý của Đạo giáo đưa ra tư tưởng về “đạo”, cái bất biến trong vũ trụ, sinh ra vạn vật. Ai biết được đạo sẽ dung hòa được vạn vật, suốt đời không nguy. Tiếp thu quan niệm biện chứng của bậc tiền nhân, Hồ Chí Minh tìm ra giữa muôn vàn cái vạn biến của mỗi quốc gia, dân tộc cái bất biến, cái chung của cả loài người đó là bất cứ dân tộc nào, dù phong tục khác nhau nhưng đều ưa sự lành, ghét sự dữ. Tìm ra điều bất biến ấy là cơ sở để Hồ Chí Minh vận dụng, thực hiện thành công ngoại giao “tâm công”, làm cho Hồ Chí Minh tỏa sáng văn hóa của tình hữu ái toàn nhân loại.

Đạo giáo chủ trương vô vi, tức không tạo tác, không làm gì nhưng chẳng gì không làm được. Dù còn nhiều hạn chế song thuyết vô vi đã tạo ảnh hưởng nhất định tới tư duy của người Việt Nam nói chung và Hồ Chí Minh nói riêng. Chủ thuyết này được áp dụng trong thuật chính trị, ngoại giao là lấy nhu thắng cương, lấy nhược thắng cường, mềm mại thì thắng, cương cường thì thua, ví như người chết thì cứng, gỗ cứng dễ gãy, lạt mềm buộc chặt. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện rõ nét triết lý này.

Lão Tử từng viết trong *Đạo đức kinh*, tại chương 67, ông có ba cái quý là nhân từ, tiết kiệm và không dám xem mình đứng trước thiên hạ. Hồ Chí Minh suốt đời rèn mình theo ba đức tính ấy và rồi trở thành hình tượng cao quý trong tâm trí nhiều người bao gồm cả các chính khách và nhân dân thế giới. Một nhà báo hỏi Tổng thống Chile, Salvador Allende Gossens: “Ba đức tính của những nhà chính trị mà Ngài muốn có và với ai Ngài sẽ lấy làm gương?”. Tổng thống trả lời: “Tính liêm khiết, lòng nhân đạo và đức khiêm tốn tuyệt vời của Hồ Chí Minh” [98, tr.57].

Hồ Chí Minh quan tâm nghiên cứu phép dùng binh của Tôn Tử, nhà quân sự danh tiếng nhất Trung Quốc thời Xuân Thu. Kế sách của Tôn Tử được Hồ Chí Minh đánh giá: “Chẳng những dùng về quân sự đúng, mà dùng về chính trị cũng rất hay” [67, tr.557]. Trên cơ sở nghiên cứu, Hồ Chí Minh vận dụng nhuần nhuyễn trong lĩnh vực ngoại giao góp phần tạo nên phương pháp, nghệ thuật ngoại giao đặc sắc: “Dùng binh giỏi nhất, là đánh bằng mưu. Thứ hai là đánh bằng ngoại giao. Thứ ba mới là đánh bằng binh. Vây thành mà đánh là kém nhất” [67, tr.562]; “Chưa biết mưu mô của các nước, thì không thể ngoại giao” [67, tr.571]; “Ngoại giao ai thuận lợi hơn, thì thắng” [67, tr.557]...

Tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn về coi trọng mục tiêu đấu tranh sao cho dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc, đặt quyền lợi quốc gia lên trên hết và trước hết, phương pháp tìm kiếm bạn đồng minh trong và ngoài nước, chính sách “liên Nga, liên Cộng, phù trợ công nông”... cũng cần được nhìn nhận với tư cách là yếu tố có ảnh hưởng, tác động nhất định đến việc hình thành văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Tinh hoa văn hóa và tri thức ngoại giao phương Tây

Tinh hoa văn hóa, tri thức ngoại giao phương Tây bổ sung cho Hồ Chí Minh lối tư duy, ứng xử ngoại giao dựa trên lý trí cùng khả năng phân tích, lập luận chặt chẽ vấn đề, đặc biệt thế giới quan khoa học và phương pháp biện chứng.

Thời gian bốn ba tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh tiếp cận với những dòng tư tưởng tiến bộ vào bậc nhất lúc bấy giờ. Đó là những tư tưởng thể hiện trong bản *Tuyên ngôn độc lập*, *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của nước Pháp, Mỹ; tư tưởng tiến bộ của các nhà khai sáng Pháp như Rousseau, Montesquieu, Voltaire... những người khởi xướng các thuyết nhân quyền, dân quyền, tự do, bình đẳng, bác ái; đặc biệt lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin với nhiều luận điểm bàn về quan hệ quốc tế mới. Những tư tưởng này đóng vai quan trọng hình thành văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở đặc biệt đối với việc hình thành văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, cung cấp cho Hồ Chí Minh thế giới quan, phương pháp luận khoa học. Đây là công cụ sắc bén giúp Hồ Chí Minh tiếp thu tinh hoa văn

hóa nhân loại, tri thức ngoại giao thế giới. Trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh được thăng hoa, phát triển về chất, làm cho Hồ Chí Minh không dừng lại là nhà ngoại giao thuần túy mà vượt lên là nhà tư tưởng, người kiến trúc sư tài ba của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng và các nguyên tắc nhận thức biện chứng cho Hồ Chí Minh cái nhìn toàn diện, đúng đắn các vấn đề quan hệ quốc tế, nhờ đó tìm ra kế sách ứng xử cũng như phương cách ngoại giao thích hợp, giải quyết thành công nhiều vấn đề quan hệ quốc tế.

Ngoài tư tưởng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và thắng lợi Cách mạng Tháng Mười Nga, chính sách đối ngoại của Nhà nước Xô Viết cũng tác động trực tiếp đến việc hình thành văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Sự tác động đó bắt nguồn từ tính cách mạng, khoa học của tư tưởng, mục tiêu cao cả của cuộc cách mạng và giá trị ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ quốc tế mà tính chất hoàn toàn khác biệt với quan hệ quốc tế thời kỳ trước. Một nền ngoại giao chưa từng có trong lịch sử được khai sinh. Đó là nền ngoại giao tuân thủ các nguyên tắc hòa bình, hữu nghị, công bằng và bình đẳng cho tất cả các quốc gia không phân biệt chế độ chính trị xã hội. Nền ngoại giao kiên quyết chống lại chiến tranh xâm lược, chiến tranh đế quốc, đánh bại mọi ý đồ can thiệp, lật đổ của các nước đế quốc. Nền ngoại giao ủng hộ cuộc đấu tranh của các dân tộc vì hòa bình, dân sinh, dân chủ, độc lập tự do, kiên trì phấn đấu cho những nguyên tắc dân chủ tiến bộ trong quan hệ quốc tế. Chung sống hòa bình được xác định là nguyên tắc cơ bản để xử lý quan hệ quốc tế trong thời kỳ quá độ.

Những quan điểm trên và bài học kinh nghiệm từ Nhà nước Xô Viết trở thành nền tảng, hình thành văn hóa ngoại giao hòa bình, hữu nghị của Hồ Chí Minh. Các yếu tố đó tạo điều kiện cho Hồ Chí Minh nâng tinh thần khoan dung, hòa bình, hữu nghị thành tinh thần kết quốc tế, nhân ái với toàn nhân loại trong bối cảnh mới, lấy thiện chí hòa bình giải quyết mọi bất đồng. Tư

tưởng nhân văn Hồ Chí Minh vì thế được nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới đón nhận và cổ vũ nhiệt tình.

Nói đến cơ sở hình thành văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không thể không nhắc tới những tư tưởng tiến bộ của Kito giáo như tư tưởng khoan dung, khoan thứ đối với mọi người kể cả kẻ thù và những lực lượng có thiên hướng chính trị khác mình. Nhiều nội dung mang tính đề xướng, thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại, thể hiện sự khao khát vươn tới tự do và công bằng xã hội, khát vọng về một xã hội hòa bình, tuyên truyền cho sự bình đẳng, bác ái, giáo dục con người hướng đến những điều thánh thiện của Kito giáo biểu hiện trong văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh góp phần tạo nên sắc màu văn hóa ngoại giao của Người.

Từ các nội dung trên chỉ ra, Hồ Chí Minh sau khi trang bị cho mình hành trang vững chắc là vốn văn hóa và tri thức, kinh nghiệm ngoại giao dân tộc đã vươn ra thâm thúy tinh hoa văn hóa, tri thức ngoại giao thế giới. Người tạo nên một dạng văn hóa ngoại giao mới đủ sức làm nên kỳ tích cho ngoại giao Việt Nam trong thế kỷ XX. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh hòa quyện nhuần nhuyễn văn hóa, tri thức ngoại giao Đông, Tây, kết hợp chặt chẽ, hài hòa cái lý, cái tình, quan niệm duy cảm phương Đông với thế giới quan, phương pháp luận mác xít.

Có ý kiến cho rằng, người ta không thể vĩ đại khi chỉ đứng ở riêng một cực Đông hay Tây mà phải nối liền hai cực và lấp đầy khoảng giữa. Lấy đó làm lăng kính đánh giá thì Hồ Chí Minh đúng là nhân vật vĩ đại. Thừa hưởng đặc tính thế giới quan phức hợp của dân tộc Việt Nam, với Hồ Chí Minh, “Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt, ta học lấy” [98, tr.37]. Vì thế, đứng vững trên nền văn hóa dân tộc và vốn trí tuệ uyên bác, Hồ Chí Minh hấp thụ, dung hòa nhuần nhuyễn những giá trị tích cực vốn đầy khác biệt của văn hóa ngoại giao Đông, Tây vào một chỉnh thể thống nhất trong diện mạo mới.

Mặc dù xuất hiện một số giá trị, văn hóa ngoại giao khác lạ, thậm chí trái ngược với truyền thống nhưng bằng cách tiết chế đúng đắn và qua lăng kính chủ quan, nhà ngoại giao yêu nước tài năng Hồ Chí Minh đã tiếp biến tinh

hoa văn hóa, tri thức ngoại giao thế giới tạo nên tính nhân loại trong văn hóa ngoại giao hiện đại nhưng không làm nó biến dạng, mất đi bản sắc dân tộc. Vì thế rất đúng khi người ta nhận định: “Hồ Chí Minh mang phong cách hiện đại của phương Tây nhưng lại ẩn chứa bên trong con người mình khí chất phương Đông” [65, tr.49]. Sự tiếp biến đem đến cho văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không chỉ đạt chiều sâu giá trị mà cả biên độ rộng lớn mang tầm vóc quốc tế. Tư duy Hồ Chí Minh rõ ràng có sự gặp gỡ với quan điểm của M.Gandhi: “Tôi không muốn ngôi nhà của tôi bị những bức tường bao quanh bốn phía và các cửa sổ bị đóng kín. Tôi muốn làn gió văn hóa của tất cả các xứ sở thổi tới nhà tôi một cách tự do nhất. Song, tôi không cho phép bất kỳ luồng gió nào đánh bật tôi ra khỏi chỗ đứng của mình” [14, tr.125].

Cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn chỉ là điều kiện cần, còn điều kiện đủ để hình thành văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là các nhân tố thuộc về chủ quan của Người.

2.2.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh

Nhân cách văn hóa

Hồ Chí Minh có tư chất thông minh. Ngay từ nhỏ, Người đã được nuôi dưỡng, giáo dục trong môi trường văn hóa gia đình và thực tiễn đầy biến động của dân tộc, thời đại, từ đó giúp Người sớm tiếp cận văn hóa dân tộc ở tầng sâu giá trị. Quá trình hoạt động cách mạng sôi nổi sau này tiếp tục rèn rũa, tôi luyện giúp nhân cách Hồ Chí Minh hoàn thiện, trở thành đại diện cho nhân cách dân tộc Việt Nam.

Nhân cách văn hóa Hồ Chí Minh thể hiện đa dạng, đa diện và nhất quán qua tư tưởng, hành động. Biểu hiện nhân cách văn hóa Hồ Chí Minh trước hết ở lòng thương yêu con người, coi trọng việc nghĩa. Yêu thương con người, Hồ Chí Minh không chỉ kính trọng, tin tưởng, tìm cách phát huy nhân tố con người và khơi dậy ở con người lòng hướng thiện mà còn tự nguyện dấn thân vào sự nghiệp đấu tranh vì hạnh phúc con người.

Hồ Chí Minh bao giờ cũng đặt con người ở vị trí trung tâm của mọi suy tư và hành động. Hồ Chí Minh yêu thương con người chân thành, không giới hạn.

Ở Người tình nghĩa đồng bào, anh em, đồng chí, năm châu bốn biển một nhà thể hiện sống động, nhiệt thành. Yêu thương con người quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của Hồ Chí Minh trước con người. Người ưu tiên đặt cuộc chiến đấu vì nhân phẩm và tự do cho mỗi người, mỗi dân tộc lên trên tất cả mọi cuộc chiến đấu khác. Người quan tâm mang tới cơm ăn, nước uống cho những ai đói khát, mang lại nhân phẩm cho những ai nghèo khổ và đứng ra bênh vực những ai yếu hèn. Tôn trọng, thương yêu con người vô bờ bến là tín hiệu đạo đức mang tính nhân loại trong văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh là nhà cách mạng chân chính, có lòng nhân đạo và tinh thần quốc tế trong sáng. Ở Hồ Chí Minh không có chỗ cho sự nhỏ nhen và ích kỷ. Người luôn khắc sâu trong tâm trí và thực hiện suốt cuộc đời mình nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc. Người hăng hái tham gia phong trào đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa nhưng luôn thể hiện là “Một người bạn tốt, dịu dàng, đáng mến, lo xa, yêu thương đồng đội, chịu khó giúp đỡ người khác” [22, tr.227]. Một nhà báo Pháp cho rằng tâm hồn và trái tim Hồ Chí Minh đã chứa đựng một ý chí kiên quyết, một tư tưởng mãnh liệt, một mục tiêu làm nức lòng người, thì không có thử thách nào Người không dám vượt qua, không có hy sinh nào Người không dám chịu đựng [22, tr.222].

Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ khó khăn với tâm thế sẵn sàng, nghị lực phi thường hun đúc từ tâm hồn, trí tuệ, niềm tin cháy bỏng về sự thắng lợi tất yếu của sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa. Tất cả mọi hoạt động của Hồ Chí Minh cuối cùng cũng chỉ nhằm mục đích duy nhất là vì nước, vì dân và sự tiến bộ của nhân loại. Mục tiêu chính trị Hồ Chí Minh theo đuổi mang đậm tính nhân văn cao cả.

Phẩm chất làm nên nhân cách Hồ Chí Minh thể hiện ở sự giản dị, mộc mạc, chân thành, khiêm tốn và tận tụy nhưng vẫn toát lên vẻ tao nhã, cao quý. Đức tính ấy biểu lộ cả khi Hồ Chí Minh đã trở thành người quan trọng, có địa vị và uy tín lớn. Vinh quang tột cùng, nhưng Hồ Chí Minh mãi mãi giản dị. Với bất cứ ai, kể cả với bạn bè quốc tế, Hồ Chí Minh đều nghĩa tình, thủy chung.

Tất cả đều chân thật không gọn chút giả tạo. Nó trở thành phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh mang đạo đức thanh cao, lòng nhân đạo theo nghĩa đầy đủ nhất. Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức mới, chứa đựng tính nhân văn, cách mạng. Đạo đức ấy làm nền cho tài năng xuất chúng, gắn liền với chí hướng chính trị vì nước, vì dân. Biểu hiện cụ thể của đạo đức Hồ Chí Minh là việc gì có lợi cho dân thì hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì hết sức tránh. Sự xuất hiện của Hồ Chí Minh bao giờ cũng đem đến những ý nghĩa tốt lành và bầu không khí thân thiện. Thủ tướng Bidault đánh giá xuất hiện của Hồ Chí Minh tại Pháp năm 1946 chứa đựng ý nghĩa cao đẹp, đó là cái đảm bảo quý báu cho sự sáng tạo mới mẻ và nhân đạo, làm cho tình thân thiện giữa hai nước Việt Nam và Pháp khăng khít lại [22, tr.81].

Hồ Chí Minh có trí tuệ mẫn tiệp, ham học hỏi, cầu tiến bộ, sớm trang bị cho mình vốn hiểu biết rộng lớn. Một con người được đánh giá: “Tĩnh như núi, động như biển, nắm vững nghệ thuật của điều có thể và không ngừng mở rộng giới hạn của điều có thể”, biết rõ “mình muốn gì và đi đến đâu, biết tránh thác ghềnh, biết thắng quân địch” [4, tr.15]. Người được ví “như cây dương lộc, nghị lực có thừa, dày công học hỏi, lý thuyết tinh thông...” [55, tr.349-356]. Trí tuệ uyên bác là điều kiện quan trọng hàng đầu để Hồ Chí Minh trở thành người dẫn đường, nhà chính trị, nhà ngoại giao tầm cỡ quốc tế.

Ngoại giao vốn là nghệ thuật, nghệ thuật của những tài năng. Nếu không có trí tuệ, tài năng xuất chúng, Hồ Chí Minh không thể phân tích, lập luận vấn đề, nhận thức rõ sự vật, sự việc từ đó đưa ra những quyết định chính xác không thể khác hơn vào thời điểm quan trọng. Hồ Chí Minh chất lọc tinh hoa dân tộc, khổ công học tập, chiếm lĩnh tri thức nhân loại. Bằng tư duy độc lập, sáng tạo, Người đi từ tầm cao văn hóa dân tộc chinh phục văn hóa nhân loại, sau đó quay lại loại bỏ yếu tố lạc hậu, bổ sung, nâng tầm văn hóa dân tộc lên một bậc giá trị mới, phù hợp với thời đại. Nói về Hồ Chí Minh, chủ nhiệm Câu lạc bộ Faubourg ở Pháp thừa nhận: “Ngay những người thù địch với ông cũng không ai không thán phục trí thông minh, tài năng và sự thành thực của ông” [98, tr.69].

Năng lực đặc biệt

Hồ Chí Minh không chỉ sở hữu nhiều năng lực vượt trội so với người khác mà còn luôn khổ công học tập, rèn luyện, bổ sung vốn tri thức. Việc kết hợp đồng thời hai yếu tố này giúp những năng lực bẩm sinh, vốn có ngày càng hoàn thiện và phát huy mạnh mẽ lợi thế của mình. Năng lực đặc biệt tạo nên lợi thế trong ngoại giao của Hồ Chí Minh, góp phần đáng kể làm nên nét khác biệt độc đáo của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh

Năng lực đặc biệt không phải ai cũng có, và chỉ những người dày công học hỏi, rèn luyện vất vả, nghiêm túc mới đạt được. Năng lực đặc biệt sẽ mất đi nếu không biết sử dụng hoặc tìm cách bồi đắp, bổ sung, tiếp nguồn sống liên tục cho nó. Tinh tế, nhạy bén và tư duy thông tuệ, khả năng hoạt động thực tiễn, hấp dẫn người khác là một số nhân tố thể hiện năng lực đặc biệt của Hồ Chí Minh.

Năng lực đặc biệt của Hồ Chí Minh trước hết là năng lực tư duy, năng lực hoạt động thực tiễn của Người. Năng lực tư duy Hồ Chí Minh thể hiện ở sự độc lập, sáng tạo trong suy nghĩ, biết phân tích, đánh giá tình hình từ đó rút ra cái bản chất cốt lõi của sự vật, sự việc. Trên cơ sở kết quả phân tích, Người có những dự báo góp phần giải quyết đúng đắn nhiều vấn đề ngoại giao quan trọng. Năng lực thực tiễn biểu hiện qua việc Hồ Chí Minh luôn bám sát thực tiễn, phát hiện vấn đề và chọn lựa cách giải quyết phù hợp. Nội dung này sẽ được làm rõ hơn ở chương sau.

Hồ Chí Minh rất tinh tế. Đây là lợi thế của Hồ Chí Minh trong hoạt động ngoại giao. Sự tinh tế ở Hồ Chí Minh một phần do bẩm sinh, phần lớn do quá trình học hỏi, quan sát, trải nghiệm mà hình thành, hoàn thiện và phát triển. Năng lực này được sự hỗ trợ của nhân cách văn hóa và trí tuệ xuất chúng đã thể hiện xuất sắc khả năng kì diệu của mình, góp phần không nhỏ hình thành văn hóa ngoại giao đặc sắc Hồ Chí Minh.

Tinh tế ở Hồ Chí Minh được hiểu theo nghĩa tích cực, tức là khả năng quan sát, nắm bắt các thông tin dù rất nhỏ để đưa ra những phản ứng chính xác, phù hợp trong quá trình ngoại giao. Sự tinh tế của Hồ Chí Minh thể hiện qua tư

tưởng, hành động ứng xử ngoại giao. Tinh tế ở Hồ Chí Minh thể hiện qua khả năng thấu cảm kể cả những điều nhỏ bé như tâm lý, sở thích, thói quen, nhu cầu, thị hiếu... của người khác và biết đặt mình vào họ để nhìn nhận và giải quyết vấn đề. Tinh tế để phân tích, giải mã nhanh vấn đề, tìm ra cái đẹp, cái đáng trân quý của người tiếp xúc từ đó có hành vi ứng xử ngoại giao văn hóa. Tinh tế Hồ Chí Minh đem lại cảm giác ấm áp, an toàn, tin cậy cho những người khác, tạo nên bầu không khí đỡ căng thẳng cho các cuộc tiếp xúc ngoại giao.

Nhờ tinh tế, mẫn cảm tuyệt vời kết hợp cùng sự ứng biến mau lẹ, Hồ Chí Minh giải quyết thành công nhiệm vụ ngoại giao, thậm chí thoát được nhiều mối nguy hiểm đối với tính mạng và vận mệnh dân tộc. Người vừa gây ấn tượng mạnh mẽ, vừa chiếm giữ tình cảm yêu quý của nhiều người khi tiếp xúc.

Hồ Chí Minh có tư tưởng khoan dung, nhân văn cao cả, đồng cảm trước số phận mỗi con người khổ đau. Người luôn ý thức làm chủ tình thế, lựa chọn các cơ hội nhằm đạt mục tiêu vì lợi ích dân tộc và nhân loại. Đạo đức, trí tuệ, phong cách Hồ Chí Minh bao giờ cũng hấp dẫn, cuốn hút, cảm hóa và quy tụ lòng người.

Nhìn chung, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh vừa chứa đựng nhân tố bản địa có nguồn gốc nội sinh (đó là tinh hoa văn hóa, truyền thống văn hóa ngoại giao dân tộc), vừa chứa đựng nhân tố ngoại nhập có nguồn gốc ngoại sinh (đó là tinh hoa văn hóa, tri thức ngoại giao Đông phương và Tây phương). Sự dung hòa, hợp nhất cái đa dạng trong một chỉnh thể tạo nên sắc thái văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Nghiên cứu cơ sở hình thành để chỉ ra yếu tố nội sinh và yếu tố ngoại sinh trong chỉnh thể văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chỉ mang tính tương đối, vì trong quá trình tiếp nhận, Hồ Chí Minh đã gắn kết các yếu tố với nhau tạo nên hệ giá trị mới mang dấu ấn cá nhân của mình.

Tiểu kết chương 2

Các khái niệm văn hóa, ngoại giao, văn hóa ngoại giao, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh được xây dựng, tạo cơ sở cho tiếp cận, triển khai nghiên cứu văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đảm bảo tính hệ thống và tính logic.

Khái niệm văn hóa ngoại giao luận án đề cập tới là văn hóa trong ngoại giao bao gồm những giá trị cốt lõi kết tinh trong ngoại giao đã được thừa nhận. Ngoại giao hiểu theo nghĩa là công cụ hòa bình thực hiện chính sách đối ngoại của quốc gia, là sự giao thiệp với người ngoài, nước ngoài nhằm bảo vệ quyền lợi dân tộc, góp phần giải quyết những vấn đề quốc tế chung. Ngoại giao gắn liền với lợi ích quốc gia và thể chế chính trị đại diện cho lợi ích của quốc gia.

Văn hóa ngoại giao là tổng thể các giá trị văn hóa mang bản sắc dân tộc thể hiện qua tư tưởng, phương pháp, phong cách, nghệ thuật ngoại giao của chủ thể làm công tác ngoại giao với các đối tượng ngoại giao, được thực hiện trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh được tiếp cận theo góc độ giá trị. Theo đó văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là sự kết tinh các giá trị văn hóa và truyền thống ngoại giao dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa và kinh nghiệm ngoại giao thế giới trên một cơ sở thực tiễn Việt Nam và thế giới ở thế kỷ XX, thể hiện qua tư tưởng, phương pháp, phong cách, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh; văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh có ý nghĩa soi đường, định hướng cho sự phát triển của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh hình thành trên cơ sở nhân tố khách quan và chủ quan. Hồ Chí Minh đã chắt lọc trong truyền thống những nhân tố tích cực, khơi dậy sức mạnh tiềm năng của nó, đồng thời sử dụng truyền thống làm chỗ dựa tiếp thu tinh hoa văn hóa, tri thức ngoại giao nhân loại. Việc kế thừa, bổ sung và phát triển đã làm cho văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không đứt đoạn với quá khứ, xa lạ với dân tộc, lạc lõng trước thế giới, vừa mới mẻ, vừa thân quen, rất tinh tế, uyên thâm nhưng vô cùng gần gũi, dễ hiểu. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh mang đặc trưng và giá trị riêng của mình. Nội dung này sẽ được triển khai tại Chương 3 của luận án.

Chương 3

ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN

VÀ GIÁ TRỊ VĂN HÓA NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH

3.1. ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA VĂN HÓA NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH

3.1.1. Các giá trị chân, thiện, mỹ kết tụ và tỏa sáng trong tư tưởng, phương pháp, phong cách, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh

Chân, thiện, mỹ là những giá trị chung nhất, vĩnh hằng nhất biểu trưng cho điều tốt đẹp trong đời sống tinh thần của nhân loại. Các giá trị này tạo nên sự hoàn mỹ cho cuộc sống của con người và xã hội loài người. Từ xưa đến nay, dù ở những nền văn hóa khác nhau nhưng lý tưởng, mục đích cũng như khát vọng chung của loài người đều hướng đến các giá trị đó. Vấn đề khác nhau chỉ ở chỗ, hệ giá trị phổ quát này được các dân tộc, giai tầng xã hội, nhóm người, thậm chí từng cá nhân cụ thể hóa và vận hành nó như thế nào trong thời gian và không gian cụ thể.

Chân, thiện, mỹ là nội dung cốt lõi, xuyên suốt văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đồng thời cũng là linh hồn, đặc trưng quan trọng của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Các giá trị chân, thiện, mỹ trong văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh tác động đến cách đánh giá, tình cảm, thái độ của nhiều nhà lãnh đạo, chính khách và nhân dân khắp nơi trên thế giới về Hồ Chí Minh và dân tộc mà Người đại diện. Cũng bởi giá trị này cho nên về mặt lập trường chính trị, Hồ Chí Minh có thể bị xem là kẻ thù lâu năm của phe đối lập, nhưng mãi mãi được nhân loại ca ngợi như bậc thánh nhân, một trong những con người đáng kính nhất.

Chân hiểu theo nghĩa chân thật, chân thành, chân lý. Chân đối lập với cái giả dối, sự khiên cưỡng. Giá trị nổi bật nhất của chân là cái đúng và cái thật. Nói đến giá trị chân trong văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là nói đến sự chân thành. Chân thành toát lên qua khí chất, thần thái ung dung, điềm đạm. Mọi hành động, ứng xử của Hồ Chí Minh bao giờ cũng xuất phát từ lương tâm, lẽ phải cùng thái độ rất mực chân thành, trung thực với người và với việc.

Hồ Chí Minh lấy chân thành xây dựng mối quan hệ bang giao, dùng tấm lòng chân thành, hữu nghị đối đãi với mọi người. Mục tiêu lý tưởng mà Hồ Chí Minh theo đuổi cùng sự chân thành nồng nhiệt khiến người khác trân trọng, không tiếc lời ca ngợi. R.Dipet, một người Mỹ nói: “Những ai muốn biết thế nào là một người chân chính, đâu là vẻ đẹp của thế giới, đâu là thắng lợi của ý tưởng trên trái đất này, đâu là mùa xuân, thì phải tìm hiểu cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tìm hiểu cuộc sống mẫu mực của người anh hùng này của thời đại chúng ta” [30, tr.290]. Tờ tạp chí Mỹ “*Những người bạn Mỹ*” cũng viết: “Cả bạn bè lẫn kẻ thù đều phải công nhận rằng Người là một nhân vật xuất chúng đã quên mình, đã hiến dâng cả cuộc đời mình cho sự nghiệp độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đức độ, liêm khiết và lòng trung thành tận tụy của Người được nhân dân thế giới khâm phục và kính trọng” [30, tr.292]. Đó không phải sáo ngôn, đó là sự thừa nhận thành thực.

Tìm hiểu thêm mối quan hệ giữa Hồ Chí Minh với A.Patti, trưởng phòng Đông Dương thuộc cơ quan tình báo chiến lược OSS ở Hoa Nam, sau này làm việc tại Bộ Quốc phòng Mỹ và cuối cùng là Văn phòng Tư pháp của Tổng thống Mỹ thêm phần xác nhận tính chính xác của những lời nhận xét trên. A.Patti cho biết, ông có ấn tượng sâu sắc về một con người mảnh khảnh, nhỏ bé đến kỳ lạ qua những cuộc gặp gỡ và trao đổi thư từ. Ông nhớ một cuộc gặp quan trọng mà ông không thể ngờ đó là vinh dự trở thành người nước ngoài đầu tiên được nghe bản dự thảo *Tuyên ngôn Độc lập* của Việt Nam trước ngày Lễ Độc lập tại Hà Nội. Ông trải qua rất nhiều cung bậc cảm xúc chỉ trong quãng thời gian ngắn kể từ khi đến thăm Hồ Chí Minh ở 48 Hàng Ngang - Hà Nội và nghe Người đọc bản dự thảo *Tuyên ngôn Độc lập*. Lý do chính ông tiết lộ trong cuốn “*Tại sao Việt Nam*”: Bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập* cần phải làm xong gấp, Hồ Chí Minh bày tỏ mong muốn thật sự được nghe những ý kiến khác nhau đặc biệt của người đến từ nơi sinh ra bản *Tuyên ngôn độc lập* nước Mỹ. Ở Hồ Chí Minh, khát vọng và tranh đấu vì mục tiêu to lớn là độc lập, tự do và hạnh phúc cho dân tộc, nhưng tất cả lại được truyền đạt bởi thái độ nhã nhặn và ngôn từ rất nhẹ nhàng.

Quan điểm, hành động xuất phát từ sự chân thành Hồ Chí Minh giúp viên sĩ quan tình báo Mỹ A.Patti nhận ra một điều lớn lao mà ông giữ trọn cuộc đời của mình đó là tình hữu nghị cần có giữa hai dân tộc Việt Nam và Mỹ. A.Patti cho biết, ông đặc biệt và mãi mãi dành trọn vẹn cảm tình, lòng khâm phục của mình cho người mà ông đã từng quen biết với hình ảnh ban đầu gặp mặt tới lúc chia tay lần cuối (năm 1945) vẫn là: “Một dáng người mảnh mai nhưng bất khuất”. Chân thành Hồ Chí Minh tự bản thân nó tạo nên sức mạnh to lớn. Giannet Vécmet Tôrê cũng nhận xét: “Sự chân thành, sự thẳng thắn, sự trong sạch và lòng tin ở phong trào giải phóng dân tộc, ở chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là sức mạnh của Người” [26, tr.94].

Chân thành ở Hồ Chí Minh tuyệt nhiên không phải thủ đoạn chính trị nhằm đạt mục đích ngoại giao. Đó là cách ứng xử ngoại giao xuất phát từ lòng thành, từ lương tâm, trí tuệ của một người có đạo đức thanh cao, tài năng xuất chúng, hành động hợp đạo lý. Chân thành ở Hồ Chí Minh trái ngược với chân thành giả hiệu vì ý đồ chính trị chỉ xuất hiện tạm thời tại một thời điểm và bối cảnh nào đó. Trong nhiều hoàn cảnh ngoại giao thuận lợi, có thể tính toán lấy lợi cho mình, Hồ Chí Minh vẫn luôn chân thành, chân tình theo cách của một nhân cách lớn.

Cơ sở và căn cứ cho sự chân thành của Hồ Chí Minh xuất phát từ quan điểm đấu tranh vì chiến thắng của chân lý, bác bỏ cái phản khoa học, giả đạo đức, hướng đến những giá trị nhân bản nhất của con người. Amin từng nói về Hồ Chí Minh trong báo Nam Yemen rằng: “Người trung thực với chính bản thân mình và cả thế giới” [60, tr.99]. N.S Khrushchev Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Liên Xô kể lại ấn tượng lần đầu tiên gặp Hồ Chí Minh khi Người đến thăm ngoại giao Liên Xô năm 1950. Ông biết nhiều người trong cuộc đời hoạt động chính trị của mình, nhưng không người nào gây cho ông ấn tượng đặc biệt như Hồ Chí Minh. Ông nói, Hồ Chí Minh đúng là: “Một vị thánh của cách mạng. Trong cách nhìn của ông, tôi không bao giờ quên cái ánh sáng trong lành và chân thành đó. Sự chân thành đó là sự chân thành của một người cộng

sản kiên định, và sự trong sáng đó là sự trong sáng của một người hoàn toàn hy sinh cho sự nghiệp trong nguyên tắc cũng như trong hành động” [26, tr.58].

Trong ngoại giao, hầu hết các bên đều muốn đạt mục đích của mình, cho dù những mục đích ấy trái ngược, thậm chí mâu thuẫn nhau, đặc biệt đều mong muốn bên kia đối xử chân thành với mình. Người ta thường tìm kiếm những giá trị, lợi ích mà phía bên kia có thể đáp ứng. Việc được đáp ứng tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động ngoại giao diễn ra suôn sẻ. Hồ Chí Minh không phải trường hợp ngoại lệ của những mong muốn đó. Tuy nhiên, thay vì chờ đợi thụ động, Người đã chủ động đối xử chân thành với bên kia, nỗ lực tìm kiếm những giá trị tích cực tương đồng để hướng tới kết quả ngoại giao tốt đẹp. Hồ Chí Minh hoàn toàn không cố tỏ ra chân thành, tất cả đều xuất phát từ trái tim nồng hậu, tâm hồn nhân ái.

Chân thành Hồ Chí Minh nuôi dưỡng tình cảm và chiếm được lòng kính trọng của người khác. W.Shaw, viên phi công Mỹ rất ngạc nhiên và xúc động thời điểm gặp Hồ Chí Minh - một ông già gầy guộc, mặc áo chàm có đôi mắt sáng, am hiểu phong tục nước Mỹ, nói thành thạo tiếng Anh, đối xử với anh ta bằng một tấm lòng nhân hậu hiếm thấy. Anh ta ngỡ ngàng khi được giúp đỡ. Đáp lại, ông già khẳng khái bày tỏ: “Chúng tôi cư xử với anh như thế này là thể hiện những cam kết thiện chí chứ không phải dùng anh vào mục đích kiếm lợi” [9, tr.19]. Sau này có dịp nói về Hồ Chí Minh, viên phi công vẫn không nén nổi xúc động, thốt lên: Hồ Chí Minh - “đây là một ông tiên trong thần thoại châu Á” [51, tr.19].

Thiện vốn là đạo đức tốt đẹp nhất của con người. Nó là đặc trưng của tính người và tình người, nói đúng hơn là bản chất của đạo đức. Nếu thông minh là loại thiên phú, thì tính thiện là sự lựa chọn. Không có cái thiện, không có đạo đức hoặc chỉ là đạo đức giả. Thiện là cái tốt lành, đối lập với ác, cũng như cái tốt đối lập với cái xấu. Thiện là cái được ngưỡng mộ, yêu quý, trân trọng, thừa nhận. Thiện là điểm chung đồng thời cũng là cái đích hướng tới của loài người dưới những hình thức khác nhau cho dù cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác luôn luôn tồn tại và cái thiện không phải bao giờ cũng thắng. Thiện dù không

khiến con người đạt được tất cả mọi mong muốn, nhưng sẽ giúp con người có một nội tâm an định. Định hướng giá trị vào cái thiện giúp con người có khả năng vươn tới cái cao cả, nảy nở lòng nhân ái, từ đó mà có thái độ khoan dung, độ lượng trong ứng xử với nhau.

Tính thiện, việc làm thiện cùng tồn tại trong con người Hồ Chí Minh. Biểu hiện tập trung nhất cái thiện của Hồ Chí Minh là cái tốt, sự tử tế, tình cảm vị tha, lòng nhân ái, nhân hậu, tình thương yêu con người và đồng loại. Hồ Chí Minh quan niệm, thiện “là làm đúng chính sách của Đảng, phục vụ quyền lợi đại đa số nhân dân (công nông), thực hành cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, để lợi ích cách mạng, nhân dân lên trên hết, trước hết; trái lại là cái ác” [71, tr.113] nên cả cuộc đời Người kiên trì mục tiêu đấu tranh vì độc lập dân tộc, hạnh phúc nhân dân, hòa bình cho toàn nhân loại. Đây là mong muốn và lựa chọn không bao giờ thay đổi của Hồ Chí Minh. Mục tiêu chính trị này xét đến cùng là mục tiêu văn hóa, kết tinh các giá trị văn hóa, là điều thiện cao quý nhất. Hoàng thân Xuphanuvông cho biết, vợ chồng ông luôn lấy tấm gương trong sáng, đạo đức cách mạng, lý tưởng của Hồ Chí Minh để giáo dục mười người con. Tình cảm ông dành cho Hồ Chí Minh sâu đậm đến mức ông xem Hồ Chí Minh là “pa-pa Hồ”, tức cha Hồ. Khi Hồ Chí Minh qua đời, ông vô cùng thương tiếc. Ông đã khóc, và đó là một trong những lần rơi nước mắt hiếm hoi của ông [26, tr.131].

Cơ sở để Hồ Chí Minh hành thiện là do bản tính con người xưa nay hướng thiện; nhu cầu được sẻ chia các giá trị nhân văn, nhân đạo cao cả của nhân loại tiến bộ. Hồ Chí Minh tin rằng nơi đâu đó trong mỗi người, mỗi dân tộc vẫn cất giấu lòng trắc ẩn, mong muốn thực hiện những điều thiện lương. Vì thế Người chủ trương lấy thiện thu phục, cảm hóa, ứng xử với người: “Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa Xuân và phần xấu bị mất dần đi” [76, tr.672].

Tính nhân hậu, lòng tốt của Hồ Chí Minh gây ấn tượng mạnh mẽ với nhiều người. Một viên báo vụ vô tuyến điện người Mỹ thừa nhận, Hồ Chí Minh đúng là một “ông già phúc hậu” [51, tr.19]. Leo Phighe, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Pháp nhận xét: “Đặc điểm nổi bật trong tính cách của đồng chí Hồ Chí Minh là tính nhân hậu khác thường. Đúng thế, chính là tính nhân hậu, sự niềm nở và lòng tốt đối với mọi người, bất kể tuổi tác và địa vị, đã toát lên từ con người của đồng chí. Đồng chí gây được thiện cảm ngay từ những phút đầu quen biết” [26, tr.111]. Mohammad Ismail Mhasgoor cho biết: “Ở nước tôi,... Bác Hồ là tấm gương sáng cho thanh niên Afganixtan vì lòng yêu nước và sự cống hiến vô hạn cho nhân dân. Trẻ em Afganixtan biết về Người như biểu tượng của lòng tốt, một người ông yêu trẻ” [109, tr.43]. Những nhận xét đó phản ánh phần nào hình ảnh Hồ Chí Minh trong mắt của người nước ngoài và những tình cảm họ dành cho Hồ Chí Minh, “một người hiền - người hiền thời đại mới”.

Mỹ là cái đẹp, cái đẹp cả nội dung và hình thức. Mỹ trong ngoại giao dùng để chỉ những quan điểm, phong cách ứng xử, ngôn ngữ ngoại giao đẹp, có văn hóa. Hồ Chí Minh sở hữu phong cách ngoại giao hấp dẫn, chinh phục và lôi cuốn bất cứ ai từng đối thoại với Người. Jean Sainteny, người đại diện cho Chính phủ Pháp đảm nhiệm việc đàm phán với Chính phủ Hồ Chí Minh thời kỳ 1945-1946 từng thừa nhận: “Đó là con người dễ mến, hấp dẫn. Đúng như vậy. Thực tế ông còn hơn vậy” [60, tr.115].

Mọi tư tưởng, hành động của Hồ Chí Minh đều thể hiện cái chân và cái thiện, do đó bản thân nó đã hàm chứa cái đẹp. Về mặt đôn hậu, đôi mắt sáng ngời với cái nhìn sắc sảo và nồng nhiệt, nụ cười rạng rỡ, cách nói ôn hòa, cử chỉ lịch lãm, phong cách giản dị, ứng xử chân thành... đó là biểu hiện cái đẹp của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh làm cho tướng P.Valuy trong vai trò chính khách Pháp sau nhiều lần tiếp xúc bị thuyết phục hoàn toàn bởi vẻ đẹp của một phong cách “hết sức nhã nhặn, hết sức lịch sự và hết sức quyến rũ” [56, tr.226]. Ông trở thành người đối thoại tâm đắc với Hồ Chí Minh và giữa họ hình thành nên một tình hữu nghị keo sơn.

Chân, thiện, mỹ không tách rời nhau mà có mối quan hệ chặt chẽ, đan xen, bổ sung cho nhau. Chân tự nó đã bao hàm một phần thiện và mỹ. Chân là gốc, nền tảng, tiền đề để thực hành thiện và mỹ. Chân chỉ trở thành mỹ khi gắn với thiện. Thiện làm cho chân và mỹ được tôn vinh. Mỹ trước hết phải là chân và thiện. Chân, thiện, mỹ tạo nên giá trị đặc sắc và diện mạo cao quý của nhà ngoại giao Hồ Chí Minh. Chúng cần được nhìn nhận không chỉ là hành vi mà toàn bộ quan điểm và tư tưởng. Đó là những giá trị đặc sắc nhất thể hiện bản chất văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Tính thống nhất của chân, thiện, mỹ trong đường lối ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện rõ nét qua tư tưởng Hồ Chí Minh về tinh thần quốc tế vô sản luôn coi trọng việc thiết lập tình hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc vì mục tiêu hòa bình, phát triển và thịnh vượng. Tinh thần quốc tế trong sáng là phẩm chất đạo đức nhà ngoại giao Hồ Chí Minh, gắn bó khăng khít thậm chí hòa vào tinh thần yêu nước chân chính của Người. Hồ Chí Minh nhận thức rõ tầm quan trọng của tinh thần quốc tế đối với sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của dân tộc đồng thời nhiệt thành thực hành theo tinh thần ấy. Một mặt, Người luôn ghi lòng tạc dạ sự giúp đỡ thân ái, tương thân tương trợ của nhân dân thế giới, cố gắng để xứng đáng với tình nghĩa mà các nước dành cho dân tộc mình, đồng thời thể hiện tinh thần trách nhiệm với thế giới. Người tha thiết với độc lập, tự do của dân tộc mình đồng thời trân trọng độc lập, tự do của dân tộc khác; quan niệm giúp đỡ dân tộc khác chính là bảo vệ mình, hành động giúp đỡ rất vô tư, chí tình, chí nghĩa, chú tâm xây dựng tình đoàn kết keo sơn. Người rất đau lòng khi các đảng anh em bất hòa, thời điểm sắp đi xa vẫn không quên nói lời mong mỏi cần “khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình” [76, tr.623]. Quan điểm của Người phần nào minh chứng cho sự thống nhất giữa các giá trị chân, thiện, mỹ ở Hồ Chí Minh. Giá trị đó mạnh mẽ đến mức tác động tức thời. Theo lời nguyên Phó Thủ tướng Vũ Khoan, sau khi nghe bản *Di chúc* tại lễ tang Hồ Chủ tịch, đoàn đại biểu cấp cao Liên Xô do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng A.Kosyguine dẫn đầu chủ động gặp lãnh đạo cấp cao Trung Quốc, Thủ

tướng Chu Ân Lai. Buổi gặp gỡ này tuy chưa hàn gắn ngay mối quan hệ bất đồng giữa hai nước, song phần nào dịu hơn quan hệ căng thẳng giữa Liên Xô và Trung Quốc.

3.1.2. Trí tuệ ngoại giao uyên bác và bản lĩnh độc lập, tự chủ, sáng tạo

Hồ Chí Minh để lại dấu ấn trong lịch sử ngoại giao dân tộc bởi trí tuệ uyên bác và một bản lĩnh độc lập, tự chủ, sáng tạo. Với vốn sống dồi dào, sự hiểu biết sắc sảo, tinh tường và tầm nhìn vượt trội, Hồ Chí Minh tạo nên đường lối ngoại giao độc đáo và đặc sắc tham gia giải quyết thành công các vấn đề thực tiễn dân tộc. Người am tường nắm cái biết (ngũ tri) đã được phương Đông đúc kết để vận hành uyển chuyển trong công tác ngoại giao: biết mình, biết người, biết thời, biết thế, biết dừng, biết biến.

Trên nền tảng tinh thần yêu nước, ý chí giải phóng dân tộc và nghiên cứu thực tiễn, Hồ Chí Minh nhận thức chính xác xu hướng thời đại để lựa chọn con đường phù hợp. Người quyết tâm đi tìm sự hỗ trợ quốc tế đối với sự nghiệp cách mạng dân tộc. Quyết định lịch sử của Hồ Chí Minh mở ra cho Việt Nam một vận hội lớn, hình thành nên nhận thức mới về quan hệ quốc tế. Tư tưởng Hồ Chí Minh cho thấy, muốn chiến thắng kẻ thù phải có cách nhìn khoa học về bản thân, không tách mình khỏi thế giới. Đây là biểu hiện sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại thông minh, trí tuệ của Hồ Chí Minh. Bởi tầm nhìn tiến bộ, vượt qua giới hạn của những người đi trước, Hồ Chí Minh góp phần to lớn vào việc thay đổi tâm thức dân tộc, vận mệnh dân tộc.

Thời kỳ đầu, khi mới ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh chưa xác định rõ con đường cách mạng Việt Nam nhưng đã quan tâm tìm hiểu ai ủng hộ cách mạng thuộc địa, ai là bạn, ai là đồng minh và ai là kẻ thù của dân tộc Việt Nam. Tiêu chí để phân biệt các đối tượng trên là lợi ích dân tộc. Đến khi tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, tư tưởng về đoàn kết quốc tế dần hình thành nét lớn, chi phối mạnh mẽ hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh. Dựa trên nhận định, phân tích kỹ lưỡng tính chất thời

đại, Hồ Chí Minh sắp xếp lực lượng và tổ chức thực hiện rất hiệu quả nhiệm vụ ngoại giao.

Khác với các bậc tiền bối, Hồ Chí Minh nhận ra trong bối cảnh quốc tế mới, ngoài Trung Quốc, Nhật Bản còn nhiều nước lớn khác cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến vấn đề chiến tranh và hòa bình thế giới. Nếu các nước, nhất là nước lớn sẵn sàng giải quyết xích mích bằng thương lượng thì hòa bình thế giới có thể thực hiện được. Hồ Chí Minh nỗ lực hết mình, tìm cách đưa tư tưởng của các nhà mác xít về vấn đề đoàn kết vô sản các nước và các dân tộc bị áp bức trở thành hiện thực. Người tích cực kiến tạo mối quan hệ quốc tế hướng tới nền hòa bình chung toàn nhân loại.

Trí tuệ ngoại giao Hồ Chí Minh còn được thể hiện rõ trong những phát hiện và dự đoán của Người về xu thế phát triển của cách mạng và quy luật vận động phát triển trong quan hệ quốc tế. Từ đó đề ra chủ trương, đường lối chiến lược và sách lược trong quan hệ ngoại giao.

Trí tuệ ngoại giao Hồ Chí Minh cũng thể hiện ở việc phân tích, xử lý các mâu thuẫn xuất hiện trong quá trình ngoại giao. Thấm nhuần lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh nhận định: “Cái gì cũng có mâu thuẫn”, “mâu thuẫn sẵn có trong mọi việc” [100, tr.52]. Người yêu cầu phải biết phân loại mâu thuẫn, nắm rõ vai trò, vị trí của từng mâu thuẫn để giải quyết mâu thuẫn hoặc lợi dụng chúng phục vụ cho nhiệm vụ ngoại giao, nhiệm vụ cách mạng.

Để giải quyết mâu thuẫn, Hồ Chí Minh chủ động, kiên nhẫn khai thác từng điểm tương đồng, tích cực đấu là nhỏ nhất làm cơ sở, tạm gác điểm khác biệt hoặc cố gắng xử lý những khác biệt thành vấn đề có thể ngồi lại bàn thảo với nhau. Hồ Chí Minh là nhà ngoại giao có biệt tài thương lượng, luôn tìm kiếm điểm chung trong mỗi cuộc đối thoại để đi tới những thỏa thuận tích cực nhất có thể.

Hồ Chí Minh vận dụng hiệu quả tư tưởng V.I. Lênin: “Chỉ có thể thắng một kẻ địch mạnh hơn bằng một nỗ lực hết sức lớn, và với một điều kiện bắt buộc là phải biết lợi dụng một cách hết sức tỷ mỉ, hết sức chăm chú, hết sức cẩn thận, hết sức khôn khéo bất cứ một “rạn nứt” bé nhỏ nhất nào về lợi ích

giữa các kẻ thù” [21, tr.68]. Việc vận dụng này thể hiện rõ trong từng giai đoạn cách mạng.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh đã lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước đế quốc có liên quan đến Đông Dương, lợi dụng mâu thuẫn Pháp - Nhật, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của Mỹ... nhằm tạo lợi thế cho cách mạng Việt Nam. Thời kỳ 1945 - 1946, Hồ Chí Minh xử lý tài tình quan hệ ngoại giao cùng lúc với nhiều kẻ thù nguy hiểm. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Hồ Chí Minh lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ quân Tưởng, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của một bộ phận tướng sĩ trong quân đội Tưởng, lợi dụng mâu thuẫn của nhân dân Pháp với bọn đế quốc Pháp để tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Pháp. Trong kháng chiến chống Mỹ, Hồ Chí Minh lợi dụng mâu thuẫn giữa Mỹ và đồng minh của Mỹ trước hết là Pháp đồng thời khơi sâu mâu thuẫn giữa Mỹ và các đồng minh khác, giữa chính phủ Mỹ và nhân dân Mỹ, các phe phái trong giới cầm quyền Mỹ, giữa Mỹ và tay sai.

Trí tuệ Hồ Chí Minh cũng thể hiện ở lựa chọn chính xác những công cụ hỗ trợ ngoại giao, thúc đẩy ngoại giao. Hồ Chí Minh hiểu rõ vị trí, tầm quan trọng của báo chí, công tác truyền thông. Người sớm biết tranh thủ sự hỗ trợ của truyền thông, báo chí cho hoạt động ngoại giao. Năm 1919, thông qua kênh báo chí, lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đưa vấn đề chính trị của Việt Nam ra thế giới, đòi cho Việt Nam những quyền lợi cơ bản chính đáng và thiết thực. Đây là dấu hiệu mới của cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam trên con đường đi tới độc lập, tự do. Về sau, ở nhiều thời điểm quan trọng khác, Hồ Chí Minh cũng thông qua báo chí cho nhân dân thế giới hiểu đúng hơn về cuộc chiến mà nhân dân Việt Nam đang thực hiện cũng như tình cảnh và khát vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam; thông qua báo chí tạo nên sức ép dư luận với đối phương, góp phần buộc đối phương phải xuống thang chiến tranh. Hồ Chí Minh chỉ ra: “báo chí có thể giúp bằng cách nói lên tất cả sự thật” [72, tr.152]

Hồ Chí Minh chú ý bày tỏ quan điểm trực tiếp tới giới báo chí và được các báo đăng tải, bình luận. Nhờ đó thiện chí của Hồ Chí Minh tránh bị xuyên

tạo bởi nhiều nhân tố trung gian trước khi đến với báo chí. Thái độ và quan điểm của Hồ Chí Minh khiến cho nhiều tờ báo công khai thừa nhận: “Hồ Chủ tịch đứng đắn và chân thành” [22, tr.102]. Thậm chí có tờ báo lên tiếng phản đối, phê phán một số cá nhân, tổ chức, hoặc phê phán tờ báo khác đã bày đặt những chuyện giả dối, vô lý để khiêu khích nhằm phá vỡ tình thân thiện giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc khác... mà Hồ Chí Minh đang cố gắng tạo dựng. Báo *Le Canard Enchaîné*, một tờ báo có tiếng ở Paris không ngần ngại đăng bài ca ngợi Việt Nam, đả kích Chính phủ Pháp thiếu thiện chí trong giải quyết vấn đề Đông Dương. Những nhận xét, góp sức từ báo chí cho cách mạng Việt Nam chứng tỏ trí tuệ Hồ Chí Minh. Hoàn toàn đứng đắn khi người ta cho rằng: “Nước Mỹ thua trong cuộc chiến tranh Việt Nam trước hết là thua ngay trên mặt trận báo chí” [47, tr.208].

Trí tuệ Hồ Chí Minh đồng thời thể hiện qua vai trò nhà kiến trúc sư, nhà chiến lược thiên tài, người đặt nền móng cho các chính sách ngoại giao của Nhà nước mới.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công cũng là lúc Chiến tranh thế giới lần thứ II kết thúc. Trật tự thế giới, cục diện thế giới có nhiều thay đổi. Các nước lớn chuyển hướng chiến lược, hướng vào việc duy trì và mở rộng lợi ích cũng như ảnh hưởng của mình tới các khu vực trên thế giới. Tại Việt Nam, chính quyền cách mạng mặc dù đã thành lập nhưng bị bao vây bốn phía. Nền kinh tế kiệt quệ, giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm cùng lúc tấn công. Chính quyền cách mạng không có mối liên hệ trực tiếp với các tổ chức yêu nước nước ngoài... Trong tình huống khó khăn đầy thách thức, Hồ Chí Minh đưa ra những kế sách ngoại giao thông minh đối phó với kẻ thù, tháo gỡ dần hiểm họa cho dân tộc. Người vạch định đường lối, chính sách ngoại giao đảm bảo tính nguyên tắc, rộng mở, phù hợp đưa Việt Nam dần ra khỏi tình trạng bị bao vây phong tỏa của kẻ thù.

Hồ Chí Minh tuyên bố: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực... Chính sách mở cửa và hợp tác nói trên, Chính phủ Việt Nam cũng dành cho nước Pháp”

[68, tr.523]. Đây là chính sách đánh dấu bước tiến quan trọng trong định hướng quan hệ giữa Việt Nam với quốc tế, là mối quan hệ giữa nước thuộc địa với chính quốc, giữa nước nhỏ với nước lớn, quan hệ với các nước láng giềng, quan hệ với các nước có chế độ chính trị khác nhau. Các chính sách, một mặt khẳng định tinh thần quyết tâm đấu tranh chống lại mọi kẻ thù, một mặt tỏ rõ thành ý của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam về khát vọng có nền hòa bình thực sự.

Năm 1945, Hồ Chí Minh khẳng định trong *Tuyên ngôn độc lập*: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” [68, tr.1]. Lời tuyên bố này trở thành tiền đề pháp lý và trí tuệ cho việc hình thành chính sách ngoại giao của Nhà nước Việt Nam mới. Cùng sự nhạy cảm chính trị đặc biệt, Hồ Chí Minh sớm cho ban hành “Thông cáo về chính sách ngoại giao của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa” vào ngày 3/10/1945. Một chính sách hoàn chỉnh dưới hình thức một văn kiện Nhà nước bày tỏ lập trường kiên quyết chống các thế lực thù địch. Tuy nhiên ở đó vẫn tỏ rõ tính mềm mỏng, thiện chí, sự tôn trọng và hợp tác với các dân tộc yêu chuộng hòa bình, công lý trên thế giới.

Hồ Chí Minh không chỉ xây dựng đường lối ngoại giao đúng đắn mà còn cấu trúc thành công bộ máy ngoại giao nhằm triển khai hiệu quả các chính sách ngoại giao. Người chỉ ra, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa ra đời nên cái gì cũng mới. Ngoại giao càng mới hơn. Người chú trọng xây dựng bộ máy ngoại giao hợp lý, chủ trương xây dựng cơ chế hoạt động ngoại giao mới, huy động các nhân sĩ, trí thức, các học giả có tài tham gia vào công tác ngoại giao. Hồ Chí Minh nhìn nhận ngoại giao như một vũ khí lợi hại nhất trong tay Nhà nước cách mạng, tham gia tích cực công cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc. Ngoại giao trở thành quốc sách quan trọng, góp phần giúp Việt Nam khẳng định dần vị thế của mình trong quan hệ quốc tế. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hồ Chí Minh, ngoại giao Việt Nam thể hiện thành công vai trò của mình, góp phần quan trọng cho những chiến thắng vinh quang.

Trí tuệ uyên bác làm nên bản lĩnh ngoại giao Hồ Chí Minh. Bản lĩnh đó thể hiện ở sự vững vàng, tự quyết định một cách độc lập, tự chủ mọi hành động, không bị áp lực bên ngoài tri phôi làm thay đổi quan điểm, ở lập trường kiên định, sự lãnh đạo sáng suốt, quyết đoán của Hồ Chí Minh trong lĩnh vực ngoại giao vào thời điểm lịch sử quyết định đem lại thắng lợi to lớn cho cách mạng Việt Nam. Bản lĩnh ngoại giao phản ánh trình độ làm chủ các mối quan hệ ngoại giao của Hồ Chí Minh.

Bản lĩnh ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện qua nhiều sự kiện ngoại giao Người tham gia, trong đó phải kể đến bản lĩnh giải quyết xuất sắc mối quan hệ đa chiều và đầy áp lực của Việt Nam giai đoạn sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, ở việc vừa đấu tranh chống thực dân xâm lược vừa kiên trì, tìm cách thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước. Trong mọi tình thế khó khăn, Hồ Chí Minh bình tĩnh, sáng suốt, suy nghĩ thấu đáo để ra quyết định, chủ động giải quyết các công việc của cách mạng Việt Nam, không nao núng trước bất cứ sức ép nào, đề cao nguyên tắc độc lập tự chủ về đường lối, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh không cứng nhắc, Người dùng phương sách giải quyết sáng tạo, kết hợp nhiều nhân tố, lập trường linh hoạt mềm dẻo nhờ đó các vấn đề ngoại giao được thực hiện hiệu quả đem lại thành công to lớn.

3.1.3. Ngôn ngữ ngoại giao hàm súc, dễ hiểu và có tính thuyết phục cao

Ngôn ngữ là bộ phận cấu thành văn hóa, biểu hiện bên ngoài của văn hóa. Văn hóa mặc dù vượt khỏi rào cản ngôn ngữ, nhưng không thể phủ nhận vai trò quan trọng của ngôn ngữ, đặc biệt trong ngoại giao. Nếu tài sản dùng để phân biệt người giàu và nghèo trong xã hội thì ngôn ngữ là thước đo hàm lượng văn hóa của mỗi người. Trong các cuộc thương thuyết, ngôn ngữ giúp phân biệt trình độ văn hóa nhà ngoại giao. Ngoại giao bao giờ cũng gắn với phong cách ứng xử biểu hiện qua ngôn ngữ mà chủ thể ngoại giao truyền tải.

Ngôn ngữ ngoại giao Hồ Chí Minh phong phú, giàu sắc thái biểu cảm, hàm xúc, dễ hiểu, có sức cảm hóa và thuyết phục cao. Trong ngôn ngữ ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện sự hòa hợp tự nhiên giữa văn hóa dân tộc và văn hóa nhân

loại. Theo Giáo sư Đặng Xuân Kỳ, ngôn từ Hồ Chí Minh có tính hài hước của văn chương Pháp, nét trong sáng của Anaton Phrăngxo, tính hiện thực của Goocki, tính hàm xúc thanh tao của Đường thi, sự sắc nhọn của Lỗ Tấn.

Thực tế, Hồ Chí Minh giao tiếp thường viện dẫn những câu triết lý phương Đông nhất là câu nói của Khổng Tử. Người luôn quan niệm “nói thì phải giản đơn, rõ ràng, thiết thực” [69, tr.191]. Người dạy cán bộ:

Cách nói không mất tiền mua,

Giản đơn, dễ hiểu, thì vừa tai dân [71, tr.460]

Trong công tác ngoại giao, giao thiệp với bạn bè quốc tế, Hồ Chí Minh thực hành nhuần nhuyễn điều này. Bao giờ Người cũng tìm hiểu đối tượng tiếp xúc, hoàn cảnh tiếp xúc để đưa ra lời ứng đáp thông minh mà bình dị, dễ hiểu. Nhận xét cách nói của Hồ Chí Minh, tuần báo “*Đây Paris*”, số 53, ngày 18/6/1946 có đoạn viết: “Ông thông thạo bảy thứ tiếng khác nhau và nói được rất nhiều tiếng thổ âm, trái lại, ông chỉ dùng những câu nôm na, khiến cho dù một người quê mùa chất phác nhất nghe cũng hiểu được ngay” [60, tr.92]. Nhận xét này phản ánh đúng phong cách nói của Hồ Chí Minh.

Trong ngoại giao, nhiều lúc Hồ Chí Minh dùng lối lập luận vấn đề chặt chẽ, khúc chiết. Người sử dụng ngôn ngữ sắc bén, đầy thuyết phục dựa trên cơ sở tính đồng nhất về nguyên lý, khéo léo đưa vào trong ngoại giao kiểu đối thoại văn hóa. Người từng bày tỏ: Đông, Tây vốn nhiều khác biệt, nhưng không biệt lập, tách rời nhau, chúng đều chung quan điểm là điều mình không muốn thì đừng làm cho người khác. Năm 1946, đáp lời Chủ tịch Chính phủ Pháp, Hồ Chí Minh có nói: “Chúng ta đều được kích thích bởi một tinh thần. Triết lý đạo Khổng, và triết lý phương Tây đều tán dương một nguyên tắc đạo đức: “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”¹⁾. Tôi tin rằng trong những điều kiện ấy, hội nghị sắp tới sẽ đi tới những kết quả tốt đẹp.” [68, tr.304]. Sau đó không lâu, trả lời các nhà báo Việt Nam, Pháp và Trung Quốc, Người nói tiếp: “Nước Pháp muốn dân chủ, không có lý gì lại muốn... nước Việt Nam không dân chủ; nước Pháp muốn độc lập và suốt bốn năm trời đã phấn đấu và hy sinh nhiều để có giữ lấy độc lập, không có lý gì lại muốn nước Việt Nam không được độc

lập” [68, tr.463]. Quan điểm logic, suy luận chặt chẽ dựa trên những tiền đề chắc chắn, Hồ Chí Minh buộc đối phương không thể đưa ra lời bác bỏ.

Đối với các nhà báo, nhất là các nhà báo phương Tây, điều thuyết phục họ nhất chính ở cách lập luận sắc sảo, ngắn gọn mà sâu sắc, khôn khéo mà chuẩn xác, kiên định mà linh hoạt và một thái độ chân thành tuyệt đối của Hồ Chí Minh. Nhà báo người Pháp J.Lacouture nói: “Chủ tịch Hồ Chí Minh có tài chinh phục người đối thoại với mình ngay từ câu nói thứ hai của Người” [98, tr.109]. Ông nhận xét, lời ăn tiếng nói của Hồ Chí Minh rất kỳ diệu và đặc biệt, nó không có trong giọng văn của ai cả, kể cả những người như Joseph Stalin, Winston Leonard Spencer Churchill hay Charles de Gaulle mà nó “vươn tới giọng nói của lịch sử” [22, tr.193-194]. Giọng nói của Hồ Chí Minh thể hiện sự tự chủ, lúc nào cũng đi thẳng vào vấn đề, không một chút nghi thức. Có nhà báo xem những cuộc gặp gỡ với Hồ Chí Minh không chỉ in sâu trong cuộc đời làm báo, mà còn in sâu cả trong cuộc đời nói chung của họ [22, tr.210]. Ở phương Tây, các nhà ngoại giao cũng thường thuyết phục đối phương bằng lập luận sắc sảo, lời lẽ khúc chiết. Hồ Chí Minh không chỉ như vậy mà còn thuyết phục đối phương bằng cả lý trí và tình cảm.

Muốn thuyết phục đối phương phải có lý lẽ. Lý lẽ của Hồ Chí Minh đạt tới sự thấu tình, đạt lý. Tình là lòng yêu thương con người vô bờ bến, là sự tôn trọng những giá trị khác mình, không “độc tôn chân lý”. Lý là chân lý, lẽ phải, những giá trị phổ quát được nhân loại thừa nhận, đề cao. Lý lẽ lớn nhất của Hồ Chí Minh là đấu tranh chính nghĩa để có những quyền tự nhiên, cơ bản cho con người bao gồm: Quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc và các quyền cơ bản của dân tộc. Các quyền của dân tộc là: Quyền độc lập, thống nhất, quyền tự do lựa chọn con đường và mô hình phát triển riêng của mình, không có sự can thiệp và áp đặt từ bên ngoài. Đây vốn là những lý lẽ không thể chối cãi và cũng là những nguyên tắc pháp lý đã được phương Tây khẳng định trong các văn kiện nổi tiếng của mình. Vậy nên, độc đáo ngôn ngữ ngoại giao

Hồ Chí Minh là Người biết thuyết phục người khác, dân tộc khác kể cả kẻ địch bằng chính ngôn ngữ và văn hóa của họ.

Ngôn ngữ Hồ Chí Minh chạm tới trái tim người khác, thuyết phục người ta theo cách của riêng mình. Ngôn ngữ ấy bước vào nơi sâu thẳm của thế giới nội tâm con người, đó là lòng trắc ẩn, lương tâm và danh dự khiến người ta không thể quên một người mà họ thừa nhận vô cùng đáng kính, vô cùng đáng yêu. Trong bức thư gửi tướng Leclerc của Pháp, người sang điều tra tình hình Việt Nam đầu năm 1947, Hồ Chí Minh nhấn gửi: Một người yêu nước như tướng Leclerc lẽ nào lại đi đánh một dân tộc chỉ muốn độc lập, thống nhất và muốn hợp tác với nước mình. Phải chăng với ông đó là một công việc bạc bẽo đau đớn. Hồ Chí Minh tiếp tục bày tỏ sự quan ngại: “Giả thử ngài đánh được chúng tôi đi nữa... thì những thắng lợi tạm thời kia chẳng những không tăng thêm mà lại còn làm tổn thương đến uy danh quân nhân và tư cách ái quốc của ngài” [69, tr.5]. Ngôn ngữ Hồ Chí Minh sâu sắc, nhẹ nhàng nhưng nội lực mạnh mẽ, vừa khơi gợi lương tâm vừa thể hiện lập trường cứng rắn.

Biểu hiện rõ nét cho ngôn ngữ văn hóa Hồ Chí Minh là tinh thần đối thoại trong lễ phải có người, có ta. Hồ Chí Minh khi tiếp xúc với đối phương bao giờ cũng đặt mình ở vị trí của họ để hiểu họ. Người tạo cho họ sự tin tưởng, làm cho họ nhận thấy bản thân mình đang rất nỗ lực tìm kiếm sự hòa hợp thỏa đáng giữa người với người. Năm 1946, nói chuyện với các nhà báo tại Pháp, Người bày tỏ: “... chúng tôi rất thật thà. Chúng tôi cũng mong người khác thật thà với chúng tôi” [22, tr.102].

Hồ Chí Minh chủ trương trong đàm phán ngoại giao, cái dễ làm trước, cái khó làm sau, thu hẹp dần phạm vi đàm phán, lược bớt dần bất đồng để đi đến điểm thẳng bằng về lợi ích. Người đề cao vị trí việc xây dựng lòng tin với các nước. Theo Người, lòng tin và sự chân thành có vai trò quan trọng giúp quan hệ giữa các bên vượt qua mọi điều trở ngại: “Chỉ có lòng tin cậy lẫn nhau và sự cộng tác bình đẳng, thật thà, thì mới đi đến kết quả thân thiện giữa hai nước” [22, tr.102]. Đáp lời Thủ tướng Bidault trong bữa tiệc tiếp đón vào năm 1946 tại Pháp, Hồ Chí Minh khẳng định chắc chắn: “Sự cộng tác thực thà và thân

thiện, hai nước chúng ta sẽ làm gương cho thế giới. Chúng ta sẽ làm cho thế giới thấy rằng: Do lòng tin cậy hai bên mà những dân tộc bình đẳng và tự do luôn giải quyết được những vấn đề rất khó...” [22, tr.83].

Hồ Chí Minh ứng khẩu nhanh nhạy, hài hước và dí dỏm. Người có lối chơi chữ tài tình, khả năng biến tấu ngôn ngữ, lúc nén nhịn cần thiết, lúc tranh luận hăng say. Từng chữ, từng câu đến từng cử chỉ, “tất cả đều được Hồ Chí Minh cân nhắc và sử dụng linh hoạt, thiên biến vạn hóa trong những cuộc giao tiếp phức tạp” [43, tr.51]. Không ít lần, Hồ Chí Minh biến những cuộc đàm phán có tính chất đối đầu gay gắt trở thành những khoảnh khắc đáng nhớ. Có người nhận xét: “Trong quan hệ với người khác, Người rất thân tình, nhưng bảo vệ các quan điểm của mình một cách nồng nhiệt và kiên nhẫn” [26, tr.96]. Khả năng phản xạ, ứng đáp thông minh trước mọi tình huống ngoại giao của Hồ Chí Minh thể hiện rõ trí tuệ, sự tế nhị và cả khí phách quật cường. Nhiều tình huống ngoại giao Hồ Chí Minh xử lý trở thành giai thoại đầu trí, thi tài đi vào lịch sử ngoại giao dân tộc Việt Nam.

Năm 1946, sau thương lượng với Pháp, Hồ Chí Minh trở về nước. Cao ủy Pháp G.d’Argenlieu đón tiếp Người tại Vịnh Cam Ranh cùng nhiều ý đồ chính trị. Việc đón tiếp trọng thể của ông ta ngầm phô trương sức mạnh quân đội Pháp, ý đồ dồn vị Chủ tịch nước Việt Nam vào thế yếu. Hiểu thấu tâm địa đối phương, Hồ Chí Minh trái lại rất ôn hòa, tĩnh tại tâm thế, thông minh hóa giải thế bị bao vây của mình. Người dành lấy quyền chủ động tham gia vào “cuộc chơi” khiến mưu kế do đối phương bày ra bị phá sản. Viên tướng Pháp và những người có mặt không khỏi bất ngờ và thán phục. Nói về màn đối đáp thú vị giữa Hồ Chí Minh và viên tướng Pháp trong buổi gặp gỡ này, Giáo sư Phạm Huy Thông gọi đó là một “giai thoại văn hóa dân gian thông thái” [9, tr.54].

Năm 1947, Paul Mus nhận sự chỉ đạo của Cao ủy Emile Bollaert tới gặp Hồ Chí Minh để trao trực tiếp bản thông điệp yêu cầu quân đội Việt Nam phải giao nộp vũ khí. Một điều kiện láo xược, Hồ Chí Minh hoàn toàn có thể chối từ. Nhưng không, Hồ Chí Minh lại biến cuộc đối đầu chính trị gay gắt thành

buổi nói chuyện có tình, có lý. Thái độ ôn hòa nhưng kiên quyết, cách lập luận vấn đề khúc chiết của Hồ Chí Minh khiến Paul Mus phải thừa nhận quan điểm người đang đối thoại với mình. Ông ta đã im lặng và gật đầu tỏ ý đồng tình, tán thành ý kiến nêu ra từ Hồ Chí Minh. Đó là hành động vượt lên trên cả một lời hứa và yêu cầu của nghi thức ngoại giao thông thường.

Cuộc nói chuyện thực chất là cuộc đấu trí văn hóa, kết thúc tốt đẹp cuộc gặp gỡ phức tạp hiếm có trong lịch sử đương đại. Paul Mus bị thay đổi hoàn toàn vị thế sau khi nói chuyện với Hồ Chí Minh. Ông ta không đạt mục đích của mình nhưng cũng không bị Hồ Chí Minh làm cho mất mặt. Paul Mus rất khâm phục Hồ Chí Minh. Năm năm sau đó, trong cuốn “*Việt Nam, xã hội học cuộc chiến tranh*”, Paul Mus đã phê phán nội dung bản thông điệp mà ông có trách nhiệm chuyển tới Hồ Chí Minh.

Giải quyết vấn đề ngoại giao có nhiều cách, nhưng bằng thái độ điềm đạm, chân thành, luôn tôn trọng người khác, ngôn ngữ trí tuệ kết hợp cả hai sắc thái mềm mại và mạnh mẽ, sắc bén chỉ có ở Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh thành thạo nhiều ngoại ngữ nên có lợi thế lớn trong ngoại giao. Đặc điểm này góp phần làm nên tính thế giới, tính nhân loại, tính hiện đại của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. “Không có trình độ ngoại ngữ thì không thể nói đến cái gọi là tính thế giới và hiện đại về văn hóa” [83, tr.105]. Yếu kém về ngoại ngữ cũng là biểu hiện của lạc hậu về văn hóa. Sử dụng thành thạo nhiều ngoại ngữ là chìa khóa giúp Hồ Chí Minh mở cửa đi vào kho tàng văn hóa Đông, Tây, kết nối với thế giới rộng lớn, thuận lợi trong đàm phán và thương thuyết ngoại giao.

Sử dụng thành thạo ngoại ngữ cho phép Hồ Chí Minh thể hiện trực tiếp, tự nhiên những quan điểm, tư tưởng góp phần tích cực vào kết quả ngoại giao, đồng thời tạo nên phong cách tự tin và bản lĩnh. Trong nhiều cuộc phỏng vấn của phóng viên quốc tế, Hồ Chí Minh thường trả lời bằng tiếng nước ngoài. Do không qua phương tiện chuyển ngữ nên những thông tin về cuộc chiến tranh của dân tộc Việt Nam được Hồ Chí Minh truyền tải đầy đủ, chân thực, trực tiếp tới nhân dân thế giới. Chính điều đó góp phần làm cho sự thật cuộc chiến ở

Việt Nam được phơi bày. Những làn sóng phản đối chiến tranh tại Việt Nam lan rộng đến nhiều nước, hỗ trợ Việt Nam gạt hái nhiều thắng lợi to lớn trên mặt trận ngoại giao cũng như mặt trận giải phóng dân tộc.

3.1.4. Ứng xử ngoại giao tự nhiên, tinh tế, mang thông điệp hòa bình

Ứng xử ngoại giao Hồ Chí Minh là ứng xử văn hóa, mang giá trị văn hóa.

Ứng xử đạt đến “tầm nghệ thuật, gần như hoàn thiện” [43, tr.50].

Hồ Chí Minh am tường văn hóa muôn phương nên đã hình thành một cung cách ứng xử ngoại giao đa chiều, vừa tinh tế, vừa văn minh. Ở đó có sự kết hợp hài hòa, nhuần nhị giữa tâm hồn thi nhân, cốt cách nhà hiền triết phương Đông với phong thái lịch lãm của phương Tây hiện đại. Helene Tourmaire nhận định, hình ảnh Hồ Chí Minh đã hoàn chỉnh “với sự kết hợp đức khôn ngoan của Phật, lòng bác ái của Chúa, triết học Mác, thiên tài cách mạng của Lenin và tình cảm của một người chủ gia tộc, tất cả bao bọc trong một dáng dấp rất tự nhiên” [60, tr.92].

Cách ứng xử ngoại giao của Hồ Chí Minh tinh tế, chân thành thông minh, mềm mại và uyển chuyển. Người luôn khéo léo, tế nhị, tránh làm mất lòng người khác. Nhẹ nhàng, lịch thiệp nhưng không có ý lừa gạt ai. Trong tâm thức nhiều người, Hồ Chí Minh là người “mềm dẻo, kiên nhẫn, ôn hòa, luôn luôn tìm cách hòa giải về thể thức chuyển hóa, không khoan nhượng trong nguyên tắc” [60, tr.119]. Người khéo léo tìm cách ứng xử hài hòa, hạn chế tối đa sự va đập văn hóa trong tiếp xúc ngoại giao gây ảnh hưởng tới các mối quan hệ. Mọi cử chỉ hành động của Hồ Chí Minh là sự biểu hiện cụ thể cho những khái niệm văn hóa vốn rất trừu tượng và những mục tiêu cao cả.

Hồ Chí Minh đi nhiều nơi, tham gia trực tiếp các hoạt động thực tiễn nơi đã đi qua nên có vốn tri thức phong phú về các phong tục, tập quán. Lợi thế này tạo điều kiện cho sự khéo léo trong ứng xử, đồng thời làm nên đặc sắc văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Hiểu biết văn hóa dân tộc khác, cảm nhận được vẻ đẹp và tôn trọng điểm khác biệt làm cho ứng xử ngoại giao Hồ Chí Minh tự

nhiên, gần gũi và thân mật. Đây là một trong những lý do lý giải sức cuốn hút và sự hấp dẫn của nhà ngoại giao Hồ Chí Minh.

Ứng xử ngoại giao tinh tế, chân thành thông minh là điểm neo giữ lòng người của Hồ Chí Minh, là giá trị tạo nên khác biệt của Hồ Chí Minh với mọi chính khách và nhà ngoại giao khác. Năng lực đó là kết quả của quá trình tích lũy, học hỏi không ngừng nghỉ để khai thác tối đa năng lực tự nhiên của bản thân. Sự tinh tế được hỗ trợ bởi trí tuệ thông thái, sự mẫn cảm về chính trị, am tường văn hóa nhiều quốc gia, dân tộc làm cho Hồ Chí Minh tỏa sáng ở bất cứ nơi nào mình có mặt. Do tinh tế, Hồ Chí Minh nắm bắt tâm lý người khác, phân tích được điểm mạnh, điểm yếu của họ, hiểu họ mà lựa chọn cách ứng xử sao cho phù hợp với từng đối tượng trong từng hoàn cảnh cụ thể.

Hồ Chí Minh thể hiện ứng xử ngoại giao khéo léo trên nhiều mặt, nhiều mối quan hệ khác nhau, như ứng xử với các nước, ứng xử trên bàn đàm phán, ứng xử với các chính khách, với nhân dân các nước... Điển hình cho ứng xử khôn khéo của Hồ Chí Minh là vào thời điểm hai nước Xô - Trung bất đồng, Việt Nam rơi vào thế đứng giữa. Ứng xử thế nào để Việt Nam dung hòa mối quan hệ với “anh cả”, “anh hai” nhưng vẫn tỏ rõ thành ý và lập trường của Việt Nam. Ngả nghiêng bên nào cũng đều đặt dân tộc trên bờ vực nguy hiểm. Trong tình thế đó, Hồ Chí Minh chủ trương sử dụng sách lược ngoại giao cân bằng, không thiên vị. Người nỗ lực, chủ động tìm mọi cách hàn gắn bất đồng hai nước. Người thành tâm thuyết phục vì lợi ích chung của phong trào cách mạng thế giới hai nước nên hòa giải với nhau. Đáp lời Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông nói “Mâu thuẫn Trung - Xô còn lâu dài, một vạn năm, nhưng vì Chủ tịch Hồ Chí Minh quá tốt, nên tôi giảm bớt đi một ngàn năm, còn chín ngàn năm. Hồ Chủ tịch không cần lo đâu. Trời không sập, cá vẫn lội, phụ nữ vẫn đẻ con...” [28, tr.235-236]. Mối quan hệ hai nước về sau được cải thiện sớm hơn. Kết quả này không thể không nhắc tới những nỗ lực đáng kính của Hồ Chí Minh.

Ứng xử ngoại giao với hai nước lớn tại thời điểm phức tạp này là một trong những minh chứng cho văn hóa ứng xử tuyệt vời Hồ Chí Minh. Nhờ đó,

Việt Nam không bị mất lòng ai, luôn nhận sự giúp đỡ của cả hai nước. Tài năng Hồ Chí Minh không chỉ đưa dân tộc Việt Nam vượt qua giông tố mà còn đóng vai trò sứ giả hòa bình nối tình đoàn kết Xô - Trung. Nói về thời điểm khó khăn trong mối quan hệ giữa hai nước, nhà sử học Mỹ John Prados nhận định: “Trên đời này ít nhất có một nơi Xô - Trung hợp tác hòa thuận, đó là Việt Nam” [120, tr.22]. Và để có sự hòa hợp đó, cần phải nhắc tới những đóng góp quan trọng của Hồ Chí Minh. Như vậy, ứng xử ngoại giao Hồ Chí Minh tự bản thân nó đã truyền tải thông điệp hòa bình và tinh thần trách nhiệm trước cộng đồng quốc tế.

Mềm dẻo, khéo léo nhưng mạnh mẽ và quyết đoán cũng là đặc điểm ứng xử ngoại giao Hồ Chí Minh. Đặc điểm này phát huy mạnh mẽ vào những thời điểm quan trọng mang tính bước ngoặt. Hồ Chí Minh bộc lộ khả năng suy nghĩ độc lập mà ở đó sự thận trọng được kết hợp chặt chẽ với tính kiên quyết vốn có của Người.

Theo lời kể của Jean Sainteny, sau khi ký bản Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946, Hồ Chí Minh cho biết chưa hài lòng với kết quả thương lượng nhưng quan niệm không thể đạt được tất cả mọi thứ chỉ trong một ngày. Để đạt mục đích cuối cùng, Hồ Chí Minh khôn khéo tỏ ra ít đòi hỏi hơn các đồng sự. Người biết tạm thừa nhận nền độc lập tương đối, kiên trì đấu tranh và biết chờ thêm một thời gian nữa. Hồ Chí Minh sẵn sàng nhân nhượng Pháp để Pháp tiếp tục giữ lại những quyền lợi thiết yếu về kinh tế, tài chính nhưng dự tính và tin rằng Việt Nam sẽ đạt được tất cả từ sự thỏa thuận này [22, tr.263]. Jean Sainteny thuật lại lời Hồ Chí Minh: “Chúng tôi muốn tự mình cai quản đất nước mình và nếu tôi đề nghị các ông rút hết các quan cai trị người Pháp về nước thì ngược lại chúng tôi lại cần đến các ông để xây dựng một nước Việt Nam độc lập và hùng mạnh” [22, tr.263]. Tìm hiểu thêm về Hồ Chí Minh, Jean Sainteny nhận ra: “Cuối cùng và đây chính là sự tinh tế trong tâm hồn châu Á của Hồ Chí Minh, nhân vật đã từng suốt đời chống đế quốc Pháp, nay lại vui vẻ đề xuất ý tưởng Việt Nam sẽ là nước đầu tiên tham gia xây dựng khối Liên hiệp Pháp mà các kế hoạch thành lập mới vừa soạn thảo xong” [22, tr.263].

Trong tiếp xúc ngoại giao, Hồ Chí Minh luôn giữ thái độ khiêm nhường. Khiêm nhường là một phẩm chất văn hóa, càng văn hóa càng khiêm nhường. Nếu thái độ trong ngoại giao là cách ứng xử hướng ngoại thì khiêm nhường là thái độ ứng xử hướng nội, thái độ của Hồ Chí Minh đối với bản thân trong quan hệ với đối tượng mà mình tiếp xúc. Trước mọi tình huống, kể cả những mâu thuẫn xung đột hay trước kẻ thù, Hồ Chí Minh vẫn giữ thái độ điềm tĩnh, nhã nhặn và cách ứng xử lịch thiệp của bậc đại trí, đại dũng. Hồ Chí Minh mặc dù là nguyên thủ quốc gia, chính khách nổi danh trên thế giới, nhưng luôn hòa mình với những người xung quanh một cách thân mật và nồng nhiệt. Người không bao giờ tỏ ra mình đặc biệt, lấy mình ra làm thước đo để đánh giá người khác. Người không tự cao, tự đại, cho mình cao hơn hết thảy, nhưng cũng không bao giờ tỏ ra sợ hãi, cúi đầu trước quyền uy của kẻ thù. Những người tiếp xúc với Hồ Chí Minh thừa nhận đó là con người tuyệt diệu, con người vĩ đại nhưng vô cùng gần gũi, dễ mến. Người bao giờ cũng giải quyết các vấn đề khó khăn với nụ cười trên môi. W.J.Duiker kết luận: “Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà ngoại giao lớn, tận dụng mọi thời cơ để đạt được mục đích cách mạng không phải bằng quân sự mà bằng ngoại giao, bằng văn hóa ứng xử, biến điểm yếu quân sự thành thế mạnh chính trị” [112, tr.21-25].

Hồ Chí Minh thường trực tình cảm nồng hậu, dễ mến cùng phong cách cao quý. Điều đó đem tới cho người tiếp xúc cảm nhận được vẻ đẹp của cuộc sống và sự thanh cao của một nhân cách. Luật sư F.H.Loseby kể lại “Ông cảm thấy kính trọng, khâm phục và mong muốn bằng bất cứ giá nào cũng phải giúp đỡ con người đáng mến này” [59, tr.104]. Ứng xử Hồ Chí Minh chứa đựng những giá trị nhân bản nhất của con người nên có sức hút không thể cưỡng lại. Ngoại giao “tâm công” Hồ Chí Minh vì thế đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật vận dụng. Jean Lacouture cho rằng: “Một khía cạnh lạ lùng nhất của con người Hồ Chí Minh đó là sự pha trộn của sức cảm hóa và sự lịch thiệp đã tạo ra thành một nhân vật đặc biệt, biết bắt đầu từ đâu và kết thúc ở chỗ nào” [60, tr.118].

Trong ngoại giao vốn tồn tại quy định về lễ tân, lễ nghi, thủ tục, hình thức rất chặt chẽ, yêu cầu người làm ngoại giao phải biết rõ và tuân thủ. Hồ Chí

Minh không bị ràng buộc nhiều bởi các lễ nghi, quy định đó. Người không câu nệ hình thức, ứng xử nhiều khi mang tính phá lệ, vượt qua khuôn mẫu cứng nhắc. Cử chỉ, thái độ thân tình, tự nhiên của Hồ Chí Minh khiến bầu không khí các cuộc tiếp xúc ngoại giao bớt căng thẳng, trở nên thân thiện, dễ chịu hơn nhưng vẫn đủ độ nghiêm trang của một cuộc diện kiến trên góc độ chính trị.

Vào dịp Tiêu Văn, viên phó tướng của Lư Hán đến Hà Nội, trên cương vị Chủ tịch nước Hồ Chí Minh bỏ qua quy định về ngoại giao đồng cấp chủ động tới gặp Tiêu Văn tỏ lòng hiếu khách cũng như thành ý của Việt Nam. Người quan niệm “có thể tiếp một đoàn văn công, một đội bóng đá,... sao lại không thể tiếp một vị tướng, một nhà hoạt động xã hội vì Việt Nam?” [43, tr.120]. Người chủ trương làm thế nào để mỗi người bạn quốc tế đến Việt Nam là gần và yêu Việt Nam thêm một chút.

Bằng lối tư duy đó, Hồ Chí Minh ân cần thăm hỏi Tiêu Văn. Người khéo nhắc lại chuyện cũ ở Liễu Châu (Tháng 9/1943, Hồ Chí Minh tự do sau gần 13 tháng bị đày ải trong các nhà tù của chính quyền Tưởng ở Quảng Tây. Tuy nhiên tướng Trương Phát Khuê vẫn lưu Người lại Liễu Châu. Cuối năm 1944, dưới sự bảo lãnh của Tiêu Văn, Hồ Chí Minh được trở về nước) và bày tỏ mong muốn Tiêu Văn bỏ qua hiểu nhầm hợp tác với Việt Nam, cùng nhau giải quyết vấn đề Hoa - Việt. Qua vài lần tiếp xúc, trước thái độ trọng thị, đàng hoàng, lịch thiệp của Hồ Chí Minh, Tiêu Văn thay đổi dần thái độ từ hống hách, trịch thượng sang kính nể, mềm mỏng. Ông ta thậm chí còn trân trọng gọi Hồ Chí Minh là “Hồ Chủ tịch”, giúp Việt Nam giải quyết nhiều bất đồng vướng mắc trong quan hệ với Trung Quốc. Ít lâu sau trả lời các nhà báo, ông công khai: “Nước Việt Nam căn bản là của người Việt Nam. Cứ ý riêng tôi, tôi rất biểu đồng tình với sự phản kháng oanh liệt của nhân dân Việt Nam trong Nam Bộ” [68, tr.149].

Tuân thủ nghi lễ ngoại giao là cần thiết và quan trọng. Tuân thủ thể hiện phép lịch sự, tôn trọng và văn hóa của chủ thể ngoại giao. Ứng xử ngoại giao nhiều lúc bỏ qua nghi lễ chỉ có thể là Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, hình ảnh Hồ Chí Minh không vì lối ứng xử phá lệ ấy làm xấu đi, thậm chí nó còn gây ấn

tượng sâu sắc với người khác, làm họ ghi nhớ vị lãnh tụ Việt Nam đầy thiện chí. Nói đến Hồ Chí Minh, Jawaharlal Nehru bày tỏ: “Người ấy là một phần của lịch sử châu Á. Ngoài phần gặp gỡ một con người vĩ đại, chúng ta không chỉ được tăng thêm về sự hiểu biết, mà chúng ta còn lớn lên về tầm vóc. Được gặp người ấy, một con người từng trải khiến chúng ta trở nên tốt hơn” [56, tr.233].

Ứng xử ngoại giao Hồ Chí Minh chứa chan lòng thân ái, khoan dung, độ lượng. Ngay từ giây phút đầu gặp gỡ, người ta đã thấy ngay ở Hồ Chí Minh tầm cỡ lớn lao về chính trị, đạo đức, sức mạnh và nghị lực phi thường. Những khoảng cách bị xóa bỏ, bao trùm lên tất thảy là không khí ấm cúng chan hòa, tự nhiên, thoải mái. Nhà báo Charles Fourniaux nhận xét Hồ Chí Minh:

Con người mà sự có mặt phi thường như choán hết cả gian phòng, có thể nói làm xóa nhòa sự có mặt của những người khác, nhưng sự sẵn sàng, thái độ ân cần hết sức lịch thiệp và hòa nhã của Người đối với khách làm cho người ta trong những phút đầu thấy đôi chút lúng túng, nhưng sau đó lại tạo ra một bầu không khí thân mật thoải mái ngay [22, tr.207].

Khoan dung là nét văn hóa điển hình, phương châm nhất quán trong ứng xử ngoại giao Hồ Chí Minh. Khoan dung Hồ Chí Minh biểu hiện ở việc tôn trọng cái khác biệt, không giống mình nhưng bình đẳng với mình, biết đại lượng, cảm thông, tha thứ, khoan hồng cho mọi đối tượng kể cả kẻ thù. Khoan dung Hồ Chí Minh xây dựng trên nguyên tắc tự do, bình đẳng, tôn trọng đạo lý và chính nghĩa, không chấp nhận việc thỏa hiệp vô nguyên tắc với những bất công, những hành vi chối bỏ hạnh phúc con người. Khoan dung ấy tuyệt đối không phải sự nhún nhường của kẻ yếu trước kẻ mạnh, sự ban phát của kẻ mạnh với kẻ yếu hơn mình. Khoan dung Hồ Chí Minh tiếp nối dòng chảy văn hóa ngoại giao dân tộc, nâng lên thành thông điệp nhất quán trong toàn bộ sự nghiệp ngoại giao của Người. Giáo sư Song Thành nhận định: “Hồ Chí Minh là biểu tượng, là tinh hoa của tinh thần khoan dung, nhân ái Việt Nam”. “Khoan dung, nhân ái Hồ Chí Minh đã được coi là biểu tượng của văn hóa hòa bình ở thời đại ngày nay” [100, tr.93].

Khoan dung là văn hóa trí tuệ, lấy nhân nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo trong thời đại mới. Đứng trên gốc văn hóa vững chắc, Hồ Chí Minh đem tới cho nhân dân thế giới những hiểu biết đúng đắn về dân tộc Việt Nam, một dân tộc quang minh chính đại, chỉ đòi quyền độc lập, tự do, không vì tư thù, tư oán, “là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người cướp nước” [68, tr.29-30]. Quan điểm như vậy, không khó lí giải vì sao Hồ Chí Minh lại giành được sự ủng hộ, cảm thông và thấu hiểu cao nhất của thế giới đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng.

Khoan dung Hồ Chí Minh thể hiện ở nhiều chiều cạnh đặc biệt trong xử lý mối quan hệ với các nước lớn. Trong chiến đấu, Hồ Chí Minh rất dũng cảm, quật cường nhưng kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh vẫn rất nhân từ, đại nghĩa, ứng xử văn hóa với kẻ thua cuộc. Người tỏ lòng tôn trọng, chú ý giữ gìn thể diện cho họ, thành ý cho biết lúc nào họ muốn ra đi sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho họ ra đi, thậm chí sẵn sàng trải thảm đỏ, rắc hoa tiễn biệt. Người từng căn dặn phái đoàn ngoại giao Việt Nam trước khi sang đàm phán với Mỹ tại Paris: “Mỹ là nước lớn đứng đầu thế giới tư bản, buộc phải ngồi đàm phán, thương lượng đã là thất bại rồi, vì thế Bác yêu cầu là không được làm Mỹ mất mặt. Phải tế nhị, khéo léo, lúc cương, lúc nhu thì mới gọi là đàm phán hòa bình, mới đạt kết quả” [93, tr.29].

Tôn trọng và giữ thể diện cho nước lớn không phải nhu nhược, càng không phải vì Hồ Chí Minh đại diện cho dân tộc đứng vị thế nhỏ yếu, mà là hành động của bậc đại trí, đại đức, đại dũng biết nghĩ tới đại cục. Mở đường rút trong danh dự cho kẻ thù là lối ứng xử đạt tới sự thống nhất giữa tầm cao chính trị với tinh thần nhân văn trong sáng. Nó biểu hiện trí tuệ vượt trội, biểu hiện văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh: Mở con đường cho kẻ thù ra đi nhưng cũng là con đường đón chào người bạn trở lại. Một cuộc tổng tiến lịch sử kết thúc mối quan hệ thù địch, bất bình đẳng đồng thời mở ra mối quan hệ bạn bè, bình đẳng, cùng có lợi trong tương lai. Lối ứng xử đạt đến độ tinh hoa đó làm kẻ thù dẫu hãnh diện ngẩng cao đầu ra đi nhưng trong tâm thức sẽ có cái cúi đầu kính trọng trước nhân cách cao thượng, vĩ đại, một nhân cách văn hóa.

Hồ Chí Minh ứng xử khoan dung do nhận thức: “Sông to, biển rộng, thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng nó hẹp nhỏ” [70, tr.130], chỉ sợ lòng mình không rộng chứ không sợ người ta không theo. Trên cơ sở phương pháp luận mác xít, Hồ Chí Minh chọn lọc, phân loại cái hay, cái tốt để thực hành khoan dung nhưng qua đó tiên liệu trước những vấn đề sẽ xảy ra sau hành xử khoan dung. Đây là căn cứ lý giải vì sao trong khi quyết tâm dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho kỳ được độc lập và thống nhất đất nước thì Hồ Chí Minh vẫn yêu nước Pháp và nhân dân Pháp, muốn hợp tác thành thực với nhân dân Pháp. Trong khi chống thực dân Pháp vẫn yêu mến văn hóa Pháp, kiên trì cuộc kháng chiến chống Mỹ nhưng vẫn coi trọng truyền thống và những giá trị tiến bộ mà cách mạng tư sản Mỹ đề ra.

Thật thà khoan dung Hồ Chí Minh không ngần ngại viết thư cho Jean Sainteny, bày tỏ: “Mặc dù mọi việc đã xảy ra, giữa ông và tôi, chúng ta vẫn còn là bạn... Về phần tôi, tôi sẵn sàng cộng tác vì hòa bình, một nền hòa bình chính đáng và danh dự cho hai nước chúng ta” [8, tr.396]. Jean Sainteny dành nhiều lời trân trọng viết về Hồ Chí Minh trong cuốn hồi ký “Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ”, nhân vật không cùng chiến tuyến với ông. Ông tiết lộ có ấn tượng đặc biệt về tinh thần, nhân cách văn hóa của Hồ Chí Minh và lấy làm tiếc vì “nước Pháp đã coi nhẹ, không hiểu hết giá trị và sức mạnh của nhân vật này” [118, tr.224-225]. Đến lúc cuối đời, ông vẫn lưu giữ trong tim mình sự khâm phục về Hồ Chí Minh. Ông không giấu nổi cảm xúc khi phát hiện ra một điều đặc biệt thú vị: Hồ Chí Minh, người đã đánh đắm cả chế độ thực dân Pháp, nhưng lại mãi vẫn là bạn của nước Pháp.

Ứng xử khoan dung Hồ Chí Minh gieo vào lòng người sự xúc động không nguôi về những tư tưởng, hành động chính trị nhưng mang giá trị đạo đức cao đẹp. Nó dựng lên trong lòng bạn bè thế giới một tượng đài bất diệt về tinh thần ngoại giao cởi mở, rộng rãi, song mãi mãi là nỗi ám ảnh day dứt không nguôi của nhiều người phía trái tuyến bên kia. Xét trong bối cảnh quan hệ quốc tế phân cực sâu sắc và một thế giới đầy biến động sau Chiến tranh thế giới lần thứ

II thì đó là ứng xử có tính khai phá, vượt thời đại. Nó trở thành xu thế phát triển trong quan hệ quốc tế hiện đại, mở ra một hướng đi trong xây dựng quan hệ quốc tế mới bằng tinh thần khoan dung.

3.1.5. Vận dụng nhuần nhuyễn phương pháp “Dĩ bất biến ứng vạn biến” và phát huy nghệ thuật ngoại giao “tâm công”

Phương pháp ngoại giao “Dĩ bất biến ứng vạn biến” của Hồ Chí Minh là sự kết hợp chặt chẽ giữa tri thức ngoại giao truyền thống kiên định về nguyên tắc, linh hoạt về sách lược với phép biện chứng duy vật mác xít, binh pháp Tôn Tử... Sự kết hợp này đem đến cho phương pháp ngoại giao Hồ Chí Minh tính khoa học, tính thực tiễn đúng đắn. Cùng thể giới quan duy vật biện chứng, Hồ Chí Minh sử dụng phương pháp “Dĩ bất biến ứng vạn biến” giải quyết thành công thực tiễn ngoại giao dân tộc.

Hồ Chí Minh quan niệm: “*Nguyên tắc* của ta thì phải vững chắc, nhưng *sách lược* của ta thì linh hoạt” [71, tr.555]. Tức là, mục tiêu cơ bản, lâu dài thì bất biến, nhưng mục tiêu cụ thể, trước mắt có thể vạn biến. Vạn biến nhưng nhất thiết phải xoay quanh trục mục tiêu cơ bản và lâu dài. Cách thể hiện là lựa chọn thứ tự ưu tiên, mức độ yêu cầu cần linh hoạt tùy theo tương quan lực lượng trong nước và hoàn cảnh quốc tế, nắm vững thời cơ biến lực thành thế. Nguyên tắc “Dĩ bất biến ứng vạn biến” được Hồ Chí Minh vận dụng nhuần nhuyễn trong công tác ngoại giao.

Năm 1919, Hồ Chí Minh chỉ đặt ra trong Bản yêu sách của nhân dân An Nam mục tiêu quyền tự do, dân chủ nhân dân, chưa đặt mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; năm 1921 đặt vấn đề gắn sự nghiệp giải phóng dân tộc với chủ nghĩa xã hội; năm 1930, chủ trương “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” [67, tr.1]; năm 1945, mục tiêu hàng đầu là giữ vững quyền tự do, độc lập. Năm 1946, mục tiêu đòi Pháp công nhận nền độc lập, thống nhất cho Việt Nam song chưa đạt nhưng chấp nhận việc Việt Nam được thừa nhận là tự do nằm trong khối Liên hiệp Pháp thay vì độc lập. Đến năm 1954, sau khi hiệp định Giơnevơ ký kết, các mục tiêu hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ của Việt Nam đều đạt được.

Hồ Chí Minh thấm nhuần triết lý dân gian “Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài”, trong phương pháp ngoại giao luôn mềm dẻo, linh hoạt, sẵn sàng làm bất cứ cách nào miễn đem lại lợi ích cho dân tộc. Hồ Chí Minh coi trọng phương pháp ngoại giao cương nhu linh hoạt, lấy nhu thắng cương. Phương pháp này chẳng những đúng về mặt lý luận, mà còn sát với đặc điểm thực tiễn Việt Nam. Một nhà báo Pháp nhận xét: “Chính sự kết hợp mà không phải ai bắt chước nổi giữa tính mềm dẻo với tính cương nghị, giữa tính linh hoạt về chính trị với tính cứng rắn về nguyên tắc, giữa việc vận dụng truyền thống yêu nước với sự phân tích mác xít đã tạo nên tính chất độc đáo của ông Hồ Chí Minh” [100, tr.336].

Ngoại giao không phải lúc nào cũng thuận theo người khác. Cương quá sẽ đứt, nhu quá sẽ mất, mất bản thân, mất tự chủ, rồi dẫn tới lệ thuộc. Sách lược mềm dẻo nhưng nếu đi quá giới hạn sẽ làm mất đi tính nguyên tắc, dẫn đến sai lầm không thua kém việc quá cứng nhắc về nguyên tắc mà mất đi sự linh hoạt về sách lược. Hồ Chí Minh ứng biến mềm dẻo nhưng không nhu nhược, linh hoạt nhưng không ngả nghiêng, mất lập trường.

Trong ngoại giao, phải xử lý vô số các mối quan hệ vừa phong phú vừa phức tạp. Hồ Chí Minh biết mình phải làm gì và làm thế nào tránh điều bất lợi ở mức cao nhất. Nắm vững đặc tính từng mối quan hệ, Hồ Chí Minh xử lý chính xác, phát huy và mở rộng cái thuận lợi. Người biết dùng đối thoại thay cho đối đầu, biết làm dịu bất đồng, tránh đối đầu trực diện nhờ đó hạn chế tối đa đòn tấn công của đối phương, đồng thời làm chúng bớt phần hung hãn, đi đến vô hiệu hóa âm mưu của chúng.

Hồ Chí Minh từng nói: “Hai hòn đá cùng chọi nhau thì hai hòn cùng vỡ, hai cái trứng cùng chọi nhau thì hai cái cùng vỡ. Phải một cái cứng, một cái mềm thì khi chọi nhau một cái mới còn” [69, tr.69-70]. Phân tích tương quan lực lượng giữa ta và địch, Hồ Chí Minh chỉ ra: Địch quân sự mạnh nhưng chính trị yếu. Ta chính trị mạnh nhưng quân sự yếu. Trong hoàn cảnh này nếu dùng quân sự để đối đầu với quân sự thì chẳng khác nào tự sát, vì thế phải kết hợp với ngoại giao, dùng ngoại giao để thể hiện sức mạnh chính trị của ta, cái yếu

về chính trị của kẻ địch trước dư luận thế giới để không chế sức mạnh quân sự của chúng.

Hồ Chí Minh hiểu rõ sự cần thiết của việc mở rộng quan hệ quốc tế trong thời đại mới nhưng nguyên tắc nhất quán là giữ vững tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường. Độc lập tự chủ trái với tách rời dân tộc khỏi quốc tế, tự cô lập mình. Mức độ độc lập, tự chủ phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó có thực lực. Có thực lực sẽ giành thắng lợi trong ngoại giao: “Nếu tự mình không có thực lực làm cơ sở thì không thể nói gì đến ngoại giao” [67, tr.448]. “Phải trông ở thực lực. Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi” [68, tr.147]. Nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện qua việc xây dựng, khơi dậy và sử dụng thực lực dân tộc tạo lợi thế trong đấu tranh ngoại giao để giành thắng lợi cuối cùng.

Hồ Chí Minh chú ý xử lý tốt mối quan hệ quốc tế. Trong mỗi mối quan hệ, Hồ Chí Minh đều có chính sách phù hợp nhằm khai thác tối đa điểm tương đồng, tích cực vì sự hợp tác lâu dài, bền chặt. Với các nước láng giềng, Hồ Chí Minh xác định đây là quan hệ đặc biệt quan trọng. Mối quan hệ này là cơ sở, điều kiện cho Việt Nam yên ổn, đảm bảo “trong ấm, ngoài êm”, mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tư tưởng nhất quán là đề cao tinh thần anh em hòa thuận, láng giềng hữu nghị, gắn bó keo sơn, cùng chung sống hòa bình, hợp tác và phát triển.

Với các nước lớn, Hồ Chí Minh nhận thức rõ vị trí và sự ảnh hưởng có tính quyết định của họ tới chiều hướng quan hệ quốc tế. Người đề cao xây dựng quan hệ theo đường hướng khôn khéo, mềm mỏng, linh hoạt nhưng kiên định lập trường, không xa vào ảo tưởng. Xử lý cân bằng về quyền lợi và mức độ ảnh hưởng sao cho quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với nước lớn phải tạo được mối liên hệ cộng đồng về lợi ích từ đó buộc các nước trong khi bảo vệ lợi ích của mình phải bảo vệ cả lợi ích của Việt Nam. Người sử dụng sức mạnh tinh thần - thể mạnh Việt Nam để đối phó với sức mạnh quân sự của họ. Biết khai thác mối quan hệ tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước lớn nhằm hạn chế những bất lợi do sự thỏa hiệp của các nước lớn có thể gây cho mình. Phương châm xử thế các mối quan hệ là dàn xếp sao cho đại sự thành tiểu sự và tiểu sự

thành vô sự, không bỏ lỡ bất kỳ cơ hội hòa giải nào. Những đối sách Hồ Chí Minh đưa ra xuất phát từ việc am tường nước lớn, “biết được mỗi quan tâm và chiến lược cơ bản của họ, hiểu bản chất của nền chính trị, ngoại giao nước lớn và những giới hạn của những mối quan hệ đó” [92, tr.218].

Phương pháp “Dĩ bất biến ứng vạn biến” cũng được Hồ Chí Minh đưa vào giải quyết các bất đồng, mâu thuẫn. Kế sách nhân nhượng và thỏa hiệp trong những trường hợp cần thiết được Hồ Chí Minh dùng đến. Nhân nhượng hiểu là một biện pháp đấu tranh cách mạng khác, là sách lược chuyển hoá tương quan lực lượng, là nghệ thuật để giành thắng lợi từng bước. Nhân nhượng ở Hồ Chí Minh không phải là sự mua bán nguyên tắc cách mạng, mà là quá trình cân nhắc cân trọng các điều kiện để thực hiện nhân nhượng, thỏa hiệp hay đấu tranh cho đúng. V.I.Lênin từng nói: “Không thể thề rằng sẽ không thỏa hiệp. Do hoàn cảnh bắt buộc, nên có lúc ngay cả chính đảng cách mạng nhất của một giai cấp cách mạng nhất cũng cần phải thực hành thỏa hiệp” [25, tr.336]. Hồ Chí Minh biết nhân nhượng và điểm dừng nhân nhượng đúng lúc để bảo vệ lợi ích quốc gia, giữ gìn quốc thể.

Nhân nhượng Hồ Chí Minh được thực hiện trên tinh thần dĩ bất biến ứng vạn biến, là biểu hiện của phương pháp đấu tranh cách mạng linh hoạt. Nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Niên nhận xét: “Hồ Chí Minh đã thực hiện những nhân nhượng có nguyên tắc và lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ đối phương đạt tới trình độ nghệ thuật trong các điều kiện lịch sử” [87, tr.81]. Biết nhân nhượng, thỏa hiệp đúng lúc là chiến lược, sách lược, là nghệ thuật đấu tranh ngoại giao của Hồ Chí Minh được ghi lại trong lịch sử cách mạng Việt Nam như một mẫu mực tuyệt vời của sách lược Lêninnit.

Ngoại giao khiêm tốn, nhịn mà không nhục, nhân nhượng không phải thua, cương mà không cứng đó là nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh. Dĩ bất biến ứng vạn biến là bí quyết nhận thức và hành động của Hồ Chí Minh, đồng thời là “cảm nang nhận thức, bí kíp hành động của dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam trong mọi thời đại” [108, tr.187].

Cùng với vận dụng nhuần nhuyễn phương pháp “Dĩ bất biến ứng vạn biến”, Hồ Chí Minh còn phát huy nghệ thuật ngoại giao “tâm công”. Nghệ thuật ngoại giao “tâm công” là tinh hoa ngoại giao dân tộc đã được Hồ Chí Minh tiếp nối và phát triển trong giai đoạn mới. Ngoại giao “tâm công” Hồ Chí Minh là ngoại giao dùng chính nghĩa, công lý và những giá trị chung đã được nhân loại thừa nhận để giành lợi thế trước đối thủ, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp sức của thế giới đối với cuộc đấu tranh giải phóng ở Việt Nam.

Để thực hiện ngoại giao “tâm công”, Hồ Chí Minh một mặt sử dụng lợi thế của Việt Nam, một mặt tìm cách khơi gợi tinh thần cách mạng, lương tri dân tộc các nước. Người chú trọng, khai thác triệt để những giá trị tốt đẹp của dân tộc họ, đó là tinh thần yêu chuộng tự do, bình đẳng, bác ái. Vì vậy, trong cuộc đấu tranh giải phóng, nhân dân Việt Nam luôn nhận được sự đồng tình, ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của nhân dân châu Á, châu Phi, châu Mỹ Latinh và của các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới, kể cả những nước đi xâm lược mình. Thậm chí còn xuất hiện hiện tượng nhiều người lính Châu Âu khi tham chiến tại Việt Nam đã rời hàng ngũ chạy sang với Việt Minh. Họ từng được gọi với tên: “Những chiến sĩ da trắng của Hồ Chí Minh”. Nhà nghiên cứu Pháp Jacques Doyon đã dùng tên đó đặt cho một trong số những cuốn sách của ông.

Muốn thực hiện thành công ngoại giao “tâm công” nhất thiết phải mang danh chính nghĩa. Sự nghiệp đấu tranh của dân tộc Việt Nam vốn là sự nghiệp chính nghĩa. Đó là lợi thế của Việt Nam. Tuy nhiên, do bọn đế quốc phản động bùng nổ và xuyên tạc thông tin nên nhiều người không hiểu đúng bản chất cuộc chiến tranh cũng như thiện chí của Hồ Chí Minh và Chính phủ của Người. Bằng nhiều cách, trong đó có các cuộc tiếp xúc ngoại giao, Hồ Chí Minh loại bỏ dần tính độc quyền thông tin của chúng. Người đã giúp nhân dân thế giới, đặc biệt là nhân dân các nước đi xâm lược thay đổi cách nhìn về cuộc chiến mà nhân dân Việt Nam đang thực hiện. Vì vậy, phong trào phản đối chiến tranh ở Việt Nam ngày càng lan rộng.

Theo số liệu của Trung tâm Thông tin và tư liệu về Việt Nam tại Paris do nhà sử học Alain Ruscio làm giám đốc cho thấy, ngay từ đầu cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp tại Việt Nam, có 63% người Pháp phản đối hoặc không ủng hộ cuộc chiến, đặc biệt trước chiến dịch Điện Biên Phủ con số này lên đến 92%. Cụ thể, kết quả điều tra vào tháng 7/1947 số người tán thành chiến tranh xâm lược ở Việt Nam là 37%, tháng 10/1950 số người tán thành giảm xuống 27%, tháng 5/1953 là 21% và đến tháng 2/1954 chỉ còn 8% [96, tr.12].

Giai đoạn chống Mỹ, Hồ Chí Minh coi trọng thức tỉnh lương tri nhân dân Mỹ và nhân dân các nước chống đế quốc Mỹ, kẻ thù số một của loài người và hòa bình thế giới. Người gắn phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân sinh, dân chủ của các nước trên thế giới với hoạt động chống chiến tranh, đòi Mỹ rút quân, chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam. Hồ Chí Minh thật thà bày tỏ với nhân dân Mỹ: “Nhân dân Việt Nam hiểu rõ rằng nhân dân Mỹ muốn sống hòa bình và hữu nghị với các dân tộc khác. Tôi đã đến nước Mỹ, tôi hiểu nhân dân Mỹ rất trọng chính nghĩa và có nhiều tài năng” [75, tr.328].

Kết quả của ngoại giao “tâm công” Hồ Chí Minh là nhiều người nản lòng, hoặc trung lập, thậm chí đứng về phía Việt Nam trong cuộc chiến tranh chống đế quốc. Nhà bình luận Oanton Lipman thốt lên: “Lương tâm người Mỹ nổi giận...cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam là cuộc chiến tranh không được lòng dân nhất trong lịch sử Hoa Kỳ” [2, tr.262] và điều đó khiến đế quốc Mỹ bị cô lập ngay trên đất nước mình. Ngoại trưởng Mỹ Henry Kisingger cay đắng thừa nhận: “Mỹ đã thua trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam ngay tại nước Mỹ” [10, tr.196].

Thức tỉnh lương tri được nhìn nhận là hành động tự giác, nghệ thuật chiếm giữ lòng người của Hồ Chí Minh. Apden Malech Khalin thừa nhận: “Nếu Việt Nam là sự thức tỉnh lương tri của thời đại chúng ta, thì Cụ Hồ Chí Minh là người tạo ra lương tri đó” [60, tr.105].

Sự cao cả về mục tiêu lý tưởng, uyên bác về trí tuệ, lịch lãm trong phong cách, tinh tế trong ứng xử của Hồ Chí Minh tham gia vào ngoại giao “tâm

công” một cách tự nhiên. Những nhân tố này cho phép Hồ Chí Minh chiếm trọn niềm tin và nhận được sự ủng hộ, tán thành, giúp sức nhiệt tình của nhiều người. Không chỉ các chính khách, những người cách mạng, nhân dân tiến bộ mà ngay cả những nhà khoa học cũng bị Hồ Chí Minh thuyết phục. Hai nhà khoa học nổi tiếng thế giới Joliot Curie khi nói chuyện cùng Hồ Chí Minh đã tỏ ra rất sốt sắng, đồng tình với cuộc vận động độc lập của Việt Nam. Ông Curie chân thành bày tỏ, khoa học Pháp sẽ sẵn lòng giúp đỡ khoa học Việt Nam tiến bộ mau [22, tr.113].

Ngoại giao “tâm công” Hồ Chí Minh không phải là cách làm cho người khác cảm thấy thương hại mình, ban phát lòng thương. Tâm công của Hồ Chí Minh là cách tấn công vào lòng người, buộc người khác tự thấy phải quan tâm, trăn trở trước những giá trị cao quý của cuộc sống mà chính họ cũng đang mong muốn đang bị trà đạp. Họ tự thấy có trách nhiệm phải làm, nên làm và cần làm nếu không muốn lương tâm cắn rứt.

Ngoại giao “tâm công” Hồ Chí Minh mang sức mạnh của đạo đức và trí tuệ, là đỉnh cao của nghệ thuật chinh phục trái tim và khối óc người khác. Ngoại giao “tâm công” Hồ Chí Minh không đơn giản chỉ là phương pháp ngoại giao mà là nghệ thuật ngoại giao - Nghệ thuật chinh phục nhân tâm.

3.2. GIÁ TRỊ VĂN HÓA NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH

3.2.1. Giá trị lý luận

Giá trị của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện trước hết là sự kết tinh tinh hoa văn hóa, tri thức, kinh nghiệm ngoại giao dân tộc với tinh hoa văn hóa, tri thức ngoại giao nhân loại. Việt Nam vốn có một trường phái ngoại giao riêng được hình thành và phát triển trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Trường phái ngoại giao đó góp phần làm nên lịch sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam. Những giá trị tích cực, những kinh nghiệm ngoại giao quý báu của cha ông đã được Hồ Chí Minh kế thừa, tiếp dẫn và được hóa thân nhuần nhuyễn trong lối tư duy, ứng xử ngoại giao Hồ Chí Minh. Tuy nhiên nếu

chỉ dừng lại ở văn hóa ngoại giao truyền thống thì Hồ Chí Minh chưa thể giải quyết tốt các mối quan hệ bang giao phức tạp trong thời kỳ hiện đại. Hồ Chí Minh thiên tài ở chỗ đón bắt dòng chảy của văn hóa ngoại giao dân tộc, khơi tiếp dòng chảy đó, đồng thời bổ sung thêm nguồn năng lượng mới dồi dào và mạnh mẽ bằng tinh hoa văn hóa ngoại giao nhân loại. Qua lăng kính chủ quan của Hồ Chí Minh, những nhân tố ngoại lai được chắt lọc, gọt giũa để phù hợp với đặc tính văn hóa ngoại giao Việt Nam tham gia giải quyết thành công các vấn đề trong quan hệ quốc tế hiện đại.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đã nâng tầm và làm phong phú văn hóa ngoại giao dân tộc, định hướng cho văn hóa ngoại giao dân tộc phát triển trong thời đại mới. Bởi sự kế thừa và tiếp biến cùng tư duy cách mạng, Hồ Chí Minh tạo ra dạng văn hóa ngoại giao mới gần với nhân loại nhưng không xa lạ với truyền thống, đủ sức giải quyết chính xác những vấn đề ngoại giao Việt Nam hiện đại. Dạng văn hóa ngoại giao mới đem tới sự phong phú cho nền văn hóa ngoại giao truyền thống.

Hồ Chí Minh do sở hữu đạo đức sáng ngời, trí tuệ kiệt xuất đã chiếm lĩnh tri thức ngoại giao dân tộc và nhân loại. Người kế thừa, lĩnh hội trí tuệ dân tộc và thời đại, đưa văn hóa ngoại giao Việt Nam lên tầm cao mới. Hồ Chí Minh đã tạo nên một tầm nhìn khái quát và đầy đủ hơn về các xu hướng tư tưởng thời đại và khả năng phê phán, sàng lọc những xu hướng ấy để chọn ra hướng đi cho nền ngoại giao Việt Nam thích hợp với diễn biến của tình hình thế giới. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không chỉ chứa đựng các giá trị phù hợp với truyền thống dân tộc mà còn chuyên chở những giá trị có tính nhân loại.

Hồ Chí Minh vừa tiếp biến, vừa phục hưng và phát triển văn hóa ngoại giao dân tộc, làm phong phú thêm văn hóa ngoại giao dân tộc và nhân loại. Hồ Chí Minh đặt dấu mốc quan trọng cho sự khởi sắc của văn hóa ngoại giao dân tộc trong đa dạng văn hóa ngoại giao nhân loại. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đã đại diện cho văn hóa ngoại giao dân tộc ra ứng xử với thế giới, tham gia giải quyết nhiều vấn đề trong quan hệ quốc tế.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh còn chứa đựng những giá trị cao đẹp có tính toàn nhân loại, phản ánh khát vọng và xu hướng phát triển trong quan hệ quốc tế của nhân loại tiến bộ. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không chỉ là di sản quý giá của dân tộc Việt Nam mà của cả nhân loại. Văn hóa ấy mặc dù mang tính giai cấp, thuộc hệ văn hóa mác xít nhưng nó chứa đựng những giá trị nhân văn, nhân đạo của mọi thời đại. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh mang tinh thần vì cộng đồng, hướng tới những lợi ích chung. Nó thể hiện khát vọng lớn lao của nhân loại tiến bộ là được chung sống hòa bình, quan hệ chân thành và ứng xử văn hóa với nhau. Tư tưởng và thực tiễn hoạt động ngoại giao minh chứng Hồ Chí Minh đúng là “mẫu mực xuất chúng về mọi đức tính nhân đạo và mọi đức tính xã hội chủ nghĩa” [30, tr.290]. Hêrôminô Carêra, nhà báo Venezuela nhìn nhận: “Hồ Chí Minh là một đỉnh cao thực sự của toàn thể nhân loại về mặt đạo đức, Người là một tấm gương tuyệt vời” [100, tr.95].

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đem đến cho thế giới thông điệp về sự cần thiết phải xây dựng, nuôi dưỡng và phát triển văn hóa ngoại giao để xử lý hài hòa tất cả các mối quan hệ quốc tế. Với chiều sâu của lương tri văn hóa, Hồ Chí Minh đứng trên lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng chủ trương vận hành tư tưởng mác xít theo hệ giá trị Việt Nam. Người hướng tới việc xây dựng những mối quan hệ dựa trên cơ sở nghĩa tình, không phải trên lòng căm thù giai cấp:

Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình có nghĩa như thế. Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà. Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được [76, tr.668].

Chủ trương này không có trong lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin mà nó xuất phát từ truyền thống dân tộc và mang vóc dáng của tư tưởng nhân loại vĩ đại về xây đắp mối quan hệ quốc tế rộng lớn dựa trên nền đạo đức.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh tự bản thân nó đã chứa đựng giá trị to lớn, có sức cuốn hút mạnh mẽ với mọi người, mọi dân tộc đến từ nền văn hóa khác nhau vì nó hàm chứa tính hợp lý, hợp quy luật, được xây dựng trên nền tảng tri thức khoa học, thấu hiểu lẽ sống ở đời và triết lý nhân sinh. Những giá trị đặc sắc đó có sức lan tỏa mạnh mẽ, biên độ tác động rộng, vượt khỏi không gian Việt Nam và thời gian hiện tại để trở thành là gia tài văn hóa thế giới. Mohamet Lamari bày tỏ, Hồ Chí Minh: “Tuy thuộc nhân dân Việt Nam, Người vẫn thuộc vào gia tài của nhân loại, cái gia tài của mọi dân tộc yêu tự do, giải phóng đã phải tiến hành đấu tranh chống lại ách thực dân hay đế quốc” [60, tr.62].

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đã đóng góp cho thế giới những nguyên tắc ứng xử quốc tế và phương cách ngoại giao mới khoa học và tiến bộ, đề cao chân lý và lẽ phải để giao thiệp với nhau và một cung cách ứng xử ngoại giao đầy trách nhiệm với thế giới. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh được trang bị thế giới quan và phương pháp luận mác xít, nên có sự phát triển về chất so với văn hóa ngoại giao truyền thống. Yếu tố này quy định đặc tính khoa học và cách mạng của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Bởi tính cách mạng và khoa học, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh góp phần giải quyết đúng đắn các vấn đề ngoại giao Việt Nam với vô số các mối quan hệ quốc tế như quan hệ với các nước láng giềng, các nước xã hội chủ nghĩa, các nước lớn và quan hệ với các nước có chế độ chính trị và văn hóa khác mình...

Văn hóa ngoại giao của Hồ Chí Minh không chỉ có cơ sở khoa học mà còn dựa trên truyền thống dân tộc và giành được tính chính danh vì phục vụ lợi ích dân tộc, lợi ích nhân loại. Chính vì vậy văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh gia tăng sức mạnh, chiếm được ưu thế trước đối phương, tranh thủ sự hỗ trợ to lớn của nhân loại tiến bộ. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh vận hành trên trục chính là chân, thiện, mỹ; thấm đẫm tinh thần khoan dung; đề cao sự tin cậy, chân thành, tín nghĩa, vì lợi ích dân tộc và cộng đồng trong xây dựng các mối quan hệ bang giao. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không chỉ thuộc vấn đề

văn hóa, mà còn thuộc cả vấn đề đạo đức, chính trị và xã hội, chứa đựng ước vọng của nhân loại tiến bộ. Minh chứng là vào năm 1995, UNESCO đã thống nhất lấy ngày 16/11 hằng năm để kỷ niệm Ngày Quốc tế Khoan dung.

Bằng hoạt động ngoại giao của mình, Hồ Chí Minh đã chứng minh sự thành công trên thực tiễn của phương cách ngoại giao không dùng thủ đoạn, bạo lực hay những lực lượng vật chất để đạt kết quả đàm phán, thương lượng mà bằng chiến lược văn hóa ngoại giao. Tư tưởng trên là đạo đức ngoại giao Hồ Chí Minh, một đặc trưng thể hiện tính vượt trội, mang tầm thời đại của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Endo Anhôléttti thuộc Ủy ban Italia đấu tranh cho hòa bình và tự do ở Việt Nam xem Hồ Chí Minh là “biểu tượng của tự do, công lý và hòa bình trên thế giới” [60, tr.35].

3.2.2. Giá trị thực tiễn

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh góp phần quan trọng làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam nói chung và ngoại giao nói riêng. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là sức mạnh nội sinh, một nhân tố góp phần tạo nên những thành công rực rỡ cho nền ngoại giao cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX. Nó tạo điều kiện cho ngoại giao Việt Nam làm nên kỳ tích chưa từng có trong lịch sử, khẳng định vị thế của mình, mở rộng quan hệ với nhiều nước, thậm chí thiết lập được mối quan hệ ngang hàng, bình đẳng. Nhờ đó ngoại giao Việt Nam thực sự thăng hoa trong vai trò của mình ở một nước độc lập có chủ quyền. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh góp phần hiện thực hóa mục tiêu của cách mạng Việt Nam là Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa Xã hội.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh làm nên diện mạo mới, vị thế mới cho ngoại giao Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh định hướng xây dựng nền ngoại giao Việt Nam hiện đại với lối tư duy cách mạng, linh hoạt, nhân văn, tiến bộ, đa phương rộng mở. Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, ngoại giao truyền thống đã từng khẳng định vai trò quan trọng của mình đối với vận mệnh dân tộc. Tuy nhiên nó trở nên bất lực, không thực hiện được vai trò của mình trước thực tiễn đầy biến động. Đặc điểm dân tộc và thời đại

yêu cầu phải có nền ngoại giao phù hợp vận hành trong một hệ giá trị mới. Hồ Chí Minh kiến tạo thành công nền ngoại giao của một Nhà nước độc lập với một diện mạo mới. Hồ Chí Minh là người khai khẩn con đường ngoại giao hiện đại đầy sinh khí, đưa Việt Nam chủ động hội nhập với thế giới muôn phương.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh góp phần quảng bá vẻ đẹp của con người, đất nước Việt Nam. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trở thành niềm tự hào của dân tộc Việt Nam, là biểu tượng cho vẻ đẹp của con người, đất nước Việt Nam. Qua Hồ Chí Minh nhân loại biết đến một dân tộc anh hùng, yêu chuộng hòa bình, công lý, thành thực muốn làm bạn với mọi quốc gia trên thế giới, một dân tộc vô cùng hấp dẫn bởi truyền thống, con người và cuộc đấu tranh chính nghĩa mà họ thực hiện. Một dân tộc “đấu tranh cho những quyền dân tộc thiêng liêng của mình, đồng thời đấu tranh cho sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới” [75, tr.557].

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thấm đẫm chủ nghĩa nhân văn cao cả đã cuốn hút, tác động mạnh mẽ đến cách nhìn nhận của nhiều người về Việt Nam và lãnh tụ dân tộc. Nhà bác học Anh, Huân tước B. Rusel mặc dù định kiến với chủ nghĩa cộng sản nhưng tỏ ra rất khâm phục và kính trọng người lãnh tụ cộng sản Hồ Chí Minh ở khía cạnh nhân văn. Ông còn đứng ra lập Tòa án quốc tế để lên án tội ác chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam [98, tr.10].

Văn hóa ứng xử ngoại giao Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực cho cán bộ làm ngoại giao, những cá nhân, tổ chức Việt Nam trong quá trình giao lưu với bè bạn quốc tế học tập. Những kinh nghiệm xử trí, những tình huống phức tạp phải giải quyết, cách ngoại giao với bè bạn quốc tế... là tư liệu quý giá, tấm gương sống giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngoại giao, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ đủ đức, đủ tài, đủ bản lĩnh gánh vác những nhiệm vụ khó khăn đặt ra trong bối cảnh phức tạp, nhiều biến động.

Hồ Chí Minh là người gieo những hạt giống nhân tính trong tất cả các mối quan hệ ngoại giao, thúc đẩy sự phát triển các giá trị tiến bộ trong đời sống chính trị thế giới hiện đại. Hồ Chí Minh đã rất nỗ lực, tích cực trong các

hoạt động ngoại giao góp phần làm cho thế giới hiểu nhau hơn, tin cậy nhau hơn, xích lại gần nhau hơn. Người mở ra một hướng quan hệ ngoại giao giữa các nước với nhau trên cơ sở niềm tin, hợp tác, vì các giá trị tốt đẹp. M.Ahmed

- Giám đốc tổ chức UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương phát biểu nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân loại bị đô hộ mà còn là một nhà hiền triết hiện đại mang lại viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này” [109, tr.22]. Cho dù không cùng quan điểm và xu hướng chính trị, nhưng những cống hiến chứa đựng các giá trị nhân văn đã đủ xác lập vị trí vững chắc của Hồ Chí Minh trong trái tim muôn triệu con người.

Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc Việt Nam những bài học kinh nghiệm vô cùng quý giá trong xử lý các vấn đề quan hệ quốc tế, là cơ sở lý luận để Đảng xây dựng đường lối ngoại giao hiện đại. Đường lối đó thuận theo yêu cầu lịch sử, phù hợp với xu thế vận động của nhân loại là độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, nhân văn, hợp tác và phát triển. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với Việt Nam thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, mà hiện nay, nó vẫn còn nguyên giá trị như một hình mẫu trong việc ứng xử quốc tế.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là cơ sở lý luận để Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng đường lối ngoại giao, định hướng cho các nhà khoa học, các nhà ngoại giao nghiên cứu, đề xuất các quyết sách đối ngoại phù hợp cho Việt Nam trong quan hệ với các quốc gia khác thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Bà Katherine Muller - Marin trưởng đại diện Văn phòng UNESCO Hà Nội tại Hội thảo khoa học quốc tế “Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay” năm 2010 phát biểu rằng: “Có được một vị Chủ tịch như Hồ Chí Minh... giống như có được một biểu tượng giúp chúng ta có được một tầm nhìn, chỉ cho đất nước một bến đỗ an toàn. Và hơn thế, một lãnh tụ như thế cũng chỉ cho ta cách kiểm soát phong ba bão táp thông qua lòng tự hào, lao động cần cù và quan hệ hòa hiếu”.

Tiểu kết chương 3

Hồ Chí Minh là nhà ngoại giao kiệt xuất, người kiến trúc sư thiên tài của nền ngoại giao Việt Nam. Người đem đến một cách nhìn mới, quan niệm mới và một vận hội mới chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Trên thế giới có nhiều người đã viết lên thời đại của mình bằng những cống hiến vĩ đại. Nhưng, viết lên bằng cống hiến vĩ đại trên lĩnh vực ngoại giao gắn liền với một nhân cách lớn như Hồ Chí Minh thì rất hiếm. Người để lại dấu ấn đậm nét trong lịch sử phát triển dân tộc và nhân loại bởi một kiểu văn hóa ngoại giao đặc sắc. Văn hóa ấy là sức mạnh của ngoại giao Hồ Chí Minh, sức mạnh của sự cảm hóa và sức hấp dẫn kỳ diệu.

Văn hóa ngoại giao thể hiện trí tuệ, nhân cách Hồ Chí Minh. Nó hàm chứa giá trị nhân văn, nhân đạo cao cả, đề cao nguyện vọng cũng như trách nhiệm đối với bản thân và cộng đồng nhân loại. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là văn hóa khoan dung, trọng tình, nhân ái và ứng xử chân thành với nhau. Đây là những giá trị cao đẹp hợp với đạo lý, hợp với lòng người, phản ánh khát vọng của nhân loại tiến bộ toàn thế giới. Vì thế, dù mang tính giai cấp, thuộc hệ văn hóa mác xít nhưng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh lại có sức lan tỏa mạnh mẽ, biên độ tác động rộng vượt khỏi không gian và thời gian hiện tại. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh hình thành ở con người mang nhiều sứ mệnh: Nhà cách mạng, nhà chính trị, nhà văn hóa, nhà ngoại giao. Đặc trưng cơ bản của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là chân, thiện, mỹ kết tụ và tỏa sáng trong tư tưởng, phương pháp, phong cách, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh; trí tuệ ngoại giao uyên bác và bản lĩnh độc lập, tự chủ, sáng tạo; ngôn ngữ ngoại giao hàm xúc, dễ hiểu và có tính thuyết phục cao; ứng xử ngoại giao tự nhiên, tinh tế, mang thông điệp hòa bình; vận dụng nhuần nhuyễn phương pháp “Dĩ bất biến ứng vạn biến” và phát huy nghệ thuật ngoại giao “tâm công”.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chứa đựng những giá trị to lớn về mặt lý luận và thực tiễn. Nó góp phần giải quyết và làm sáng tỏ nhiều vấn đề của ngoại

giao Việt Nam cũng như thế giới mà trước hết là việc xây dựng quan hệ quốc tế vì nền hòa bình và phát triển. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là cơ sở để nhân dân loại củng cố niềm tin, niềm hy vọng về một thế giới hòa bình, thân ái sẽ thành hiện thực. Đây vốn là giấc mơ và khát vọng đẹp đẽ ngàn đời của loài người từ ngàn xưa đến nay nhưng chưa bao giờ ngự trị trên trái đất này. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Góp phần tạo dựng vị thế mới, tâm thế mới cho dân tộc Việt Nam. Làm cho Việt Nam xác lập vị trí xứng đáng trong lòng nhân dân thế giới.

Những giá trị to lớn trên phương diện lý luận và thực tiễn của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh cần được vận dụng trong xây dựng văn hóa ngoại giao Việt Nam hiện nay. Nội dung giải pháp vận dụng sẽ được xác định ở phần sau trên cơ sở phân tích bối cảnh lịch sử dân tộc, thời đại và thực trạng văn hóa ngoại giao Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Chương 4

VẬN DỤNG VĂN HÓA NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. THỰC TRẠNG VĂN HÓA NGOẠI GIAO VIỆT NAM TỪ NĂM 2001 ĐẾN NAY

4.1.1. Văn hóa ngoại giao Việt Nam trong nhận thức và xây dựng đường lối ngoại giao của Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng nền ngoại giao toàn diện phù hợp với nhiệm vụ cách mạng và đặc điểm lịch sử Việt Nam. Nền ngoại giao đó kế thừa truyền thống ngoại giao đầy hào khí dân tộc, mang dấu ấn văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nền ngoại giao Việt Nam thể hiện văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh: Giàu tính nhân văn, hòa bình hữu nghị, mềm dẻo, khoan dung, dựa trên cơ sở pháp lý, “các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng cùng có lợi,... hòa bình, hợp tác, phát triển” [17, tr.34-35], góp phần tạo nên những thắng lợi to lớn làm rạng rỡ lịch sử dân tộc Việt Nam. Nền ngoại giao vận hành trên trục chính xuyên suốt đảm bảo các giá trị chân, thiện, mỹ. Một nền ngoại giao tích cực, chủ động trong thiết lập các quan hệ quốc tế thực chất, chân thành, thể hiện tinh thần Việt Nam, trách nhiệm Việt Nam “góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới” [17, tr.35].

Nhận thức của Đảng, Nhà nước đối với xây dựng văn hóa ngoại giao thời kỳ hội nhập quốc tế ngày càng rõ. Phương hướng, cách đi, mục tiêu, giá trị cốt lõi của ngoại giao ngày càng thể hiện diện mạo văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Đại hội lần thứ IX, năm 2001, Đảng ta khẳng định: “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” [20, tr.34] với chủ trương “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế” [20, tr.94]. Đại hội lần thứ X, năm 2006, trên tầm tư duy mới, Đảng

ta tiếp tục khẳng định: “Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực” [20, tr.321], xác định “mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế” [20, tr.310].

Đại hội lần thứ XI, năm 2011, Đảng đánh dấu bước phát triển tư duy xây dựng văn hóa ngoại giao bằng việc thông qua những văn kiện quan trọng, hoàn chỉnh đường lối “Độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng thế giới; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh” [18, tr.83]. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Lợi ích quốc gia, dân tộc vừa là mục tiêu vừa là nguyên tắc cao nhất của chính sách đối ngoại Việt Nam. Lần đầu tiên mục tiêu có tính chất như một chân lý được khẳng định trong đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, thể hiện sự tiếp nối quan điểm về nhiệm vụ của ngoại giao của Hồ Chí Minh: “Muốn làm gì cũng cần vì lợi ích của dân tộc mà làm” [93, tr.10].

Đại hội Đảng lần thứ XII, năm 2016, lần đầu tiên nhiệm vụ đối ngoại được đề cập trong các thành tố của chủ đề đại hội. Văn kiện của Đại hội Đảng nhấn mạnh yêu cầu mới với đối ngoại đa phương Việt Nam, đó là phải chuyển mạnh từ tham dự sang chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương. Đảng khẳng định “mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế” [17, tr.52]. Đại hội Đảng lần thứ XI, XII đều đề cập: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế” [18, tr.83-84], [17, tr.35]. Sau Đại hội Đảng lần thứ XII, ngoại giao đa phương Việt Nam liên tục phát triển và đạt được những thành tựu mới. Trong cơ chế hợp tác đa phương, Việt Nam dần chứng minh được vai trò nòng cốt chứ không chỉ tham gia và đóng góp như

trước đây, qua đó tiếp tục nâng cao vị thế và hình ảnh của Việt Nam, thúc đẩy các lợi ích của đất nước.

Chủ trương Việt Nam muốn là bạn đến sẵn sàng làm bạn; đối tác tin cậy đến thành viên có trách nhiệm; từ hội nhập kinh tế quốc tế, đến hội nhập trên tất cả các lĩnh vực; ngoại giao toàn diện trên các phương diện cho thấy sự phát triển về nhận thức của Đảng về văn hóa ngoại giao ngày càng đúng đắn, đầy đủ hơn. Sự phát triển này phản ánh Việt Nam đã có tâm thế của quốc gia có chủ quyền, đầy trách nhiệm và đáng tin cậy trước cộng đồng thế giới. Qua đó khẳng định vị thế và uy tín của Việt Nam đã được nâng cao trên trường quốc tế.

Tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội Khóa XIV nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật Quốc phòng (Luật số 22/2018/QH14), có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. Khoản 3, Điều 4 của Luật có nghị: “Thực hiện đối ngoại quốc phòng phù hợp với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chống chiến tranh dưới mọi hình thức; chủ động và tích cực hội nhập, mở rộng hợp tác quốc tế, đối thoại quốc phòng, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, “Không tham gia lực lượng, liên minh quân sự của bên này chống bên kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ của Việt Nam để chống lại nước khác; không đe dọa hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế; giải quyết mọi bất đồng, tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi”. Những chính sách trên đây một lần nữa cho thấy văn hóa ngoại giao khoan dung, hòa bình, hữu nghị Hồ Chí Minh thể hiện trong quan điểm của Đảng và Nhà nước.

Đảng ta cũng chỉ đạo: “Chăm lo đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại; bồi dưỡng kiến thức đối ngoại cho cán bộ chủ chốt các cấp” [17, tr.156]; ban hành Nghị quyết 22 về Hội nhập quốc tế. Năm 2015, Bộ trưởng Bộ ngoại giao ký ban hành bộ “Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức Bộ Ngoại giao và thành viên các cơ quan đại diện nước cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt Nam ở nước ngoài”. Trong quan hệ đối ngoại, bổ sung nguyên tắc có ý nghĩa rất quan trọng là nguyên tắc “ứng xử khu vực”.

Nhìn chung, xây dựng văn hóa ngoại giao đã nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên cũng cần nhận thức rằng, khi đặt ra nhiệm vụ xây dựng nền ngoại giao toàn diện, nội dung xây dựng văn hóa ngoại giao chưa thể hiện rõ trong khi văn hóa ngoại giao là một trong những yếu tố quan trọng cấu thành nền ngoại giao mang đặc tính dân tộc Việt Nam (Nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam cho rằng bất kỳ trường phái ngoại giao nào cũng hội tụ đủ ba nhân tố: lý luận ngoại giao, thực tiễn ngoại giao và bản sắc riêng). Nhận thức về xây dựng văn hóa ngoại giao thời kỳ hội nhập quốc tế hình thành, tuy nhiên nội dung xây dựng chưa đầy đủ. Nhận thức tầm quan trọng của văn hóa ngoại giao, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chưa tương xứng với vị trí, vai trò và giá trị của nó nên thiếu sự quan tâm đúng mức tới việc vận dụng, phát huy sức mạnh. Chỉ đạo xây dựng văn hóa ngoại giao, vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh có tính tổng thể, ở tầm vĩ mô chưa được đặt ra trực tiếp, thiếu tầm nhìn dài hạn và kế hoạch cụ thể. Điều này cản trở phạm vi ảnh hưởng và việc xác lập vị trí của văn hóa ngoại giao Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

4.1.2. Văn hóa ngoại giao Việt Nam trong thực tiễn hoạt động ngoại giao

Hoàn cảnh lịch sử khác nhau, phương thức ngoại giao sẽ khác nhau nhưng Việt Nam vẫn luôn kiên trì con đường ngoại giao hòa bình, nhân nghĩa của Hồ Chí Minh. Mọi hoạt động ngoại giao Việt Nam đều hướng tới những giá trị cao đẹp, phản chiếu văn hóa ngoại giao dân tộc - văn hóa trọng đạo lý, tình nghĩa, giàu tính nhân văn. Những hành động ngoại giao của Việt Nam để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp trong lòng bạn bè quốc tế, một dân tộc nhân ái, tín nghĩa, yêu chuộng hòa bình.

Việt Nam đẩy mạnh liên kết khu vực, tích cực tham gia vào các thiết chế quốc tế đang dần xác định vai trò nhiều hơn trong các cơ chế quyết định chính sách quốc tế. Bằng những nghĩa cử nhân đạo, hành vi hợp lý, hợp tình, xử lý khéo léo nhiều vấn đề nhạy cảm..., khiến cho Việt Nam đang được thế giới nhìn nhận như một đại sứ hòa bình, một quốc gia trách nhiệm, đáng tin cậy.

Các nước, nhất là các nước trong khu vực tin tưởng Việt Nam đóng vai trò ngày càng lớn hơn trong các diễn đàn khu vực và quốc tế, trong giải quyết các vấn đề lớn của khu vực và cả vấn đề mang tính toàn cầu.

Hội nhập quốc tế, các nước có nhu cầu hợp tác với nhau. Xây dựng lòng tin trở nên cần thiết, là một trong những điều kiện hình thành, thúc đẩy và đưa vào chiều sâu các quan hệ hợp tác quốc tế. Không có lòng tin sẽ không có hợp tác chân thành, gây nghi ngờ lẫn nhau ảnh hưởng đến quan hệ quốc tế. Không chỉ chủ trương, đường lối mà cả hành động ngoại giao của Việt Nam cũng đang xác tín với thế giới. Uy tín và vị trí của Việt Nam được nâng lên. Những giá trị này mở ra cho Việt Nam triển vọng trở thành địa chỉ đáng tin cậy của khu vực và cộng đồng quốc tế, một điểm đến hấp dẫn đối với nhiều nhà đầu tư. Quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện bình đẳng, hữu nghị với Việt Nam mở rộng.

Bản chất nền ngoại giao Việt Nam là hòa bình. Mọi hoạt động ngoại giao nhất quán mục tiêu bảo vệ lợi ích dân tộc gắn liền với gìn giữ hòa bình thế giới và lợi ích chính đáng của cộng đồng quốc tế. Việt Nam chủ trương phối hợp các hình thức ngoại giao để kiểm soát mọi bất đồng. Ưu tiên giải quyết bất đồng bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế. Nỗ lực tìm kiếm một giải pháp chính trị cơ bản, lâu dài mang tính nhân văn, nhân đạo, vì con người cho mọi vương quốc.

Ứng xử ngoại giao mềm dẻo, khéo léo, “dĩ bất biến ứng vạn biến” và tinh thần hòa bình, hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền, luật pháp quốc tế giúp Việt Nam giải quyết thành công nhiều vấn đề phức tạp trong quan hệ quốc tế, nâng cao vị thế, đưa quan hệ của Việt Nam với các nước, nhất là các đối tác ưu tiên, quan trọng đi vào chiều sâu, ổn định. Quan hệ với các nước lớn tiếp tục được củng cố, phát huy mặt tích cực. Quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược được đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn.

Ngoại giao Việt Nam thể hiện vai trò tích cực, cụ thể, chủ động triển khai chiến lược đối ngoại về quốc phòng, an ninh phù hợp với tư duy mới trong bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia. Ngoại giao Việt Nam khéo léo giải quyết nhiều vấn đề tồn tại với các nước trước hết là các nước láng giềng nhờ đó những

khác biệt, mâu thuẫn nhất là vấn đề Biển Đông thời gian gần đây tuy còn trở ngại, song có xu hướng thu hẹp, đi vào đàm phán, đối thoại trên cả bình diện song phương và đa phương. Trong giải quyết vấn đề Biển Đông, Việt Nam bên cạnh thực hiện chính sách ba không như đã đề ra trong Luật Quốc phòng, còn chú ý nguyên tắc bình tĩnh và bình thường; tránh xung đột về quân sự, đối đầu về kinh tế, lệ thuộc về chính trị, bị cô lập về ngoại giao; cố gắng không để mất chủ quyền lãnh thổ, hòa bình, ổn định, tình hữu nghị với các nước; kiên quyết, kiên trì, khôn khéo, không khiêu khích, không mắc mưu khiêu khích, kiềm chế, không để nước ngoài lấn chiếm và để xảy ra xung đột. Những vấn đề trên cho thấy, phương pháp ngoại giao linh hoạt, mềm dẻo, “Dĩ bất biến ứng vạn biến” trong văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đã có sự vận dụng trong hoạt động thực tiễn ngoại giao Việt Nam.

Ngoại giao Việt Nam lấy chính nghĩa, lấy những hành động thiết thực, trách nhiệm để tâm công. Ngọn cờ chính nghĩa của Việt Nam vốn đã có sức mạnh tâm công nay được nhân lên bội phần khi Việt Nam có những đóng góp đầy trách nhiệm với thế giới. Sức mạnh chính nghĩa của Việt Nam còn được khuếch tán nhanh và mạnh hơn khi gắn với tính hợp pháp và sự hỗ trợ của truyền thông quốc tế. Những hoạt động của Việt Nam như: Đảm nhận vai trò thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009; Chủ tịch Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) năm 1998 và năm 2010; tổ chức thành công Hội nghị Thượng đỉnh Á - Âu lần thứ 5 (ASEM 5) năm 2005, Hội nghị cấp cao diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 2006, năm 2017, Đại hội đồng liên minh nghị viện thế giới lần thứ 132 (IPU - 132) năm 2015, Hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Triều năm 2019.... đã thu hút sự quan tâm của truyền thông quốc tế. Nhiều hãng truyền thông lớn trên thế giới đưa tin về Việt Nam. Truyền thông quốc tế hỗ trợ truyền thông trong nước lan truyền những thông tin chân thực, tích cực về Việt Nam tới thế giới, làm cho cộng đồng quốc tế tăng thêm hiểu biết, thiện cảm và ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam.

Thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiềm ẩn nhiều bất trắc khó lường nhưng ngoại giao Việt Nam vẫn kiên trì nuôi dưỡng lòng khoan dung. Khoan dung không chỉ với các nước đã xâm lược mình mà còn trong giải quyết mọi va chạm, xung đột nảy sinh với các quốc gia khác. Khép lại quá khứ, hướng tới tương lai thể hiện sự tiếp nối văn hóa ngoại giao khoan dung Hồ Chí Minh. Nhân ái, khoan dung làm cho ngoại giao tăng thêm sức mạnh, nó tạo tính cởi mở cho ngoại giao Việt Nam. Người Mỹ tỏ lòng khâm phục và ca ngợi tinh thần khoan dung, nhân ái Việt Nam. Họ rất ngạc nhiên trước lòng khoan dung của người Việt. Với họ, đó là một hiện tượng khó diễn ra ở một quốc gia cựu thù nào khác của nước Mỹ.

Nhìn nhận chung về đội ngũ cán bộ ngoại giao Việt Nam cho thấy, về cơ bản họ có trình độ cao, bản lĩnh chính trị vững vàng, nhận thức rõ trách nhiệm của mình với đất nước. Cán bộ ngoại giao luôn cố gắng học hỏi, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, làm giàu vốn hiểu biết của mình, giữ gìn văn hóa ngoại giao dân tộc. Về đội ngũ, có lớp cán bộ già giàu tâm huyết, dày kinh nghiệm trong ngoại giao và lớp cán bộ trẻ tài năng được đào tạo trong môi trường hội nhập quốc tế năng động, luôn tích cực kết nối Việt Nam với thế giới năm châu, xây tình hữu nghị.

Mặc dù trong thực tiễn hoạt động ngoại giao, văn hóa ngoại giao Việt Nam đã biểu hiện sống động, nhiều kết quả tích cực, nhưng khách quan đánh giá vẫn còn tồn tại hạn chế. Mặc dù khẳng định đi trên con đường ngoại giao hòa bình, nhưng thế giới vẫn chưa thấy hết thành ý của Việt Nam. Việt Nam rất chân thành, thiện chí, hành động cao cả vì nghĩa lớn nhưng không phải lúc nào, việc nào cộng đồng quốc tế cũng hiểu đúng và đầy đủ lập trường của Việt Nam nhất là khi thế giới đầy phức tạp và sự chân thành, trách nhiệm, khoan dung... trở thành điều mong ước nhưng quá xa vời. Vì lý do đó, sự ủng hộ Việt Nam ở một số vấn đề còn thiếu tích cực.

Cán bộ ngoại giao chưa đồng đều về chất lượng, một số chưa có kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực, chưa nắm vững luật pháp quốc tế. Còn cán bộ ngoại giao thiếu tính chuyên nghiệp, ứng xử rụt rè, tự ti, chưa văn minh, chưa thể hiện

thuần phong mỹ tục và phong thái ngoại giao văn hóa. Không phải mọi cán bộ ngoại giao ở mọi nơi “đều thể hiện được nét văn hóa cần có của một người Việt Nam thanh lịch chứ chưa nói đến một nhà ngoại giao hào hoa” [14, tr.38]. Có cán bộ xử lý tình huống ngoại giao chưa nhanh nhạy, cập nhật và sử dụng thông tin thiếu hiệu quả; khả năng diễn thuyết, trình bày vấn đề ngoại giao còn công thức, thiếu tính thuyết phục với những bài diễn văn khô khan, sáo rỗng, văn phong không ăn nhập với không gian văn hóa của người nghe, không chuyển tải được thông điệp và để lại ấn tượng cho người khác.

Mỗi cán bộ ngoại giao dù công tác ở trong nước hay nước ngoài đều là người truyền tải văn hóa ngoại giao. Nhà ngoại giao “thực sự là những người am hiểu văn hóa và hành xử như những nhà văn hóa” [14, tr.47] chưa nhiều. Hình ảnh một số cán bộ ngoại giao trong các cuộc tiếp xúc ngoại giao, trước ống kính truyền thông quốc tế chưa đạt tầm văn hóa cũng ảnh hưởng tới hình ảnh dân tộc, đất nước.

Ngoại giao tuy đã chú trọng vai trò của truyền thông, nhưng hình ảnh Việt Nam vẫn chưa xuất hiện nhiều trên các kênh truyền hình quốc tế. Ngoại giao Việt Nam chưa khai thác hết lợi thế của truyền thông, thông tin cập nhật chậm nên có lúc xử lý vấn đề chưa sát, chưa trúng, nhiều vấn đề bỏ ngỏ để “tài nguyên” ngoại giao rơi vào tay người khác. Công tác tuyên truyền và cung cấp thông tin cho quốc tế nhiều lúc còn yếu. Mặt trận tuyên truyền và thông tin cho quốc tế dù nỗ lực, cố gắng nhưng vẫn còn nhiều bất cập thậm chí có lúc bị sơ hở. Công tác thông tin đối ngoại không chủ động, thiếu sức thuyết phục, hình thức nghèo nàn, tuy đã cải thiện đáng kể, song còn xa so với yêu cầu. Tác giả Nguyễn Vũ trong tờ Thời báo kinh tế Sài Gòn có nhận định rất đáng chú ý rằng chúng ta cần thừa nhận đã thua một bước trong cuộc chiến thông tin. Nhưng muộn còn hơn không. Phải bắt tay ngay vào xây dựng một chiến lược cụ thể, trong đó tâm điểm là cung cấp thông tin rộng rãi cho báo chí trong và ngoài nước, kể cả đưa thông tin đúng đắn trên các nguồn phi chính thống như mạng xã hội.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh có sức mạnh to lớn góp phần tạo nên sức mạnh mềm không thua kém các quốc gia khác. Tuy thời gian qua, văn hóa ngoại

giao Hồ Chí Minh đã được khai thác, vận dụng nhưng chưa huy động hết tiềm năng của mình. Nhận thức tầm quan trọng của văn hóa ngoại giao, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chưa tương xứng với vị trí, vai trò và giá trị của nó. Văn hóa ngoại giao Việt Nam chưa định hình rõ diện mạo trong quan hệ quốc tế thời kỳ hội nhập.

4.1.3. Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế

4.1.3.1. Nguyên nhân của những thành tựu

Hội nhập quốc tế đã tạo cơ hội cho văn hóa ngoại giao nước ta phát huy vai trò của nó. Vì muốn mở rộng giao lưu hợp tác phải có cơ sở để thiết lập các mối quan hệ ấy. Văn hóa ngoại giao là chất kết nối quan trọng cho tất cả mọi mối quan hệ.

Đảng ta đã có những nhận thức ngày càng đúng đắn về vị trí, vai trò và giá trị của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh để chỉ đạo vận dụng đúng đắn trong bối cảnh mới. Sự điều hành năng động, chủ động, linh hoạt của Đảng, sự quan tâm của Nhà nước khi dành thời gian, công sức và nguồn lực cho công tác ngoại giao, sự vào cuộc và hoạt động tích cực của tất cả các ngành, các cấp, trong đó ngành ngoại giao tạo điều kiện cho văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh có cơ hội thể hiện.

Sự đồng thuận trong đường lối chỉ đạo của Đảng với sự phối hợp tích cực của các chủ thể ngoại giao mà trước hết là cán bộ ngoại giao nhằm triển khai hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ ngoại giao, hình thành mặt trận ngoại giao thống nhất.

Văn hóa ngoại giao Việt Nam sở hữu lợi thế mà nhiều quốc gia khác không dễ gì có được đó là hình thành trong một dân tộc có bề dày văn hóa, một dân tộc theo đuổi sự nghiệp chính nghĩa và một cơ sở vững chắc là văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh nên có điều kiện thuận lợi phát triển. Nền văn hóa ngoại giao này chứa đựng tiềm năng dồi dào, khả năng tạo ra cho dân tộc sức mạnh mềm không thua kém bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Tinh hoa văn hóa ngoại giao dân tộc đã và đang được kế thừa, phát huy trong công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước thời kỳ hội nhập quốc tế.

Các chủ thể ngoại giao, trong đó có các cán bộ ngoại giao được sinh ra và nuôi dưỡng trong dòng văn hóa ngoại giao độc đáo cũng không dễ dàng lãng quên truyền thống đã đi sâu vào tâm thức con người, đất nước Việt Nam.

Các xu hướng lớn trong cục diện thế giới cơ bản có lợi cho sử dụng văn hóa ngoại giao. Thế giới ngày nay tình hình tuy phức tạp và biến động khó lường nhưng không vì thế mà thay đổi khát vọng của mọi chủ thể là hòa bình, hợp tác, cùng phát triển.

Thế giới có nhiều cách ngoại giao với nhau, dùng văn hóa ngoại giao là cách một số nước thực hiện. Việt Nam vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, văn hóa ngoại giao hòa bình đề cao chân thành, tín nghĩa là lựa chọn đúng đắn, bởi nó không chỉ phát huy lợi thế Việt Nam mà còn phù hợp xu thế thời đại.

4.1.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Công tác nghiên cứu văn hóa ngoại giao, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chưa được quan tâm đúng mức. Chưa có chỉ đạo trực tiếp về nghiên cứu, vận dụng và phát triển văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Hội thảo, hội nghị, báo cáo tổng kết đánh giá thực trạng văn hóa ngoại giao Việt Nam, văn hóa ngoại giao trong bối cảnh hội nhập quốc tế với tư cách một nội dung độc lập chưa được tổ chức. Mặc dù đã xuất hiện một số buổi nói chuyện chuyên đề về văn hóa ngoại giao, tấm gương nhà ngoại giao Hồ Chí Minh nhưng khá mờ nhạt. Còn thiếu vắng những cuộc vận động, tuyên truyền học tập và vận dụng di sản văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh mang tính quy mô. Đây là nguyên nhân hệ thống lý luận về văn hóa ngoại giao, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chưa thật vững chắc và thuyết phục.

Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược còn hạn chế, chưa nghiên cứu, đánh giá đầy đủ và theo kịp sự biến động nhanh, mạnh, bất ngờ của đối tác nhất là các điều chỉnh chiến lược của các nước lớn để lường hết tính phức tạp mà ứng phó cho thật phù hợp.

Cơ chế chỉ đạo, quản lý thống nhất về xây dựng văn hóa ngoại giao Việt Nam, văn hóa ngoại giao cho cán bộ ngoại giao, các chủ thể ngoại giao của

Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước chưa thể hiện hết tính cấp bách, cần thiết. Chưa có kế hoạch lâu dài, cụ thể về giáo dục, bồi dưỡng, đánh giá cán bộ ngoại giao trên phương diện văn hóa ngoại giao.

Cán bộ ngoại giao dành sự quan tâm lớn hơn đến nghiên cứu các vấn đề chính trị, kinh tế nên còn coi nhẹ việc đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu văn hóa ngoại giao cho dù văn hóa ngoại giao thường biểu hiện và để lại dấu ấn trong đời sống chính trị, kinh tế cũng như chính sách và cách hành xử đối ngoại của mỗi quốc gia.

Hội nhập quốc tế tức là tham gia sân chơi thế giới, chắt lọc tinh hoa văn hóa ngoại giao nhân loại làm giàu cho mình. Việc mở rộng quan hệ bốn phương vừa phát triển, bảo vệ dân tộc vừa khẳng định, tạo lập ảnh hưởng của dân tộc trong thế giới không phải là công việc mau chóng và dễ làm, nó là một nhiệm vụ mang tầm chiến lược, một cuộc chiến đầy khó khăn, đòi hỏi phải vận dụng sáng tạo văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng Việt Nam và một thế giới đầy biến động hiện nay.

4.2. YÊU CẦU VẬN DỤNG VĂN HÓA NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.2.1. Tác động của hội nhập quốc tế đến việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh

Hiện nay, tình hình thế giới, khu vực và trong nước chứa đựng nhiều nhân tố phức tạp, khó lường, nhưng “hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn” [17, tr.18]. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh, tác động đến các nước trong đó có Việt Nam.

Hòa bình hiện nay hiểu là trạng thái các quốc gia sẵn sàng dàn xếp tranh chấp bằng đàm phán, thương thuyết thay cho bạo lực. Dẫu vẫn tồn tại cạnh tranh và nguy cơ loại trừ nhau, song xu hướng thỏa hiệp, hợp tác, đôi bên cùng thắng là lựa chọn chính của các quốc gia. Đây cũng là cách tốt nhất đảm bảo lợi ích lâu dài cho mỗi dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định “Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước nhất là các nước lớn ngày càng

gia tăng” [17, tr.70] là điều kiện cho nền hòa bình tương đối được duy trì nhưng tiềm ẩn nhiều nguy cơ khó lường.

Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, tăng cường cạnh tranh và chạy đua về kinh tế, ưu tiên hơn cho việc tập trung nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển đất nước. Họ quan tâm xây dựng hình ảnh trách nhiệm với nền hòa bình toàn cầu. Họ cố gắng duy trì mối quan hệ ổn định với nhau và với thế giới, ít lòng ham muốn đi chinh phục quốc gia khác, trừ khi sự tồn vong của dân tộc bị đe dọa. Các nước nhỏ có tiếng nói nhất định bởi tham gia tích cực vào việc cải cách, giữ gìn ổn định thế giới. Đặc điểm này tác động mạnh mẽ đến cục diện thế giới và khu vực.

Các chủ thể tham gia hội nhập quốc tế buộc phải thống nhất với nhau cùng đưa ra những thể chế khu vực và toàn cầu để vận hành các mối quan hệ. Những cam kết, thống nhất giúp giảm thiểu khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. An ninh khu vực sẽ tiếp tục giữ vững trong những năm tới. Ngoại giao được đề cao, đóng vai trò quan trọng cho việc kiến tạo hòa bình thế giới và duy trì ổn định các mối quan hệ.

Thế giới đang trong thời kỳ quá độ hình thành trật tự mới - trật tự đa cực. Theo nhận định của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII: “Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn” [17, tr.71]. Quan hệ giữa các nước lớn tiếp tục biến động, chưa dừng lại và định hình một cách rõ ràng. Tất cả các nước đều thể hiện hết sức thận trọng trong mọi quyết định của mình. Không một quốc gia, một nhóm, một tổ chức nào trên thế giới vượt trội quá lên. Mỹ tuy vẫn giữ vị thế hàng đầu, nhưng đã và đang có sự suy giảm tương đối trên “bàn cờ lớn”. Một số nước mới nổi, trỗi dậy, cạnh tranh ngày càng gay gắt với Mỹ nhưng luôn cố gắng tránh rơi vào thế đối đầu.

Cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, góp thêm một loại sức mạnh mềm thông minh. Cuộc cách mạng này tác động đến quan hệ quốc tế, giúp cho giao lưu quốc tế có cường độ ngày càng cao, phạm vi ngày càng rộng. Ngoại giao kỹ thuật số xuất hiện, ảnh hưởng trực tiếp đến cách thức ngoại giao. Công nghệ truyền thông hiện đại thúc đẩy sự phát triển và lan rộng

của chủ nghĩa dân tộc dẫn đến khó khăn trong đánh thức các đế chế thống trị xã hội. Tuy nhiên “những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế. Các thể chế đa phương đứng trước những thách thức lớn” [17, tr.71].

Cùng với sự phát triển của cách mạng công nghệ lần thứ tư, internet, mạng xã hội, xuất hiện một hình thái chiến tranh mới là chiến tranh trên không gian mạng tiềm ẩn sức mạnh khủng khiếp đe dọa an ninh và sự tồn tại của chế độ chính trị - xã hội của từng quốc gia dân tộc.

Được hiện đại hóa khích lệ, nền chính trị toàn cầu đang tái định hình trên cơ sở các dòng văn hóa. Các dân tộc và quốc gia có nền văn hóa tương đồng nhóm lại với nhau. Các dân tộc và quốc gia có nền văn hóa khác nhau tách nhau ra. Những mối liên kết được xác lập theo hệ tư tưởng. Các mối quan hệ siêu cường đang nhường chỗ cho những mối liên kết dựa trên cơ sở văn hóa và văn minh. Các ranh giới chính trị cũng được định hình lại để phù hợp với các ranh giới văn hóa như dân tộc, tôn giáo và nền văn minh. Các cộng đồng văn hóa đang dần thay thế các khối liên kết trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh [126, tr.193].

Sự cạnh tranh mạnh mẽ về sức mạnh tổng hợp quốc gia không chỉ bao gồm cạnh tranh về thực lực kinh tế, khoa học kỹ thuật, quốc phòng mà còn bao gồm cả cạnh tranh về năng lực văn hóa... Trọng tâm kinh tế thế giới chuyển sang một hình thái hoàn toàn mới. Tạo ra “sức hút văn hóa” trở thành lĩnh vực sản xuất kinh doanh lớn và mới nhất [35, tr.286]. Dân tộc có năng lực văn hóa dễ thu hút sự lựa chọn của các dân tộc khác. “Đặc sắc văn hóa là điều kiện giúp cho hội nhập nhanh hơn và có hiệu quả hơn” [35, tr.272]. Văn hóa đang và sẽ trở thành phương thức quan trọng giúp các quốc gia, dân tộc khẳng định vị trí của mình trên thế giới. Trong quan hệ quốc tế, quan hệ văn hóa ngày càng được coi trọng do chứa đựng khả năng phát triển hài hòa, vừa giúp nâng cao hình ảnh quốc gia, vừa thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau, thu hẹp khác biệt giữa các nước, tạo nền tảng vững chắc giải quyết tốt mối quan hệ trên nhiều lĩnh vực khác.

Sức mạnh quân sự là một bộ phận quan trọng của sức mạnh quốc gia, luôn được tính đến trong chính sách quan hệ quốc tế và nền chính trị quốc tế. Tuy

nhiên các nước phải lường trước việc sử dụng quân sự sẽ gây nguy hiểm cho các mục tiêu của mình. Tiến bộ khoa học công nghệ làm cho nhiều nước có thể trở thành siêu cường bởi sở hữu sức mạnh quân sự chưa từng có, nhưng đồng thời kéo theo hệ lụy là gia tăng các chi phí chính trị và xã hội. Vũ khí hạt nhân trước đây từng được chấp nhận với vai trò răn đe giờ trở thành hạn chế vì sức hủy diệt của nó quá lớn.

Quân sự không còn là giải pháp ưu tiên giải quyết mọi mâu thuẫn trong quan hệ quốc tế, đặc biệt vấn đề tôn giáo. Chủ nghĩa khủng bố phát triển một phần chịu sự chi phối của những giáo lý cực đoan đã lôi kéo hàng tỷ người tin theo. Một số tổ chức tôn giáo như tổ chức Hồi giáo IS đứng ra thành lập quốc gia riêng, có lãnh thổ và lực lượng hùng hậu. Được sự hỗ trợ tích cực của khoa học công nghệ, mạng lưới tổ chức này “biến hình”, “di căn” phức tạp, duy trì tồn tại dưới dạng vương triều ảo. Chúng lợi dụng, sử dụng internet như một loại vũ khí tuyên truyền, kích hoạt gien cực đoan của cá nhân ở khắp nơi, biến họ trở thành những “con sói đơn độc” tấn công khôn lường, đe dọa tình hình an ninh thế giới.

Những đặc điểm trên đã và đang chi phối nhận thức, quan điểm chính trị, lợi ích cũng như phương thức bảo vệ lợi ích của từng nước. Các công cụ chiến lược được sử dụng toàn diện hơn trên mọi lĩnh vực. Các nước, kể cả nước lớn phải nhìn nhận, xem xét, phân tích khách quan, toàn diện các yếu tố để điều chỉnh chiến lược phát triển cũng như chiến lược đối ngoại của mình. Chắc chắn không nước nào xem nhẹ vai trò của ngoại giao. Trong xử lý các mối quan hệ quốc tế, lựa chọn con đường ngoại giao theo cách nào để thực hiện thành công chiến lược phát triển của mình tùy thuộc vào tầm nhìn mỗi quốc gia.

Việt Nam “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”, khẳng định “là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế” [17, tr.35]. Là bạn tức xác định mối quan hệ hữu nghị, là đối tác tức là hợp tác được trên mọi lĩnh vực. Nhận định này thể hiện sự trưởng thành của ngoại giao Việt Nam. Đây là tâm thế tích cực, thể hiện niềm tin và hy vọng về một tương lai tươi sáng. Tâm thế đó cho phép Việt Nam có những ứng phó linh hoạt, khả năng dự kiến

và chủ động xử lý tình huống nên hạn chế đến mức thấp nhất những bất lợi cho quốc gia khi tham gia hội nhập.

Hội nhập quốc tế cho Việt Nam cơ hội mở rộng quan hệ với các nước trên nhiều phương diện, được tiếp cận với nhiều nguồn lực, tận dụng thành tựu cách mạng khoa học công nghệ và nền kinh tế tri thức để phát triển. Trong không gian hòa bình tương đối, Việt Nam mặc dù là mục tiêu quan trọng trong chiến lược của nhiều nước lớn nhưng tạm thời yên ổn để tập trung phát triển. Tuy nhiên, nằm trong khu vực Đông Nam Á, nơi diễn ra sự phát triển hết sức năng động, nơi hội tụ lợi ích của nhiều nước lớn, do đó cũng như một số nước, Việt Nam không tránh khỏi việc bị tranh chấp, giành giật giữa các bên cả về chính trị, quân sự và kinh tế.

Bước vào hội nhập quốc tế, Việt Nam là một nước nhỏ nên cơ bản chỉ ở mức độ tham gia. “Xu thế dân chủ hóa trong quan hệ quốc tế tiếp tục phát triển nhưng các nước lớn vẫn sẽ chi phối các quan hệ quốc tế” [18, tr.183]. Việt Nam chưa có nhiều cơ hội tác động vào việc xây dựng luật chơi quốc tế, phải chịu sự ràng buộc của các quy tắc kinh tế, thương mại, tài chính... chủ yếu do các nước phát triển áp đặt. Việt Nam cũng chịu sức ép cạnh tranh bất bình đẳng, sự điều tiết vĩ mô bất hợp lý của các nước phát triển hàng đầu. Trong khi đó, các nước phát triển sở hữu tiềm lực và sức mạnh lại không ngừng điều chỉnh chính sách, gia tăng ảnh hưởng của mình trên nhiều lĩnh vực. Những điều chỉnh đó gây không ít trở ngại cho Việt Nam.

Việt Nam là nước đang phát triển có thu nhập trung bình, chưa đủ tiềm lực xây dựng nền quốc phòng hiện đại, chưa có thế và lực để tạo ảnh hưởng lớn trên trường quốc tế. Vì vậy, quyền làm chủ của quốc gia về mọi mặt khó thực hiện. Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức trong vấn đề giữ vững độc lập, tự chủ, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Những thách thức đó đến từ nhiều phía. Đó là sự trỗi dậy và cách ứng xử kiểu nước lớn của Trung Quốc. Trung Quốc đưa ra mục tiêu đứng ở vị trí trung tâm địa chính trị - kinh tế toàn cầu, tự cho phép mình hành xử với các nước láng giềng trên cương vị là nước lãnh đạo khu vực và toàn cầu trong quan hệ quốc tế cường quyền mới. Đó là tác động từ

mối quan hệ giữa các nước lớn, nhất là quan hệ Mỹ - Trung. Quan hệ này hàm chứa đặc điểm vừa đối kháng về mục tiêu chiến lược, vừa đối lập về lợi ích. “Giấc mộng Trung Hoa” của Trung Quốc và quyết tâm giữ vị trí “Siêu cường duy nhất” của Mỹ là nguyên nhân làm cho quan hệ hai nước có tính cạnh tranh quyết liệt, chứa đựng nhiều bất lợi không chỉ cho Việt Nam mà cho cả hai nước, khu vực và thế giới...

Việt Nam cũng đang đối diện với những nguy cơ nghiêm trọng chưa từng thấy từ trước đến nay về vấn đề biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên, suy thoái môi trường,... Trên con đường chạy đua gia tăng sức mạnh, Việt Nam luôn ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn còn khoảng cách khá xa để chiếm lĩnh thành tựu khoa học, công nghệ thế giới cũng như nền kinh tế tri thức. Thông qua con đường ngoại giao tiếp cận trí tuệ nhân loại là cách Hồ Chí Minh đã đi và rất thành công. Đó cũng là lời gợi ý trong việc lựa chọn giải pháp vận dụng.

Tình hình quốc tế và trong nước đem đến cho ngoại giao Việt Nam nhiều cơ hội và thách thức. Thuận lợi và bất lợi chỉ trở thành hiện thực trong những điều kiện cụ thể. Khai thác thuận lợi, giảm thiểu bất lợi đến đâu phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó có nhân tố chủ quan. Việt Nam phải đưa ra những quyết sách xây dựng nền ngoại giao toàn diện, trong đó chú trọng xây dựng và phát huy văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

4.2.2. Yêu cầu vận dụng

4.2.2.1. Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh phải được xác định là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược nhằm tiếp tục khẳng định và phát triển văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, góp phần xây dựng nền ngoại giao Việt Nam hiện đại

Xây dựng nền ngoại giao toàn diện hiện nay phải chú trọng xây dựng văn hóa ngoại giao. Đây là một nhiệm vụ chính trị có ý nghĩa chiến lược. Tham gia hội nhập quốc tế, mỗi quốc gia theo đuổi mục đích riêng, thậm chí đối lập nhau. Hội nhập quốc tế càng sâu rộng, tính phức tạp của quá trình hợp tác càng tăng. Nhìn từ góc độ lợi ích của các đối tác nước ngoài thì không khó nhận ra các đối

tác gây sức ép nhiều hơn, buộc Việt Nam phải thay đổi theo chiều có lợi cho họ về kinh tế và chính trị. Việt Nam cần thận trọng, cân nhắc, lựa chọn phương án phù hợp nhất cho mình. Dùng văn hóa ngoại giao để giao thiệp với thế giới là cách tạo lợi thế cạnh tranh, con đường đặc thù Việt Nam.

Dùng văn hóa giao thiệp với nhau vừa là gốc, vừa là tận cùng của tính “người”, chất “người” trong quan hệ xã hội. Nó phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại và thỏa mãn khát vọng của nhân loại. Thế giới dù vận động theo xu hướng nào, xuất hiện các kiểu quan hệ quốc tế đa dạng đến đâu và dù là dân tộc, tôn giáo hay giai cấp nào chẳng nữa thì mỗi chủ thể cũng đều chung nguyện vọng được đối xử tốt và chân thành. Bởi ý nghĩa như vậy, xây dựng văn hóa ngoại giao có vị trí quan trọng không chỉ cho hiện tại mà cả tương lai.

Bản sắc văn hóa dân tộc là điều kiện của sự phát triển nội sinh và phát triển hội nhập. UNESCO từng nhấn mạnh: Văn hóa không phải chỉ đơn giản là một phương tiện diễn đạt, tự thân nó là một yếu tố cấu thành của một dân tộc với tư cách là một tác nhân chính trị trên vũ đài quốc tế. Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh góp phần làm cho Việt Nam phát triển bền vững, trở thành hình mẫu trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Một dân tộc muốn đứng vững trên đôi chân của mình phải dựa vào văn hóa, nhưng lấy văn hóa để giao tiếp với thế giới đó lại là trí tuệ, là cách ngoại giao thông minh. Cũng như văn hóa, xây dựng văn hóa ngoại giao phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó có các điều kiện về kinh tế, chính trị, xã hội. Cần tiến hành đồng bộ các nhiệm vụ khác nhau đảm bảo cho việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đạt hiệu quả cao nhất. Chú ý phát triển văn hóa dân tộc với tư cách là cơ sở, nền tảng vì văn hóa ngoại giao không phải là lĩnh vực riêng, đứng ngoài văn hóa dân tộc mà lĩnh vực đặc thù thuộc văn hóa dân tộc.

Ảnh hưởng quốc tế của các nước tùy thuộc vào sức mạnh mọi mặt của quốc gia. Ảnh hưởng quốc tế sẽ lớn nếu hội tụ đủ sức mạnh kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Thực tế Việt Nam không hội tụ đủ các yếu tố nên phải biết khai thác lợi thế của truyền thống văn hóa, văn hóa ngoại giao dân tộc. Việt Nam phải xây dựng một chính sách ngoại giao khôn khéo, bắt đúng xu thế thời đại,

phù hợp với tình hình, từ đó lựa chọn bước đi và lực lượng đúng đắn khi đó sẽ tạo nên sự ảnh hưởng.

Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế không phải là giải pháp tình thế, bột phát. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh tự nó đã là sản phẩm của quá trình hun đúc, kế thừa, bổ sung liên tục. Nói vận dụng tức là đã giả định một sự chọn lọc các yếu tố để hội nhập, chọn lọc các yếu tố để tiếp thu. Vận dụng vì thế cần đảm bảo tính kế thừa, chọn lọc, bổ sung, phát triển nhằm vươn tới các tiêu chí quốc tế nhưng vẫn hội tụ và phát huy đầy đủ trí tuệ, văn hóa dân tộc. Vận dụng là vận dụng sáng tạo tinh thần, giá trị cốt lõi của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện qua tư tưởng, phương pháp, phong cách, nghệ thuật ngoại giao. Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không phải nói và làm đúng như Hồ Chí Minh mà là học cách đối diện, giải quyết và thái độ trước các vấn đề trong quan hệ ngoại giao của Người.

Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh góp phần xây dựng nền ngoại giao Việt Nam hiện đại, quảng bá hình ảnh, tạo dựng vị thế và uy tín. Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh nhằm đưa Việt Nam ra thế giới, đưa thế giới tới Việt Nam, làm cho các đối tác củng cố, duy trì niềm tin chiến lược với Việt Nam, mong muốn và sẵn sàng thiết lập quan hệ, xóa bỏ định kiến về một chủ thể hội nhập quốc tế có ý thức hệ khác. Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh để định vị quốc gia, khẳng định vai trò của Việt Nam trong thế giới.

Văn hóa quan hệ mật thiết với chính trị, phục vụ chính trị. Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh để giải quyết những tranh chấp, bất đồng trong việc bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đặc biệt là vấn đề Biển Đông. Ưu tiên sử dụng các biện pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng và thực hiện luật pháp quốc tế. Dùng lập trường chính nghĩa và những chứng cứ pháp lý, căn cứ lịch sử để khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, tranh thủ tối đa sự quan tâm, ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay yêu cầu tiếp tục giữ vững những giá trị truyền thống quý báu của văn hóa ngoại giao dân tộc được Hồ Chí Minh kế thừa, bổ sung và phát triển, nhưng

trên hết vẫn phải đứng trên nền thực tiễn. Trong quá trình vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh phải đảm bảo tính kế thừa, tính lịch sử cụ thể, tính biện chứng, tức là dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4.2.2.2. Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh góp phần xây dựng và phát triển quan hệ quốc tế của Việt Nam trong đó nổi lên là quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn

Thế kỷ XXI, Việt Nam tiếp tục nhận sự “quan tâm đặc biệt” của nhiều nước. Đây vừa là thuận lợi, vừa là khó khăn của Việt Nam. Việt Nam thiết lập quan hệ với nhiều quốc gia trên thế giới, mỗi mối quan hệ có một số đặc điểm riêng. Trước mỗi quan hệ đan xen nhiều tầng nấc cần vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh để xử lý đúng đắn mọi vấn đề, tận dụng thời cơ, tránh sơ suất đẩy Việt Nam vào nguy hiểm.

Với các nước láng giềng, trước hết là các nước chung đường biên giới, phải đặc biệt coi trọng giữ gìn mối quan hệ. Xử lý tốt từng mối quan hệ tạo điều kiện cho Việt Nam yên ổn, chủ quyền được đảm bảo tiến tới mở rộng quan hệ với các nước khác trên toàn thế giới. Tuy nhiên, muốn có quan hệ tích cực, bền chặt, Việt Nam bên cạnh tình cảm chân thành cần chú ý cả những giúp đỡ cụ thể về mặt vật chất. Ngoài Trung Quốc, các láng giềng cùng biên giới với Việt Nam còn nghèo, dễ bị ảnh hưởng, lôi kéo bởi các biện pháp kinh tế từ bên ngoài trong khi khả năng giúp đỡ, viện trợ của Việt Nam có hạn. Nhận định đúng tình hình, Việt Nam cần thể hiện cho bạn bè thấy một Việt Nam chân thành, hết sức nỗ lực giúp đỡ bạn bè trong khả năng của mình, khơi gợi truyền thống nhân nghĩa, thủy chung, hòa thuận. Chủ trương nhất quán: Giúp bạn là giúp mình, luôn luôn ủng hộ, cổ vũ lẫn nhau, tôn trọng chủ quyền, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ của nhau [76, tr.354].

Với các nước lớn, hội nhập quốc tế là sân chơi lớn, Việt Nam muốn tham gia cuộc chơi một cách bình đẳng phải có thực lực vững, muốn chơi được với kẻ mạnh thì phải mạnh lên. Hồ Chí Minh từng nói: “Ta có mạnh thì họ mới chịu đếm xỉa đến ta. Ta yếu thì ta chỉ là một khí cụ trong tay kẻ khác”.

Quan hệ với nước lớn phải có trí tuệ đó là bài học rút ra từ văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Có trí tuệ sẽ nghiên cứu thấu đáo chính sách các nước lớn, biết mình biết người, nhận thức rõ vị thế và sức mạnh của Việt Nam, định vị Việt Nam đang ở vị trí nào trong chiến lược của các nước lớn. Hiểu rõ đối tác, đối tượng kẻ cả mối quan tâm cũng như chiến lược của họ mà lường trước những nguy cơ có thể xảy ra. Không để mình bị cuốn vào vòng xoáy trò chơi cạnh tranh quyền lực giữa các nước lớn, và trở thành lá bài trong tay họ. Mặt khác, cần nắm vững đâu là mối nguy cơ trực tiếp và lớn nhất, từ đó nhận thức khả năng và giới hạn mình có thể hành động và không nên hành động.

Vận dụng linh hoạt văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh với chủ trương vừa kiên định lập trường, vừa linh hoạt, mềm dẻo; biết bảo vệ lợi ích quốc gia nhưng tôn trọng lợi ích đối tác; biết tận dụng lợi thế dân tộc, từ bỏ tâm lý tự ti nước nhỏ, khiêm nhường, cẩn trọng; biết kiềm chế, thỏa hiệp một cách có nguyên tắc khi cần thiết; biết cân bằng ảnh hưởng và lợi ích của các nước lớn trong quan hệ với Việt Nam; khai thác mặt tích cực trong quan hệ với các nước lớn, không theo phe cánh để đối trọng nhau.

Việt Nam giữ cân bằng với các nước lớn, hiểu là kiểu cân bằng động: Không coi thường nước lớn, không lệ thuộc nước lớn, tránh rơi vào thế bị mắc kẹt, bất lợi cho quốc gia. Thực hiện khép lại quá khứ với nước từng gây đau thương cho dân tộc vì mục tiêu phát triển nhưng không có nghĩa lãng quên quá khứ. Ứng xử ngoại giao khiêm tốn nhưng tuyệt đối không làm mất thể diện quốc gia, mất lòng tự trọng của dân tộc. Đó chính là sự hiện thực văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

Với Trung Quốc - Một nước láng giềng, một nước lớn thì đây là mối quan hệ đặc biệt cả trong lịch sử và hiện tại. Trong lịch sử, Việt Nam đã trải qua thời kỳ dài đầy khó khăn và thách thức khi liên tiếp bị các triều đại phong kiến Trung Hoa tiến hành nhiều cuộc chiến tranh xâm lược. Việt Nam buộc phải chịu hơn 1000 năm Bắc thuộc vô cùng khủng khiếp. Cho dù vậy, vị trí ấy không cho phép Việt Nam tách rời Trung Quốc trong quỹ đạo chung và vị trí địa chính trị. Việt Nam chỉ có lựa chọn duy nhất là tìm ra phương cách phù hợp để cùng hợp tác và

phát triển. Mỗi quan hệ Việt - Trung bởi vậy hội tụ đầy đủ tính đa dạng, phức tạp cần đặc biệt chú ý nghiên cứu và giải quyết.

Quan hệ Việt - Trung trong một thời gian dài là mối quan hệ thân tình anh em, đồng chí, láng giềng tốt đẹp được Hồ Chí Minh dày công xây dựng. Thời gian gần đây có nhiều bước thăng trầm cần quan tâm giải quyết có lý, có tình. Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, Việt Nam luôn khẳng định tình cảm bền chặt, nghĩa tình dành cho Trung Quốc, đề cao những giá trị nhân văn, khơi dậy lòng tự tôn dân tộc, dùng lý lẽ, cơ sở pháp lý để thuyết phục và đấu tranh. Chủ động, kiên trì tìm kiếm giải pháp chính trị toàn diện, từng bước tháo gỡ bất đồng hướng tới sự hòa thuận, có những lúc nhân nhượng trên nguyên tắc lấy lợi ích dân tộc làm căn cứ xác định giới hạn cho những thỏa thuận. Việt Nam đồng thời cần thận trọng, kiềm chế, tránh tạo cớ, tránh xung đột vũ trang, song cũng phải tỏ rõ quyết tâm bảo vệ chủ quyền dân tộc.

Việt Nam là một nước nhỏ, nếu chỉ dựa vào lực khó giành thắng lợi. Cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, nghệ thuật ngoại giao, chú trọng cả sức mạnh tinh thần, tính chính nghĩa của sự nghiệp cách mạng và tranh thủ sự quan tâm, ủng hộ của quốc tế, sự đan xen lợi ích của các quốc gia dân tộc. Cộng đồng quốc tế ngày nay ý thức rõ tầm quan trọng của hòa bình, am hiểu luật pháp quốc tế. Việt Nam cần làm cho quốc tế thấy tính nhất quán trong đường lối chiến lược và đường lối ngoại giao hòa bình, tính hợp lý, hợp pháp của Việt Nam để thế giới hiểu và ủng hộ. Như vậy, bất kỳ quốc gia nào xâm phạm đến chủ quyền của Việt Nam tức là động chạm đến vấn đề chính trị nhạy cảm. Ý đồ và hành động xâm phạm chủ quyền của Việt Nam chắc chắn sẽ gặp rào cản từ nhiều phía.

Bất đồng trong quan hệ quốc tế sẽ không thể tránh khỏi. Học tập Hồ Chí Minh về cách giải quyết mâu thuẫn: Khai thác điểm tương đồng, thu hẹp điểm bất đồng thành vấn đề có thể ngồi lại bàn thảo với nhau. Việt Nam cần phân tích được bản chất tình hình thế giới hiện nay và nhân tố tác động đến mình. Trung Quốc hiện đang cố gắng vươn lên ngôi vị cao nhất thế giới. Trong chiến lược vươn lên, ở một chừng mực nhất định, Trung Quốc vẫn muốn Việt Nam ổn định, hòa bình, không xung đột, trở thành vùng đệm chắc chắn cho họ yên tâm phát

triển, vươn ra thế giới. Việt Nam và Trung Quốc cũng có những tính tương đồng nhất định về phương hướng phát triển đất nước, mục tiêu hợp tác để cùng phát triển. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cần mở rộng tư duy, phân tích sâu sắc mối quan hệ Mỹ - Trung, dự đoán chính xác triển vọng và kịch bản có thể xảy ra từ đó có nhận thức mới và hành động kịp thời thích ứng với những diễn biến mau lẹ.

Với các nước khác trong khu vực và trên thế giới thì cần xác định tiêu chuẩn thế nào là bạn, đối tác được đặt trên một tư duy đối ngoại rộng rãi, thuận chiều với xu hướng thời đại. Sự tùy thuộc giữa các quốc gia ngày càng tăng, lợi ích đan xen phức tạp, đối tác quan hệ ngày càng đa dạng với những yêu cầu, lợi ích và trình độ phát triển khác nhau thì chính sách ngoại giao của Việt Nam ngày càng linh hoạt, phù hợp với từng đối tác, từng nơi, từng lúc, đồng thời giữ vững nguyên tắc không để quan hệ giữa ta với nước này hay nhóm nước này làm thiệt hại đến quan hệ giữa ta với nước khác hoặc nhóm nước khác.

Việt Nam tiếp tục “đưa các mối quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại đa phương” [17, tr.153-154] xây dựng tình đoàn kết, gắn bó tin cậy lẫn nhau và cùng có lợi, cùng chia sẻ lợi ích trên cơ sở dựa vào các cơ chế đa phương khu vực, quốc tế, luật pháp quốc tế và những nguyên tắc phổ quát của mối quan hệ giữa các quốc gia được quốc tế thừa nhận.

4.2.2.3. Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh phải phát huy vai trò của các chủ thể, trước hết là các chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo và cán bộ trực tiếp làm công tác ngoại giao

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh được vận dụng bởi các chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo, cán bộ trực tiếp làm công tác ngoại giao, mọi công dân, tổ chức và các doanh nghiệp. Không chỉ đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước mà cả các bộ, ban ngành như: Tuyên giáo, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa - Du lịch, ngoại giao các cấp. Không chỉ vận dụng trong một mà các hình thức ngoại giao như: Ngoại giao kinh tế, ngoại giao chính trị, ngoại giao văn hóa, ngoại giao quốc phòng... Không chỉ đối với đồng bào trong nước mà cả

đồng bào Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài. Họ được xác định là sứ giả của văn hóa Việt Nam, người đem văn hóa Việt Nam ra thế giới hiệu quả nhất, sâu sắc nhất.

Các đồng chí lãnh đạo, chỉ đạo và cán bộ trực tiếp làm ngoại giao là tấm gương mẫu mực trong thực hành văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Văn hóa ngoại giao của họ ảnh hưởng trực tiếp và thuyết phục nhất tới các chủ thể ngoại giao khác giúp cho việc xây dựng văn hóa ngoại giao hiệu quả hơn. Ngoại giao là hoạt động của người đứng đầu Nhà nước, Chính phủ, Bộ trưởng Ngoại giao, các cán bộ ngoại giao. Họ là người đại diện cho đất nước đi giao thiệp với bên ngoài. Họ đem hình ảnh con người Việt Nam, đất nước Việt Nam truyền tải đến cộng đồng quốc tế. Hình ảnh của họ đại diện cho hình ảnh dân tộc trong quá trình tương tác với nhân loại nên bao giờ cũng để lại dấu ấn với người tiếp xúc. Văn hóa ngoại giao của họ sẽ để lại dấu ấn tích cực hoặc tiêu cực trong lòng bè bạn quốc tế.

Trong thời kỳ hội nhập quốc tế, giao lưu quốc tế tăng nhanh, bên cạnh ngoại giao nhà nước, ngoại giao nhân dân ngày càng thể hiện vị trí trọng yếu của mình. Mỗi người dân Việt Nam phải trở thành chủ thể mang văn hóa ngoại giao dân tộc quảng bá ra thế giới. Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh nhằm hướng tới xây dựng, nhân rộng những nhân cách văn hóa, những công dân văn hóa Việt Nam. Trong bối cảnh thế giới như hiện nay, nhân cách văn hóa, những giá trị nhân bản sẽ là mẫu số chung, cơ sở thiết lập các quan hệ ngoại giao thực chất và bền chặt.

Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế phải tính tới sự kế thừa, giữ gìn những giá trị tích cực của văn hóa ngoại giao dân tộc, đồng thời biết đón nhận những giá trị tích cực của văn hóa ngoại giao thế giới. Dùng văn hóa ngoại giao để hội nhập với thế giới là cách khẳng định mình một cách tinh tế, thông minh, nhưng thận trọng, tránh làm cho mình trở thành lập dị, đơn độc, lạc lõng trước thế giới.

4.3. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VẬN DỤNG VĂN HÓA NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.3.1. Xây dựng và hoàn thiện lý luận, nâng cao nhận thức về văn hóa ngoại giao và văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh

Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, xây dựng văn hóa ngoại giao Việt Nam với tính cách là nhiệm vụ chính trị mang tầm chiến lược cần có lộ trình, kế hoạch bắt đầu từ việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống lý luận, nâng cao nhận thức. Cần đổi mới tư duy về xây dựng văn hóa ngoại giao Việt Nam. Phải coi trọng, chủ động, hiểu rõ, xác định chiến lược và định hình lộ trình phù hợp trong xây dựng văn hóa ngoại giao Việt Nam.

Trước hết tập trung nghiên cứu quan điểm chỉ đạo, hoạt động thực tiễn ngoại giao của Hồ Chí Minh nhằm đánh giá đúng mức vị trí, vai trò và giá trị của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu không chỉ lý giải những thành tựu thuộc về lịch sử mà quan trọng hơn là kế thừa, bổ sung và phát triển tiếp trong thời đại mới. Thông qua nghiên cứu sẽ xây dựng, hoàn thiện hệ thống lý luận bao gồm khái niệm, nội dung, đặc trưng, giá trị của văn hóa ngoại giao, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, nhận thức đầy đủ sự cần thiết vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay sẽ cung cấp những luận cứ thuyết phục cho các cấp lãnh đạo để điều hành, định hướng xây dựng văn hóa ngoại giao Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu văn hóa ngoại giao, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh được tuyên truyền, phổ biến đến nhiều đối tượng, trước hết là cấp lãnh đạo, cán bộ ngoại giao, giới nghiên cứu và công bố trên nhiều phương tiện khác nhau: sách, báo, tạp chí,... Tiếp tục đầu tư nghiên cứu đặc điểm, tình hình trong nước và thế giới, nghiên cứu chiến lược, dự báo những xu hướng phát triển của thế giới, những khả năng có thể xảy ra và cả xu thế phát triển của văn hóa, đa dạng văn hóa ngoại giao thế giới. Cần xác định rõ những khó khăn, thuận lợi, những điều kiện cần và đủ để vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, định hướng phát triển văn hóa ngoại giao Việt Nam. Trên cơ sở nhận thức sâu sắc tạo cơ sở cho việc hoạch định đường lối, chính sách.

Nhận thức đúng đắn, thấu đáo văn hóa ngoại giao, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh và sự cần thiết vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay góp phần xây dựng nền ngoại giao toàn diện. Việc vận dụng vừa là nhu cầu cơ bản, lâu dài, vừa là định hướng chiến lược quan trọng phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước.

Nâng cao nhận thức của các chủ thể làm công tác ngoại giao nhất là người lãnh đạo, chỉ đạo và cán bộ trực tiếp làm ngoại giao, giúp họ nhìn nhận thức đầy đủ văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh có vai trò là nền tảng cho xây dựng văn hóa ngoại giao Việt Nam hiện đại. Sử dụng văn hóa ngoại giao, vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chính là khai thác thế mạnh văn hóa, tôn vinh vẻ đẹp con người, đất nước Việt Nam.

Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, xây dựng văn hóa ngoại giao Việt Nam là công việc lâu dài, thường xuyên, huy động đông đảo các nguồn lực tham gia dưới sự chỉ đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Mỗi lực lượng tham gia đều có vai trò, nhiệm vụ riêng đối với vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Chú ý công tác tuyên truyền, coi trọng công tác truyền thông. Những yếu tố này sẽ hỗ trợ đắc lực chiến lược truyền bá văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Qua truyền thông, mỗi chủ thể ngoại giao không chỉ hiểu rõ, nắm vững mà còn trở thành những chủ thể có văn hóa ngoại giao và truyền tải văn hóa ngoại giao, xây dựng nền văn hóa ngoại giao đặc sắc.

Ngoài coi trọng vai trò của truyền thông trong nước cần chú ý coi trọng truyền thông quốc tế. Hiệu ứng truyền thông quốc tế đem lại rất lớn bởi tốc độ nhanh chưa từng có khi nó được hỗ trợ bởi khoa học và công nghệ hiện đại. Sự đồng bộ của truyền thông trong nước với truyền thông quốc tế tạo sức thuyết phục lớn với quốc tế, góp phần lan tỏa văn hóa ngoại giao Việt Nam, quảng bá hình ảnh dân tộc. Muốn tận dụng lợi thế từ truyền thông quốc tế, bên cạnh chủ động tổ chức, mời gọi để quảng bá mình qua các kênh truyền hình quốc tế uy tín, Việt Nam phải tích cực tham gia nhiều hoạt động mang tầm quốc tế, giá trị quốc tế hơn nữa. Tiếp tục thể hiện tính chủ động, tích cực, tinh thần trách nhiệm tham gia các sự kiện khu vực và toàn cầu. Những việc làm này thực tế tự nó đã chứa

đựng sức hấp dẫn với giới truyền thông quốc tế. Nhất thiết phải xây dựng chiến lược thông tin thông minh, xây dựng văn hóa truyền thông thời kỹ thuật số, chất lọc thông tin có chủ đích và tính định hướng. Trong công tác tuyên truyền, bản thân các thông tin ngoại giao bắt buộc phải hàm chứa giá trị văn hóa kể từ hình thức đến nội dung truyền bá.

Xây dựng và hoàn thiện lý luận về văn hóa ngoại giao, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh muốn hiệu quả cần tổ chức tổng kết thực tiễn nghiêm túc, đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Việc làm này giúp nhận thức đúng hơn, đủ hơn vị trí, vai trò, giá trị văn hóa ngoại giao, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh tạo nền tảng vững chắc cho việc triển khai vận dụng.

Tổng kết, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm phải đảm bảo tính khách quan, khoa học. Đánh giá chính xác những thành tựu, thắng thần thừa nhận hạn chế, phân tích thấu đáo nguyên nhân sau đó tìm biện pháp thay đổi, sửa chữa hợp lý. Kết quả tổng kết, đánh giá soi sáng thực tiễn ngoại giao Việt Nam, thấu tỏ thực trạng văn hóa ngoại giao dân tộc nhờ đó phác thảo, cấu trúc chính xác loại hình văn hóa ngoại giao Việt Nam cần xây dựng.

Đẩy mạnh nghiên cứu các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về xây dựng văn hóa ngoại giao, vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh qua các giai đoạn lịch sử nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Nghiên cứu văn hóa ngoại giao thế giới để tiếp thu những giá trị tinh hoa, hạt nhân hợp lý làm giàu cho lý luận của mình. Bên cạnh đó cũng cần phân tích tình hình thế giới để nhận định đầy đủ sự tác động của các xu hướng đến việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh cũng như xây dựng văn hóa ngoại giao Việt Nam.

Từ kết quả nghiên cứu, tổng kết góp phần nâng cao nhận thức, xây dựng, hoàn thiện nội dung lý luận về văn hóa ngoại giao, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, đưa văn hóa ngoại giao thấm thấu vào mọi hình thức ngoại giao, tạo sức mạnh cho ngoại giao Việt Nam. Đồng thời xác định bước đi đúng đắn trong xây dựng văn hóa ngoại giao thời gian tới. Nâng cao hiệu quả vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh phù hợp với điều kiện xã hội hiện tại.

Việc tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm tiến hành qua các buổi hội thảo, tọa đàm, hội nghị, trao đổi cấp quốc gia, khu vực và quốc tế. Các hoạt động này tổ chức linh hoạt, mời gọi nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước nhằm đem tới hệ thống kiến thức đầy đủ hơn về văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, văn hóa ngoại giao Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cung cấp cái nhìn toàn diện về văn hóa ngoại giao của Việt Nam, hiểu được thế giới đánh giá văn hóa ngoại giao Việt Nam thế nào nhờ đó hình thành tư duy đúng đắn về văn hóa ngoại giao Việt Nam trên trường quốc tế. Đưa ra kiến nghị khoa học với Đảng và Nhà nước về các chính sách liên quan đến vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

4.3.2. Xây dựng văn hóa ngoại giao cho các chủ thể lãnh đạo, quản lý và đội ngũ cán bộ làm công tác ngoại giao theo văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu thời kỳ hội nhập quốc tế

Để vận dụng thành công văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, xây dựng nền văn hóa ngoại giao Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế trước hết cần vai trò định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời yêu cầu Đảng cũng phải trở thành tấm gương mẫu mực trong triển khai thực hiện văn hóa ngoại giao. Điều đó thể hiện ở các chủ trương, chính sách ngoại giao của Đảng đều mang giá trị văn hóa từ hình thức thể hiện đến nội dung truyền tải. Văn hóa ngoại giao của Đảng là những giá trị nổi bật, kết tinh trong lý tưởng và quá trình chỉ đạo hoạt động của Đảng nhờ đó tạo nên năng lực, uy tín của Đảng trước cộng đồng quốc tế. Đảng thực sự hội tụ, kết tinh tinh hoa trí tuệ, văn hóa ngoại giao dân tộc và nhân loại.

Xây dựng văn hóa ngoại giao của Đảng ta đòi hỏi không ngừng nâng cao trí tuệ của Đảng trên lĩnh vực ngoại giao. Nâng cao trí tuệ giúp Đảng phân tích thấu đáo tình hình quốc tế, theo sát sự vận động biến đổi không ngừng của thế giới, từ đó có nhận thức khoa học về nó, định ra đường lối ngoại giao đúng đắn, dự báo trước những khả năng có thể xảy ra mà kịp thời thay đổi chiến lược cho phù hợp.

Trên cơ sở nhận thức đầy đủ lý luận, Đảng xây dựng chiến lược phát triển văn hóa ngoại giao Việt Nam theo dòng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Việc vận dụng này được xác định là nhiệm vụ thiết

thực, lâu dài, huy động sự tham gia chủ động, tích cực của mọi chủ thể. Đảng và Nhà nước cần hoạch định chiến lược xây dựng văn hóa ngoại giao đảm bảo tính quy mô, tuy nhiên, phải cụ thể hóa bước đi. Cần xác định các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, xây dựng lộ trình và biện pháp triển khai cụ thể, hướng tới đạt mục tiêu tổng thể.

Xây dựng văn hóa ngoại giao cho chủ thể lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị trước hết là lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam theo văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là một yêu cầu chính trị cơ bản có ý nghĩa rất quan trọng. Xuất phát từ vị trí, vai trò và sự ảnh hưởng của họ tới các chủ thể ngoại giao khác và toàn xã hội nên hết sức coi trọng xây dựng văn hóa ngoại giao cho lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Văn hóa ngoại giao của các chủ thể này đem tới niềm tin cho các chủ thể ngoại giao khác và nhân dân về đường lối ngoại giao của Đảng, củng cố niềm tin bởi sự nhất quán giữa tư tưởng chỉ đạo và hành động của Đảng biểu hiện trước hết qua đội ngũ lãnh đạo. Việc nhận thức trên cơ sở niềm tin tạo điều kiện chuyển biến việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh từ một yêu cầu chính trị trở thành nhu cầu nội tại, có tính tự nguyện mà mọi chủ thể ngoại giao lựa chọn và thực hành một cách toàn tâm, toàn ý. Văn hóa ngoại giao khi đó không còn là khái niệm trừu tượng, nó được thể hiện cụ thể qua quá trình thực hiện nhiệm vụ ngoại giao của các chủ thể là lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước. Những tấm gương này có ý nghĩa thiết thực, ảnh hưởng to lớn tới sự thành công của việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế, xây dựng văn hóa ngoại giao Việt Nam hiện đại.

Mặt khác, cần quan tâm xây dựng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác ngoại giao đáp ứng yêu cầu ngoại giao thời kỳ hội nhập quốc tế. Trong công tác ngoại giao, cán bộ làm công tác ngoại giao là người trực tiếp thực hiện công việc liên quan đến lợi ích quốc gia. Mỗi cán bộ ngoại giao dù sống ở trong nước hay nước ngoài đều là sứ giả của nền văn hóa Việt Nam. Họ đóng vai trò triển khai, thực hiện đường lối, chính sách ngoại giao quốc gia. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của họ ảnh hưởng trực tiếp đến công việc quốc gia. Hồ Chí Minh từng nói “sứ thần mà kém thì làm hỏng việc của dân, của nước”. Xây

dựng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác ngoại giao đáp ứng yêu cầu thời kỳ hội nhập quốc tế vì thế hết sức cần kíp.

Xây dựng văn hóa ngoại giao lấy xây dựng văn hóa cho cán bộ ngoại giao làm gốc. Đầu tư cho con người để quảng bá hình ảnh quốc gia cần đặc biệt coi trọng. Quảng bá thành công hay thất bại văn hóa ngoại giao phụ thuộc vào hành vi, thái độ, trách nhiệm của con người mà trước tiên là đội ngũ cán bộ ngoại giao. Xây đội ngũ cán bộ ngoại giao đủ đức, đủ tài. Cán bộ ngoại giao trước hết phải là nhà chính trị giỏi, lấy lợi ích quốc gia, chế độ làm kim chỉ nam cho mọi hành động. Họ nắm vững chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, tuyệt đối trung thành với lợi ích dân tộc, luôn tỉnh táo trước nhiều tác động phức tạp đa chiều, đa hình thức của các thế lực thù địch.

Ngoại giao là công việc vất vả, khó khăn với những cuộc đấu trí gay cấn. Càng hội nhập sâu rộng, đòi hỏi người cán bộ ngoại giao không chỉ hoàn thành chức năng truyền thống như đàm phán, phát ngôn, bảo vệ lợi ích quốc gia mà còn cần bản lĩnh, trình độ vượt ra ngoài khuôn khổ truyền thống đó. Vì thế cần bồi dưỡng khả năng tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, nhạy bén khi phân tích vấn đề, đặc biệt những vấn đề có tính nhạy cảm, căng thẳng hoặc tình huống bất ngờ, nguy hiểm. Cán bộ ngoại giao không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngang tầm khu vực, từng bước vươn lên tiếp cận trình độ thế giới.

Công việc ngoại giao không đơn thuần chỉ là đi ra nước ngoài, giao thiệp với người nước ngoài mà là đi như thế nào để đem lại lợi ích cho dân tộc. Cán bộ ngoại giao là người thường xuyên giao tiếp với bạn bè quốc tế nên ngoài chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp còn cần cả văn hóa ngoại giao. Từ khâu tuyển chọn, bồi dưỡng đến phát triển đội ngũ cán bộ ngoại giao phải chú ý tới yêu cầu này. Nên xem văn hóa ứng xử, giao tiếp,... cũng là một tiêu chí để lựa chọn người làm công tác ngoại giao.

Lễ tân không phải nội dung chính của ngoại giao nhưng đóng vai trò xúc tác khiến hoạt động ngoại giao diễn ra thuận lợi hơn. Các cán bộ ngoại giao nhất thiết phải học lễ tân ngoại giao. Tuy phải hiểu, phải rõ và phải làm đúng lễ nghi

nhưng vận dụng cần linh hoạt, tránh máy móc, đơn điệu hình thức. Mỗi chủ thể ngoại giao biết đưa vào trong thực tiễn hoạt động ngoại giao dấu ấn văn hóa dân tộc, dấu ấn văn hóa cá nhân của mình. Hình thành ở mỗi cán bộ ngoại giao ngay từ những ứng xử thường nhật cũng phải có văn hóa. Họ biết lựa chọn cách ứng xử ngoại giao phù hợp với văn hóa nước bạn, nhưng vẫn thể hiện văn hóa ngoại giao Việt Nam. Mỗi cán bộ ngoại giao ý thức rõ mình đang mang trọng trách là xây dựng và củng cố niềm tin quốc tế. Muốn vậy, yêu cầu cán bộ ngoại giao cần học hỏi, tìm hiểu văn hóa, tâm lý nước bạn, trân trọng phong tục, tập quán nước bạn, biết sống hài hòa, khoan dung trong môi trường văn hóa khác dân tộc mình. Không xem nhẹ việc trau dồi trình độ ngoại ngữ vì nó tạo lợi thế trong ngoại giao, gây dựng nên tình cảm, ảnh hưởng tốt với bạn bè quốc tế. Đây là nhân tố góp phần không nhỏ cho thành công của một nhà ngoại giao.

Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, nói chuyện chuyên đề về lễ tân ngoại giao, chia sẻ kinh nghiệm ứng xử ngoại giao,... Cán bộ ngoại giao được đào tạo, bồi dưỡng về nghệ thuật giao tiếp, ứng xử ngoại giao, đàm phán, tranh luận, xử lý tình huống, cách trình bày, lập luận vấn đề, dạy cách kiểm soát cảm xúc, tránh thái độ khiêu khích, luôn luôn linh hoạt và ứng xử tinh tế. Hồ Chí Minh từng nhắc nhở “mỗi lời nói, mỗi cử chỉ phải cẩn thận, nghĩ rồi hẵng nói, phải xem nói có lợi gì, có hại gì, chớ bộp chộp, gặp đâu nói đấy, gặp ai nói đấy” [39, tr,138]. Ngoài ra còn cung cấp kiến thức về cách trang phục, ngôn ngữ... thể hiện văn hóa Việt Nam.

4.3.3. Tiếp tục thực hiện đường lối ngoại giao vì hòa bình hợp tác và phát triển, tích cực hội nhập quốc tế, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc

Thực hiện đường lối ngoại giao vì hòa bình, hợp tác và phát triển là sự thể hiện việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Định hướng lớn của Việt Nam đối với công tác ngoại giao là hòa bình, hợp tác và phát triển.

Hiện nay, hợp tác và phát triển là xu thế chủ yếu trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, hợp tác đi đôi với đấu tranh, cạnh tranh để phát triển. Để hợp tác tốt hơn và không dẫn đến đối đầu, việc đấu tranh và cạnh tranh khi tham gia quan hệ

quốc tế của Việt Nam phải tuân theo luật pháp quốc tế. Mặt khác, Việt Nam phải duy trì và thực hiện tốt chính sách ngoại giao mềm dẻo, khôn ngoan nhờ đó bảo vệ lợi ích quốc gia, gìn giữ hòa bình trong bối cảnh hội nhập quốc tế với vô số mối quan hệ đan xen, phức tạp, nhiều tầng nấc.

Việt Nam coi trọng việc mở rộng các mối quan hệ ngoại giao; thiết lập quan hệ ổn định, lâu dài với các nước trên thế giới; chủ động, tích cực tạo lập môi trường hòa bình, giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, tranh thủ các yếu tố thuận lợi của môi trường quốc tế để phát triển. Việt Nam chú trọng xây dựng quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác với các nước, trước hết là các nước láng giềng, các nước có quan hệ truyền thống trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ chính trị. Từng bước đưa quan hệ của Việt Nam với các nước đối tác quan trọng đi vào chiều sâu, đóng góp ngày càng tích cực hơn vào đời sống chính trị khu vực và thế giới. Cùng với việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, giữ vững ổn định chính trị, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực, tích cực xây dựng môi trường hòa bình, độc lập, hợp tác, phát triển và tin cậy lẫn nhau. Việt Nam tiếp tục củng cố và khẳng định uy tín quốc gia bằng hoạt động trách nhiệm với các vấn đề chung của thế giới, sẵn sàng là trung tâm kết nối các giá trị toàn cầu, đóng góp tích cực vào hòa bình, ổn định của thế giới.

Hội nhập quốc tế tạo nên một thế giới phẳng, sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia tăng lên. Hội nhập quốc tế đem tới nguy cơ quốc gia hội nhập bị hòa tan trong cộng đồng rộng lớn. Vì vậy giữ vững độc lập, tự chủ, giữ gìn bản sắc dân tộc trong đó có văn hóa ngoại giao được đặt ra. Hội nhập quốc tế yêu cầu ngoại giao Việt Nam phải xử lý thông minh, khôn khéo quan hệ giữa độc lập, tự chủ, vì lợi ích dân tộc với tham gia hội nhập quốc tế, đảm bảo mục tiêu cao nhất là vì lợi ích dân tộc. Biết tận dụng bản sắc tạo tiền đề cho hội nhập các lĩnh vực khác đem cơ hội mới cho thiết lập các mối quan hệ.

Lợi ích cốt lõi của dân tộc là độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Nguyên tắc ngoại giao cần xác định là giữ vững độc lập, tự chủ, tranh thủ sự hợp tác quốc tế, vừa hợp tác vừa đấu tranh và bảo đảm các lợi ích chính đáng của dân

tộc. Độc lập, tự chủ tức là tự mình điều hành công việc quốc gia, không có sự can thiệp của bên ngoài. Độc lập, tự chủ thể hiện trước hết ở tư duy sáng tạo, hành động theo chủ kiến của chủ thể, không giáo điều dập khuôn, trung thành với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Sự trung thành này thể hiện đồng thời cả trong tư duy và hành động.

Bản thân mối quan hệ giữa hội nhập quốc tế với giữ vững độc lập, tự chủ chứa đựng nhiều vấn đề phức tạp. Muốn giải quyết thành công cần sử dụng văn hóa ngoại giao. Dùng văn hóa ngoại giao để tận dụng cơ hội, hạn chế nguy cơ trong quá trình mở rộng quan hệ ngoại giao và hội nhập quốc tế. Dùng văn hóa ngoại giao để giải quyết hợp lý các mối quan hệ giữa đảm bảo độc lập, chủ quyền quốc gia với tích cực hội nhập quốc tế, kịp thời thích ứng, phản ứng linh hoạt, khai thác tốt các lợi thế so sánh, học tập và tiếp thu thành tựu tốt đẹp của bạn bè quốc tế đồng thời điều chỉnh, khắc phục kịp thời hạn chế yếu kém của chúng ta.

Tham gia hội nhập quốc tế, muốn đảm bảo tính độc lập tự chủ cần phải có thực lực. Thực lực của Việt Nam là sức mạnh tổng hợp của nhiều nhân tố: kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng, an ninh... Thực lực đó không chỉ trên phương diện vật chất mà cả phương diện tinh thần, bao hàm cả sức mạnh cứng và sức mạnh mềm như lòng yêu nước, văn hóa, văn hóa ngoại giao, tính chính nghĩa của sự nghiệp cách mạng của dân tộc...

Tham gia hội nhập quốc tế, Việt Nam một mặt thể hiện lập trường là một nước độc lập, tự chủ. Trên cơ sở mục tiêu độc lập, tự chủ cần có những điều chỉnh mục tiêu đối ngoại phù hợp với tình hình mới, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời tích cực thực hiện nghĩa vụ quốc tế. Quan điểm độc lập, tự chủ, đảm bảo lợi ích dân tộc thể hiện trong mọi chủ trương chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế quan hệ khăng khít với nhau. Độc lập, tự chủ đóng vai trò quyết định, hội nhập quốc tế có ý nghĩa quan trọng cho thắng lợi của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước Việt Nam.

Trong tình hình hiện nay, cần nhận thức rõ những khó khăn và thách thức trong thực hiện đường lối chính sách ngoại giao hòa bình, hợp tác, phát triển của Việt Nam. Trong môi trường hội nhập quốc tế, các biến động bất lợi của đời sống chính trị, kinh tế khu vực và thế giới tiếp tục tác động đến Việt Nam, điều đó làm gia tăng nguy cơ bất ổn về tình hình an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Những biến động xấu về an ninh phi truyền thống, như khủng bố, tội phạm công nghệ cao thêm cơ hội xâm nhập vào Việt Nam. Các thế lực thù địch, phản động lợi dụng bối cảnh hội nhập quốc tế để tấn công Việt Nam trên nhiều phương diện vừa công khai mạnh mẽ, vừa ngấm ngầm nguy hiểm. Những tác động trên tạo ra những trở lực cho triển khai xây dựng đường lối ngoại giao, văn hóa ngoại giao Việt Nam và cộng cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Đây cũng là những khó khăn đặt ra và phải vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Việt Nam cần nhận diện rõ đối tác, đối tượng và sự chuyển hóa giữa chúng để có đối sách phù hợp trong công tác ngoại giao và trong xây dựng, bảo vệ tổ quốc. Xây dựng đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh chính là giải pháp hiệu quả để nước ta phát triển bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực thi đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, thực hiện thắng lợi văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Tiểu kết chương 4

Văn hóa ngoại giao Việt Nam thời gian qua đã đạt nhiều kết quả quan trọng như: Nhận thức của Đảng ta về xây dựng văn hóa ngoại giao thời kỳ hội nhập quốc tế ngày càng sâu sắc và đầy đủ hơn; nền ngoại giao toàn diện mang dấu ấn văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đã được chỉ đạo xây dựng; văn hóa ngoại giao Việt Nam được thể hiện qua phương hướng, mục tiêu, giá trị cốt lõi, đội ngũ cán bộ, quá trình ngoại giao... Bên cạnh đó, vẫn tồn tại những hạn chế, đó là: Nội dung xây dựng văn hóa ngoại giao trong nền ngoại giao toàn diện chưa thể hiện rõ, thiếu tầm nhìn dài hạn và kế hoạch cụ thể; vị trí, vai trò và giá trị của văn hóa

ngoại giao Hồ Chí Minh chưa được nhận thức đầy đủ; hoạt động ngoại giao của Việt Nam có thời điểm chưa thể hiện sâu sắc văn hóa ngoại giao Việt Nam. Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh để xây dựng nền văn hóa ngoại giao Việt Nam hiện đại trở thành vấn đề có ý nghĩa to lớn. Trong khi đó, hội nhập quốc tế hiện nay chứa đựng nhiều nhân tố tác động thuận lợi và khó khăn đến việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay cần đảm bảo một số yêu cầu sau: Trước tiên phải xác định đây là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược nhằm tiếp tục khẳng định và phát triển văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh, góp phần xây dựng nền ngoại giao Việt Nam hiện đại; vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh phải góp phần xây dựng và phát triển quan hệ quốc tế hiện nay của Việt Nam, trong đó nổi lên là quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn; vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh phải phát huy vai trò của các chủ thể, trước hết là các chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo và cán bộ trực tiếp làm công tác ngoại giao.

Từ việc đánh giá thực trạng văn hóa ngoại giao Việt Nam từ năm 2001 đến nay và những yêu cầu của việc vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay, luận án đưa ra một số giải pháp cơ bản nhằm góp phần vận dụng thành công văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Đó là: xây dựng và hoàn thiện lý luận, nâng cao nhận thức về văn hóa ngoại giao và văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh; xây dựng văn hóa ngoại giao cho các chủ thể lãnh đạo, quản lý và đội ngũ cán bộ làm công tác ngoại giao theo văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu thời kỳ hội nhập quốc tế; tiếp tục thực hiện đường lối ngoại giao vì hòa bình hợp tác và phát triển, tích cực hội nhập quốc tế, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc.

KẾT LUẬN

1. Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc Việt Nam một trong những di sản vô giá là văn hóa ngoại giao. Hồ Chí Minh đã đóng góp cho nhân loại một phương cách ngoại giao độc đáo, tiến bộ có tính vượt thời đại là ngoại giao khoan dung, chủ trương thiết lập quan hệ ngoại giao trên cơ sở niềm tin và sự chân thành. Nghiên cứu văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay vì thế là một nhiệm vụ cần thiết, có ý nghĩa thời sự.

2. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thuộc phạm trù văn hóa, gắn với lĩnh vực ngoại giao. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chính là những giá trị đã lắng đọng, ổn định sau khi được tinh luyện, dung hòa nhuần nhuyễn tinh hoa văn hóa, kinh nghiệm ngoại giao dân tộc với nhân loại. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện qua tư tưởng ngoại giao, phương pháp ngoại giao, phong cách ngoại giao và nghệ thuật ngoại giao của Hồ Chí Minh.

3. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh ra đời là sự kế thừa, tiếp nối những giá trị ưu tú nhất của văn hóa, kinh nghiệm ngoại giao truyền thống, tiếp thu chọn lọc những giá trị tích cực của văn hóa, kinh nghiệm ngoại giao nhân loại và phẩm chất, năng lực đặc biệt thuộc về cá nhân Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa lớn. Sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế làm cho văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh vừa là dòng chảy liên tục gắn kết truyền thống, tràn đầy hiện đại, kết nối tương lai, vừa mang tính bước ngoặt kết tinh của một quá trình đã có, vừa là sự mở đường đi vào tương lai sẽ có. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không chỉ chứa đựng những giá trị thể hiện cái đẹp, cái có giá trị, cái riêng độc đáo mà cả cái chung toàn nhân loại. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh mang tầm vóc thế giới, chứa đựng giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc.

4. Đặc trưng cơ bản của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là các giá trị chân, thiện, mỹ kết tụ và tỏa sáng trong tư tưởng, phương pháp, phong cách,

nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh; là trí tuệ ngoại giao uyên bác và bản lĩnh độc lập, tự chủ, sáng tạo; là ngôn ngữ ngoại giao hàm súc, dễ hiểu và có tính thuyết phục cao; là ứng xử ngoại giao tự nhiên, tinh tế, mang thông điệp hòa bình; là sự vận dụng nhuần nhuyễn phương pháp “Dĩ bất biến ứng vạn biến” và phát huy nghệ thuật ngoại giao “tâm công”.

5. Trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI, thế giới vẫn tiếp tục có những thay đổi lớn bởi tác động của nhiều nhân tố. Toàn cầu hóa trở thành một quá trình vận động mạnh mẽ, hội nhập quốc tế hấp dẫn, lôi cuốn mọi quốc gia. Cách mạng khoa học công nghệ cùng những chuyển biến sâu sắc về kinh tế, chính trị, văn hóa làm ảnh hưởng, thậm chí làm thay đổi diện mạo thế giới và quan hệ giữa các quốc gia. Hội nhập quốc tế đặt ra cho mỗi quốc gia, dân tộc trong đó có Việt Nam phải chú trọng công tác ngoại giao, kiến tạo những điều kiện chủ quan và tận dụng, thúc đẩy điều kiện khách quan thuận lợi nhằm giành lấy vị thế tốt nhất, giảm thiểu bất lợi cho mình trong quan hệ quốc tế. Việt Nam đặt ra mục tiêu là nâng cao vị thế, uy tín của mình trong khu vực và trên thế giới. Để đạt được mục tiêu này, ngoài phát triển kinh tế, ổn định chính trị, Việt Nam cần lấy văn hóa và thông qua văn hóa trong đó có văn hóa ngoại giao để xây dựng hình ảnh của mình, tìm kiếm vận hội, thời cơ mới.

6. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đến nay còn nguyên giá trị và tiếp tục định hướng, soi đường cho ngoại giao Việt Nam trên con đường hội nhập quốc tế. Thực trạng đất nước và văn hóa ngoại giao Việt Nam thời gian qua với những thành tựu và hạn chế đặt ra vấn đề phải tập trung nghiên cứu văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh và tìm cách vận dụng nó. Vận dụng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thực chất là một trong những biện pháp làm thức dậy sức mạnh tiềm ẩn của con người, đất nước và văn hóa Việt Nam, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam, tận dụng những điều kiện quốc tế thuận lợi đưa Việt Nam phát triển, phát huy ảnh hưởng trên trường quốc tế.

7. Để vận dụng thành công văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh cần chú ý một số giải pháp về hoàn thiện lý luận, nâng cao nhận thức, xây dựng văn hóa ngoại giao cho các chủ thể ngoại giao và tiếp tục thực hiện đường lối ngoại giao vì hòa bình, hợp tác và phát triển, tích cực hội nhập quốc tế, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, đường lối ngoại giao thể hiện văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay là một vấn đề lớn, cần phải đầu tư nghiên cứu nhiều hơn nữa. Những báo cáo trên đây chỉ là kết quả bước đầu, nghiên cứu sinh sẽ tiếp tục tập trung nghiên cứu sâu hơn trong thời gian tới./.

**CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Hoàng Diệu Thúy (2019), “Văn hóa ứng xử ngoại giao Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Giáo dục lý luận chính trị quân sự*, (5), tr.27-29.
2. Hoàng Diệu Thúy (2019), “Chân - Thiện - Mỹ, đặc trưng văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Nội chính*, (64), tr.41-46.
3. Hoàng Diệu Thúy (2019), “Một số nét đặc sắc của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Giáo dục lý luận chính trị quân sự*, (1), tr.28-30.
4. Hoàng Diệu Thúy (2017), “Cách mạng Tháng Mười Nga và chính sách ngoại giao mới”, *Tạp chí Kinh tế môi trường*, (131), tr.36-39.
5. Hoàng Diệu Thúy (2016), “Chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc trong tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Giáo dục Lý luận chính trị*, (245), tr.26-27.
6. Hoàng Diệu Thúy (2016), “Văn hóa yêu nước Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ*, (146), tr.47-50.
7. Trần Minh Trường, Hoàng Diệu Thúy (2016), “Những cống hiến của đồng chí Phạm Văn Đồng trên mặt trận ngoại giao”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (3), tr.87-90.
8. Trần Minh Trường, Hoàng Diệu Thúy (2016), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người: Giá trị nhân văn và ý nghĩa thời đại”, *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị*, (19), tr.80-84.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tác giả trong nước

1. Toan Ánh (2000), *Văn hóa Việt Nam - Những nét đại cương*, Nxb Văn học, Hà Nội.
2. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1995), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2004), *Những vấn đề lớn của thế giới và quá trình hội nhập, phát triển của nước ta*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa*, Xưởng in Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Hà Nội.
5. Nguyễn Lương Bích (1996), *Lược sử ngoại giao Việt Nam các thời trước*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
6. Nguyễn Đình Bin (Chủ biên) (2015), *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Lê Thanh Bình (Chủ biên) (2012), *Giao thoa văn hóa và chính sách ngoại giao văn hóa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
8. Mai Văn Bộ (2015), *Chúng tôi học làm ngoại giao với Bác Hồ*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Bộ Ngoại giao, Ban Chấp hành Đảng bộ (2010), *Bác Hồ với ngoại giao - Mẫu chuyện nhỏ bài học lớn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Bộ Ngoại giao, Ban Nghiên cứu lịch sử ngoại giao (2009), *Vận dụng tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh thời kỳ hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Bộ Ngoại giao (2000), *Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

12. Bộ Ngoại giao (1995), *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Thanh Cao, Nguyễn Đức Gia (Biên soạn) (2014), *Bác Hồ - Người thầy vĩ đại của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
14. Phạm Sanh Châu (Chủ biên) (2008), *Ngoại giao văn hóa “Vì một bản sắc Việt Nam trên trường quốc tế”*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
15. Phạm Hồng Chương (1993), *Đảng lãnh đạo đấu tranh ngoại giao thời kỳ chống Mỹ cứu nước (1965 - 1973)*, luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI*, Công ty in Tiền Bộ, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, XIII, IX, X), phần I*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, XIII, IX, X), phần II*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng Toàn tập, Tập 8*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Phạm Hoàng Điệp (Biên soạn) (2010), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với nước Pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Phạm Văn Đồng (1991), *Hồ Chí Minh - Quá khứ, hiện tại và tương lai*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

24. Nguyễn Thị Kim Dung (1997), *Đảng lãnh đạo hoạt động đối ngoại thời kỳ 1945 - 1946*, luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
25. Thành Duy (1990), *Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà tư tưởng, danh nhân văn hóa thế giới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
26. Trần Dương, Nguyễn Thị Minh Hương (2007), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với các chính khách quốc tế*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
27. Dương Danh Dy (2008), *Một vài nhận thức ban đầu về Ngoại giao văn hóa của Trung Quốc*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
28. Võ Nguyên Giáp (2018), *Thế giới còn đổi thay nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
29. Nguyễn Tất Giáp, Nguyễn Thị Quế và Mai Hoài Anh (Đồng chủ biên) (2015), *Mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
30. Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
31. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2014), “Tinh thần khoan hòa văn hóa trong nền ngoại giao Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, (1).
32. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2013), “Phật tính trong văn hóa ngoại giao Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (5).
33. Vũ Văn Hiền (2014), *Việt Nam và thế giới đương đại*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
34. Nguyễn Duy Hoan (2010), “Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác ngoại giao”, *Tạp chí Đối ngoại*, (4).
35. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2014), *Phát triển văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, một số kinh nghiệm của các nước trên thế giới*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

36. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Xanh Pêtécbuva (2015), *Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, St. Peterburg.
37. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2015), " Tư tưởng Hồ Chí Minh giá trị nhân văn và phát triển", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia kỷ niệm 125 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
38. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2010), "Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
39. Học viện Quan hệ quốc tế (2002), *Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao*, Nxb Lao động, Hà Nội.
40. Học viện Quan hệ quốc tế (2001), *Ngoại giao Việt Nam từ thuở dựng nước đến trước Cách mạng Tháng Tám 1945*, Nxb Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội.
41. Hội đồng quốc gia (2003), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 3, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
42. Vũ Dương Huân (2015), *Ngoại giao và công tác ngoại giao*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
43. Vũ Dương Huân (2009), *Một số vấn đề quan hệ quốc tế, chính sách đối ngoại và ngoại giao Việt Nam*, tập I, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
44. Vũ Dương Huân (2009), *Một số vấn đề quan hệ quốc tế, chính sách đối ngoại và ngoại giao Việt Nam*, tập II, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
45. Vũ Dương Huân (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

46. Đỗ Huy (2016), *Các giá trị văn hóa Việt Nam chuyển từ truyền thống đến hiện đại*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
47. Nguyễn Khắc Huỳnh (2011), *Ngoại giao Việt Nam - Góc nhìn và suy ngẫm*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
48. Trần Đình Huỳnh, Hoàng Chí Bảo (2013), *Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
49. Đinh Thế Huynh và các cộng sự (2015), *30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
50. Phạm Gia Khiêm (2015), *Nền ngoại giao toàn diện Việt Nam trong thời kỳ hội nhập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
51. Nguyễn Văn Khoan (1995), *Bao dung Hồ Chí Minh*, Nxb Lao động, Hà Nội.
52. Vũ Khoan (2014), *Đôi điều tản mạn về văn hóa ngoại giao*, tại trang <http://baoquocte.vn>, [truy cập ngày 28/10/2017].
53. Vũ Khoan (Chủ biên) (1990), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác ngoại giao*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
54. Trần Trọng Kim (1971), *Việt Nam sử lược*, quyển II, Nxb Trung tâm học liệu, Sài Gòn.
55. Lê Thị Kinh (2003), *Phan Châu Trinh qua những tư liệu mới*, tập II, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
56. Đặng Xuân Kỳ (2010), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
57. Thái Kim Lan (2009), “Đạo đức văn hoá - Khởi thủy của ngoại giao văn hoá”, *Tạp chí Tia sáng*, (2+3).
58. Vũ Trọng Lâm, Lê Thanh Bình (Đồng chủ biên) (2015), *Văn hóa đối ngoại Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

59. Phan Ngọc Liên (Chủ biên) (1994), *Hồ Chí Minh - Những hoạt động quốc tế*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
60. Đỗ Hoàng Linh, Phạm Hoàng Điệp (Biên soạn) (2009), *Hồ Chí Minh trong ký ức bạn bè quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Võ Văn Lộc (2016), *Khát vọng hòa bình và độc lập dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua một số lá thư, bài báo gửi các Tổng thống Mỹ*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
62. Nguyễn Phúc Luân (2005), *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Dấu ấn trí tuệ trên mặt trận đối ngoại*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
63. Nguyễn Phúc Luân (2004), *Ngoại giao Hồ Chí Minh lấy chí nhân thay cường bạo*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
64. Nguyễn Thị Luận, Nguyễn Thị Thanh Nga (Chủ biên) (2015), *Nguyên tắc, phương pháp ngoại giao Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng ta*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
65. Trịnh Thanh Mai (2019), *Ngoại giao văn hóa Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
66. Trần Thị Hoàng Mai (2014), *Văn hóa ngoại giao Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Cơ quan chủ trì Vụ văn hóa đối ngoại và UNESCO.
67. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
68. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
69. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
70. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

71. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
72. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
73. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
74. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
75. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
76. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
77. Phạm Bình Minh (2015), “Chủ tịch Hồ Chí Minh: Sự kết hợp hài hòa giữa danh nhân văn hóa và nhà ngoại giao”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, (3).
78. Phạm Bình Minh (2015), *Ngoại giao Việt Nam quá trình triển khai đường lối đối ngoại Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
79. Phạm Bình Minh (Chủ biên) (2011), *Đường lối chính sách đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
80. Phạm Xuân Nam (2013), *Sự đa dạng văn hóa và đối thoại giữa các nền văn hóa - Một góc nhìn từ Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
81. Phạm Xuân Nam (2012), “Kinh nghiệm đưa đối thoại văn hóa vào hoạt động ngoại giao của ông cha ta trong lịch sử”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, (89).
82. Phan Ngọc (2007), *Một thức nhận về văn hóa Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
83. Nhiều tác giả (2004), *Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

84. Nhiều tác giả (2001), *Những kỷ niệm sâu sắc về Bác Hồ*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
85. Nguyễn Khắc Nho (2009), *Hồ Chí Minh - Đỉnh cao truyền thống Nhân - Trí - Dũng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Nguyễn Dy Niên (2009), *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
87. Nguyễn Dy Niên (2001), *Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng trong giai đoạn mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. Vũ Dương Ninh (2015), *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940 - 2010*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
89. Trịnh Thị Phương Oanh (2017), *Văn hóa Hồ Chí Minh trong chiến lược ngoại giao văn hóa Việt Nam ở đầu thế kỷ XXI*, luận án Tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
90. Hoàng Phê (Chủ biên) (1997), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
91. Bùi Đình Phong (2018), “Quyền lực mềm của Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (4).
92. Bùi Đình Phong (chủ biên) (2014), *Bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
93. Phòng Lưu trữ Bộ Ngoại giao (1967), *Lược ghi các bài nói chuyện của Hồ Chủ tịch Hồ Chí Minh tại các Hội nghị cán bộ ngoại giao (từ 1962 đến 1967)*, Bản đánh máy, Hà Nội.
94. Phùng Hữu Phú (2016), *Phát triển văn hóa - Sức mạnh nội sinh của dân tộc trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
95. Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định việt sử thông giám cương mục*, Tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

96. Võ Văn Sung (2013), *Suy ngẫm về trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
97. Dương Quốc Thanh (2011), “Ngoại giao văn hóa, trụ cột thứ ba trong chiến lược ngoại giao toàn diện của Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, (4).
98. Song Thành (2015), *Hồ Chí Minh - Nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
99. Song Thành (chủ biên) (2006), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
100. Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
101. Đặng Văn Thái (2004), *Hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống thực dân Pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
102. Mạch Quang Thắng (2010), *Hồ Chí Minh - Con người của sự sống*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
103. Nguyễn Tài Thư (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
104. Nguyễn Phú Trọng (2016), “Hoạt động đối ngoại cần phải là một phương thuốc hòa bình hữu hiệu”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, (3).
105. Nguyễn Phú Trọng (2014), “Ngoại giao chủ động, tích cực vận động, xây dựng và tranh thủ những cơ hội mới để xây dựng và bảo vệ đất nước”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, (1).
106. Trần Minh Trường (2014), *Những quan điểm nguyên tắc ứng xử trong quan hệ quốc tế của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng trong tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
107. Trần Minh Trường (2001), *Hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1954 - 1969*, luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

108. Trần Thị Minh Tuyết (2016), *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
109. UNESCO - Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1990), *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa lớn*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
110. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1976), *Nguyễn Trãi Toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
111. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
112. Hồ Sĩ Vịnh (2014), “Ngày Xuân nói chuyện minh triết văn hóa ngoại giao Việt Nam”, *Tạp chí Tuyên giáo*, (2).
113. Trần Quốc Vượng (Chủ biên) (2012), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

*** Tác giả nước ngoài**

114. Archimedes L.A.Patti (Lê Trọng Nghĩa dịch) (2001), *Tại sao Việt Nam*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
115. Hellmut Kapfenberger (2010), *Hồ Chí Minh - Một biên niên sử*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
116. H.Nicolson (1965), *Diplomacy*, Oxford University Press, London.
117. J. Lacouture (1967), *Ho Chi Minh*, Ed. Seuil, Pari.
118. Jean Sainteny (Kim Lê dịch) (2004), *Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ*, Nxb Công an nhân dân và Công ty văn hóa Phương Nam, Hà Nội.
119. John Lê Văn Hóa (2003), *Tìm hiểu nền tảng văn hóa dân tộc trong tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh*, Nxb Hà Nội.
120. John Prados (2005), “Con đường huyết mạch mang tên Hồ Chí Minh trong cuộc chiến Việt Nam”, *Tạp chí Xưa và nay*, (241).
121. John C.Maxwell (Thảo Nguyên dịch) (2010), *Ai cũng giao tiếp, nhưng mấy người kết nối*, Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội.

122. Joseph S.Nye, JR, (Lê Trường An dịch) (2017), *Quyền lực mềm, ý niệm mới về thành công trong chính trị thế giới*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
123. Le Nouveau Petit Robert (1994), *Dictionnaires Le Robert*, Paris.
124. Nguyễn Đài Trang (2010), *Hồ Chí Minh - tâm và tài của một nhà yêu nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
125. Pierre Brocheux (2007), *Ho Chi Minh: A Biography*, Cambridge University Press.
126. Samuel P.Huntington (Nguyễn Phương Sửu và các cộng sự dịch) (2016), *Sự va chạm của các nền văn minh*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
127. UNESCO (1982), Tuyên bố về những chính sách văn hóa, Hội nghị quốc tế do UNESCO chủ trì từ 26/7 đến 6/8/1982 tại Mêhicô.
128. William J.Duiker (2001), *Ho Chi Minh: A life*, Hyperion, New York.